

Khai Thị

Quyển 1

Hòa Thượng Tuyên Hóa



Ban Phiên Dịch Việt Ngữ

Trường Đại Học Pháp Giới

Vạn Phật Thánh Thành

Talmage, California

Dharma Realm Buddhist University,

The Buddhist Text Translation Society, Viet Translation Dept.

2001 Talmage Road,

Talmage, CA 95481- 0217

Mục Lục:

1. Phật Pháp là Thực Hành, Không Phải Chỉ Nói Suông
2. Chú Đại Bi Tiêu Trừ Tai Nạn
3. Cực Lạc Thế Giới Ở Ngay Trước Mắt
4. Sám Hối tức là Cải Quá Tự Tân
5. Xúi Người Khác Làm Ác, Tội Mình Tăng Gấp Ba
6. Tu Hành Có Bốn Giai Đoạn
7. Thức Khuya Dậy Sớm, Vì Ai Mà Bận Rộn?
8. Niệm Phật Giống Như Gọi Điện Thoại
9. Đừng Chờ Đến Lúc Khát Mới Đào Giếng
10. Niệm Danh Hiệu Bồ-Tát có thể Minh Tâm Kiến Tánh
11. Chúng Sinh Vô Biên Thế Nguyên Độ
12. Học Phật Cần Phải Tu Giới, Định, Huệ
13. Nước Chảy Trào Trước Cửa Chùa
14. Gia Phong của Kim Sơn Thánh Tự
15. Học Phật Cần Có Chân Tâm
16. Ứng Vô Sở Trụ Nhi Sanh Kỳ Tâm
17. Trí Huệ Quang Minh Từ Vô Lậu
18. Tu Đức - Tạo Nghiệp
19. Vạn Vật Đều Nói Pháp Cho Mình

20. Đừng Chờ Tới Lúc Già Mới Học Đạo
21. Tình Ái và Dục Vọng là Tảng Đá Buộc Chân Người Tu Đạo
22. Hãy Nỗ Lực vì Hòa Bình Thế Giới
23. Đả Thiên Thất Phái Khắc Kỳ Thủ Chứng
24. Làm Vừa Đủ là Trung-Đạo
25. Phật Pháp rất Bình Đẳng
26. Đại Thiện Đại Ác Vượt Ra Ngoài Số Mạng
27. Xin Bỏ-tát Làm Tiêu Độc Cho Toàn Cầu
28. Phật Pháp Là Gì?
29. Vô Qui Củ Bất Thành Phương Viên
30. Khi Đắm Trước Hương Vị Thiên Thì Mọi Chuyện Đều Sai Lầm
31. Đạo Tràng Tốt Khó Tìm
32. Sĩ Ái Triền Miên
33. Nỗi Bất Hạnh của Cửa Phật
34. Kiếp Sau Muốn Làm "Liên-Thể-Anh"
35. Tham Thiên: Trước Nhất Cần Xây Nền Tảng
36. Quang Âm Thiên và Khoa Học
37. Tánh, Thức, Ý, Tâm
38. Thật Đau Lòng Cho Nền Giáo Dục Hiện Tại
39. Tham Thiên Cần Có Con Mắt Biết Chọn Pháp

40. Đắc Nhất Vạn Sự Tất
41. Lục Đại Tông Chỉ tức là Ngũ Giới
42. Biểu Hiện của Đức Hạnh
43. Thiên Thất Hối Ngữ
44. Viên Mãn Mười Tuần Thiên
45. Mười Pháp Giới Không Ngoài Một Niệm Của Tâm
46. Tham Hưởng Thọ Thì Cần Gì Xuất Gia
47. Người Xuất Gia Phải Tụng Ba Bộ Kinh
48. Bốn Đạo Tràng ở Tây-Phương: Mỹ và Gia-Nã-Đại
49. Xuất Gia là Chuyện của Bậc Đại Trượng Phu
50. Phật Tánh Là Bốn Nguyên Của Tất Cả Chúng Sinh
51. Số Không Là Bí Quyết Để Phản Tinh Hoàn Nguyên

Sơ Lược về Hòa Thượng Tuyên Hóa

Mười Tám Đại Nguyên của Hòa Thượng Tuyên Hóa

Tám Quy Luật của Viện Phiên Dịch Kinh Điển

Phật Pháp là Thực Hành,

Không Phải Chỉ Nói Suông

Đạo đức là căn bản làm người.

Một khi có đạo đức rồi, chúng ta mới có thể đứng vững được.

Ngày đêm như tên bắn, năm tháng như thoi đưa. Sóng trên sông, ngọn sau đẩy ngọn trước; cảnh đẹp mau tàn. Đời người tuổi trẻ qua nhanh, chẳng mấy chốc sẽ già chết hủ diệt, không lưu lại dấu vết, đủ thấy mọi thứ thật vô thường.

Do mọi thứ vô thường nên mình phải mau tìm nơi quy túc. Quý-vị rất là may mắn, sau khi tìm tòi, truy đuổi, cuối cùng đã có lòng tin Phật. Tin Phật thì mình mới đến được chỗ Thường, Lạc, Ngã, Tịnh; tức cái vui rốt ráo nhất. Do đó mình phải tin Phật. Nhưng tin suông chưa đủ, mình phải y theo Pháp mà tu hành. Nếu tin mà không tu thì cũng như bàn chuyện ăn cơm, hay đếm giùm tiền người, mà mình thì chẳng thấy no, hoặc chẳng giàu thêm. Cho nên người xưa có nói:

Đạo thị yếu hành,

Bất hành tắc yếu đạo hà dụng?

Đức thị yếu tu,

Bất tu tắc đức tòng hà lai?

Nghĩa là:

Đạo phải hành,

Không hành sao gọi là đạo.

Đức do tu,

Không tu đức sao thành.

Thế nên mình phải "cung hành thực tiễn," thật sự tu hành. Thường đem hai chữ sinh tử treo giữa đôi mày và hai chữ "đạo đức" đập dưới chân. Nói ra nghe có vẻ khó hiểu. Tại sao lại đem "đạo đức" đập dưới chân? Vì đạo đức là gốc làm người, ví như là gốc của cây. Có đạo đức thì mình mới đứng vững, còn ngược lại, không có đạo đức thì mình như cây chẳng có gốc, không sao đứng vững đặng. Mình cần đem đạo đức ra thực hành thì nhân cách mới vững vàng, mọi sự mình làm tự nhiên sẽ thành công. Cho nên: "Đạo đức nhị tự, thị tổ nhân căn bản." Tức là đạo đức là căn bản làm người. Sách Luận Ngữ nói: "Quân tử vu bản, bản

lập nhi đạo sanh." Tức là bậc quân tử chú trọng đến cái gốc, khi gốc vững thì Đạo phát sinh. Chăm lo cái gốc thì mới sinh được đạo. Đó là lời minh huấn của cổ nhân.

Như đã nói lúc nãy, thời gian trôi nhanh như tên bắn mà ta nào hay. Chuyện quá khứ đã qua thì đành vậy, song chuyện tương lai, cần phải lập ra tông chỉ, không thể để trôi qua một cách mê mờ được.

Tông chỉ của Chùa Tây Lạc Viên là đề xướng Pháp-môn Tịnh-độ; chủ trương tinh tấn niệm Phật. Thường lệ mỗi năm vào ngày 19 tháng 6 và ngày 17 tháng 11 âm lịch thì Chùa cử hành Pháp-hội Quán-âm và Thất Di Đà. Song quý vị không thể chỉ tham gia cho có lệ thôi. Năm nay phải tinh tấn hơn năm trước, lúc nào cũng phải chuyên tâm, trong bảy ngày này, mỗi giờ, mỗi phút đều phải siêng năng niệm danh hiệu Bồ-tát mà không biết mỏi mệt.

Khi niệm Bồ-tát, mình chớ mong Bồ-tát niệm mình. Tại sao vậy? Vì trong thời gian đã thất, nếu mang danh là tham gia đã thất mà mình không siêng năng niệm hồng danh, lòng lại đầy tạp niệm thì chỉ làm cho đức Bồ-tát đại từ đại bi sẽ thấy tội nghiệp: Rằng mình đã không thành tâm đã thất, rằng mình thật đáng thương xót. Cho nên đại chúng phải khẩn thiết thành tâm mà niệm và phát lòng từ bi hỷ xả. Được như vậy tôi khẳng định rằng Bồ-tát chắc chắn sẽ gia hộ cho quý-vị.

Xưa nay, Tây Lạc Viên chưa từng phát thiệp mời đã thất, mà là đại chúng tự nguyện phát tâm đến dự. Tinh thần tự động phát tâm như vậy rất tốt, đáng được tuyên dương. Song mình đừng để sự chân thành này bị lãng phí, mà phải phát nguyện niệm cho tới khi "*thủy lạc, thạch xuất*" nghĩa là nước cạn, đá lộ ra. Niệm đến lúc Bồ-tát hiện thân thuyết Pháp. Vậy mới không uổng công tham gia đã thất.

Hôm nay là ngày đầu tiên của Pháp-hội. Tôi chúc quý vị năm nay sẽ gặt hái được nhiều thành quả. Ngược lại, tôi sẽ thanh toán món nợ này với quý-vị. Nếu món nợ này tính không xong, thì đừng hối hận! Thôi được rồi, tôi không nói đùa với quý-vị nữa, hãy niệm nhiều danh hiệu Bồ-tát là hơn!

Giảng ngày 13 tháng 6 năm 1958,

nhân dịp lễ Quán Âm Thất

Tây Lạc Viên, Hồng Kông

Chú Đại Bi Tiêu Trừ Tai Nạn

Sự lợi ích chân chính thường khó diễn bày.

Giống như người uống nước,

lạnh hay nóng chỉ tự mình biết.

Ngay trong lúc thời tiết nóng bức tột độ mà quý-vị không sợ nóng cũng chẳng sợ đường xa núi cao, tới đây tham gia đã thất thì như vậy có điều gì lợi chẳng? Sự lợi ích chân chính thường khó diễn bày. Giống như người uống nước, lạnh hay nóng chỉ tự mình biết. Duy người có tâm chân thật mới lãnh hội được sự diệu kỳ.

Làm thế nào để thu hoạch được điều lợi ích này? Không gì khác hơn là thành tâm niệm danh hiệu Bồ-tát. Chân tâm tức là chuyên tâm vậy. Cho nên nói: "*Chuyên nhất tất linh, phân chi tất tệt.*" Tức là chuyên nhất thì linh ứng, phân chia thì bết tắc. Khi tâm chuyên nhất, tự nhiên sẽ được cảm ứng đạo giao. Sự cảm ứng đạo giao vốn không thể nghĩ bàn. Tuy nhiên, tự mình phải dụng công mới được, người khác không thể làm thay mình đặng, lại càng không thể cầu may mà được.

Giống như "nói về chuyện ăn cơm hay đếm tiền giùm kẻ khác." Có kẻ thường hay đề cập đến những thứ dinh dưỡng thế này thế nọ, nhưng tự họ chẳng hề ăn, thì đồ ăn dù có bổ dưỡng cách mấy đi nữa họ cũng không thể tận hưởng được. Cho nên nói:

Chung nhật sở tha bảo, tự vô bán tiền phần.

Y pháp bất tu hành, kỳ quá diệc như thị.

Nghĩa là:

Suốt ngày đếm tiền người, tự mình không một xu.

Học pháp không tu hành, lỗi lầm cũng như vậy.

Mình niệm Phật cũng thế. Không phải hiểu biết hay bàn luận về công đức niệm Bồ-tát là đủ; phải thật sự niệm đến chỗ nhất tâm bất loạn; thậm chí đến độ nước chảy, gió thổi mà tai mình cũng chỉ nghe tiếng danh hiệu Bồ-tát mà thôi. Cho nên nói:

Hữu tình, vô tình,

Đồng diễn Ma-ha diệu pháp.

Nghĩa là:

Loài hữu tình hay vô tình,

Đều nói diệu pháp đại thừa.

Nếu mình không thể niệm tới chỗ nhất tâm bất loạn thì gió có thổi vi-vu, nước có chảy róc-rách, mình cũng chẳng tài nào cảm nhận được sự kỳ diệu của nó. Cho nên mình phải thành tâm niệm và đừng để vọng tưởng lôi kéo thì mới gặt được lợi ích của Pháp.

Khi đã thất, quý-vị phải tôn trọng qui củ của thất. Bởi vì "*Vô qui củ bất năng thành phương viên.*" Tức là không có qui củ thì không thành phương viên. Qui củ của Tây Lạc Viên là không nói năng ồn ào để tránh làm chướng ngại kẻ khác tu hành.

Trong thời gian bảy ngày này, chúng ta còn niệm thêm Chú Đại-bi. Công đức của Chú Đại-bi rất khó nghĩ bàn. Nếu người không có thiện căn, thì họ khó nghe đặng ba chữ "Chú Đại-bi." Bây giờ đại chúng không những đã được nghe mà lại còn thọ trì đọc tụng, đủ biết quý-vị có đầy đủ thiện căn rồi. Nếu đã có thiện căn, quý-vị không nên coi thường và đừng để kiếp sống này trôi qua một cách lãng phí.

Tôi còn nhớ khi Chùa Tây Lạc Viên đã thất lần đầu tiên, trong mười vị cư sĩ thì tám, chín vị chẳng thể niệm được Chú Đại-bi. Nhưng nay, mười người thì có đến tám người có thể niệm được. Đây chứng tỏ rằng sự tiến bộ của các vị cư sĩ. Tôi kể cho quý-vị nghe một câu chuyện để chứng minh về công đức của Chú Đại-bi.

Ở Mãn-châu có một vị tài chủ, tậu rất nhiều điền sản. Vào một mùa thu, vị tài chủ này tự mình đi theo bốn, năm xe hàng chở đầy cao lương xuống phố để bán. Bởi vì từ nông thôn đến thành thị cách hơn 150 dặm, nên một giờ sáng y đã khởi hành. Chẳng may đi được nửa đường thì gặp cướp. Thấy thế y lập tức niệm Chú Đại-bi. Lạ thay! Bọn thổ phỉ bỗng như đui mù không nhìn thấy xe của y, nên y an toàn qua khỏi nguy hiểm. Đó là một trong những sự linh cảm của Chú Đại-bi mà chính tôi chứng kiến.

Kinh Đại Bi Tâm Đà-la-ni dạy rằng: "*Kẻ tụng trì chú Đại-bi có thể tiêu trừ tai nạn: Lửa không thiêu được, nước chẳng chìm đắm.*" Bởi thế, tôi khuyên các vị mỗi ngày trì tụng tối

thiếu ba lần. Nếu vị nào chưa biết niệm thì mau mà học. Công đức trì tụng Chú Đại-bi không những có thể đẩy lui trộm cướp, mà còn tiêu trừ trăm bệnh, thoát khỏi sự quấy rối của chư ma. Cho nên các vị nên thành tâm tụng trì.

Hôm nay là ngày bắt đầu đả thất, bầu không khí của pháp hội rất phấn khởi và nghiêm trang. Tôi hy vọng các vị ná»— lá»±c, ra công tinh tấn.

Giảng trưa ngày 13 tháng 6 năm 1958

tại Tây Lạc Viên, Hồng Kông

Cực Lạc Thế Giới

Ở Ngay Trước Mắt

Chỉ cần ná»— lá»±c tinh tấn,

thì mình có thể "Trở Về."

Quy khứ lai hề.

Điền viên tương vu hồ bất quy.

Ký tự dĩ tâm vi hình dịch.

Hề trừ trướng nhi độc bi.

Ngộ dĩ vãng chi bất gián.

Tri lai giả chi khả truy.

Thật mê đồ kỳ vị viễn.

Giác kim thị nhi tạc phi.

Nghĩa là:

Về đi chứ!

Ruộng vườn hoang phế, sao chẳng về!

Tâm bị hình đọa, tỏ đã lâu.

Sao còn sầu muộn, than với lòng?

Lỗi xưa chưa sửa, nay đã thâu.

Mới biết tương lai còn đuổi kịp.

Ấy thật đường mê, chữa dần sâu.

Rõ ràng: Nay đúng, xưa sai xấu.

Bài thơ trên do ông Ngũ Liễu (Đào Uyên Minh) sáng tác. Nhưng chẳng biết nhà thơ có thật sự liễu ngộ được ý nghĩa thâm sâu của lời thơ chăng? Bởi lẽ nếu lấy Phật-pháp mà soi xét thì bài thơ trên vô cùng khế lý.

Sao gọi là "*Quy khứ lai hề?*" Chúng ta đã biết tự-tánh Pháp-thân là chón thường tịch quang của mười phương chư Phật. Kinh viết: "*Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh.*" Bản tánh của ta và của Phật vốn không có gì khác biệt. Nếu không như vậy, sao nói là "*đều có Phật tánh.*" Nay chúng ta không ngộ được Phật tánh bởi do trần lao ngũ dục của thế giới Ta-ba này làm ta ô nhiễm. Bởi bội giác hợp trần, nên ta chẳng hiểu ngộ tự tâm, chẳng thấy suốt được bản tánh.

Tuy nhiên, ta không thể điên đảo trầm luân mãi được. Ta phải phản bản hoàn nguyên, bội trần hợp giác. Đó chính là "*Quy khứ.*" Nghĩa là mình phải khôi phục lại bản lai diện mục vậy. Khi nương tựa vào nguyện lực của Phật Bồ-tát, nhờ công đức tụng niệm hồng danh của Ngài mà ta sinh Tịnh-độ. Đó cũng gọi là "*Quy khứ.*"

Khi đã ngộ tự tâm, sinh Tịnh-độ rồi, ta cần phát đại nguyện: "*Đảo giá từ hàng,*" nghĩa là lái chiếc thuyền từ bi trở lại độ chúng sinh tới bờ an lạc. Đó gọi là "*lai,*" tức là *Trở Về.*

Thế nào là "*Điền viên tương vũ hồ bất quy?*" Điền tức là ruộng, là ruộng tâm. Khi ta chẳng tu tâm, để mặc cho tạp niệm phát sanh thì cũng giống như ruộng vườn đầy cỏ dại vậy. Ruộng tâm trở thành hoang dã. "*Mao tặc bất khai,*" cỏ dại đầy đầy, không nhổ sạch được, thì ta không cách gì phản bản hoàn nguyên, minh tâm kiến tánh được.

"*Hồ bất quy*" là lời của chư Phật mười phương và các vị Thánh-nhân. Các Ngài ân cần dạy dỗ chúng ta rằng: "Chúng sinh ngu độn đáng thương thay! Các con vì sao không mau quay đầu trở về bến?"

"*Tâm vi hình dịch*" nghĩa là tâm bị thân thể điều khiển và ý nói rằng chúng sinh vì chấp trước lục trần nên chẳng ngộ được tự tâm, luôn luôn bị cảnh trần chi phối nên vì cuộc sống mà lãng xãng, vì danh lợi bất kể sinh mạng, lưu chuyên trong biển khổ sinh tử, thọ vô số khổ đau. Thật là ngàn thu bi thương, khổ không thể nói hết. Đó chính là ý nghĩa của câu "*Trù trưởng như độc bi*."

Thế thì, phải chăng chúng sinh mình không có thuốc cứu? Phải chăng vĩnh viễn đọa nơi hồ thẳm lục đạo luân hồi? Tuyệt đối không phải. Tuy trước kia mình phạm lầm lỗi, song nhìn về tương lai vẫn còn hy vọng. Nên biết "*Tri lai giả chi khả truy*," biết tương lai còn đuổi kịp, còn cứu vãn được.

Trong tương lai, chúng ta càng không nên giống như dĩ vãng, bỏ giác ngộ, theo bụi trần, tâm làm nô lệ cho thân. Xưa kia mình không tin nhân quả, không siêng tu hành, tạo nghiệp, sát sinh v.v... đều là những việc sai lầm. Như hôm nay đã phát tâm Phật là việc đúng. Nên chúng ta "*Giác kim thị nhi tạc phi*," nghĩa là "Hiểu được hôm nay đúng, hôm qua sai." Đối với việc tốt thì phải duy trì, đối với việc xấu thì phải lập tức hết lòng hối cải. Cổ nhân nói: "*Nhất thốn quang âm nhất thốn kim*." Tức là một tấc thời gian là một tấc vàng. Thực sự đối với người tu hành, một đoạn thời gian là một đoạn của mạng sống. Một đoạn thời gian trôi qua tức là mạng mình ngắn đi một chút vậy.

Ngày hôm nay qua đi, mạng cũng tùy giảm;

Đại chúng! Phải siêng năng, tinh tấn như cứu đầu mình.

Phải mau mau sửa điều xấu ác, làm điều tốt lành. Vì mình "*Thật mê đồ kỳ vị viễn*," tức là chưa đi sâu vào con đường u mê lắm. Thế giới Cực-lạc ở trước mắt, chỉ cần ná»— lá»±c tinh tấn, thì mình có thể "*Quy khứ*."

Giảng ngày 14 tháng 6, năm 1958

Sám Hối tức là Cải Quá Tự Tân

Nếu mình chân chính có tâm sám hối,

thì sợ gì không có hy vọng.

Pháp lực của Phật rất là vĩ đại, song nghiệp lực của chúng sinh cũng rất lớn, nên có câu rằng: "Người phàm thì nghiệp nặng tình mê, Phật thì nghiệp tận tình không." Do đó, thánh và phàm khác nhau ở chỗ là "nghiệp" đã dứt chưa, và còn có "tình" hay không.

Giác giả, Phật đã,

Mê giả, chúng sanh.

Nghĩa là:

Khi giác ngộ là Phật,

khi mê là chúng sinh.

Chúng sinh thì bội giác hợp trần (quay lưng rời bỏ sự giác ngộ sáng suốt để hòa mình trộn lẫn với bụi bặm vô minh), luôn bị trần lao ngũ dục (tham tài, tham sắc, tham danh, tham ăn, tham ngủ) làm cho xoay chuyển, khiến nghiệp chướng càng ngày càng tăng thêm. Phật thì siêu thoát mọi ngũ dục trần lao, không còn tạo nghiệp nữa. Chúng sinh do nghiệp nặng nên muốn liễu Đạo thành Phật, trước tiên cần phải sám hối những tội nghiệp đã làm. Nếu như không có tâm sám hối mà muốn thành Phật thì cũng như nấu cát mà mong thành cơm vậy. Tuy rằng cát nấu hằng hà sa số kiếp nhưng cuối cùng cũng không thể nào thành cơm được. "Sám" nghĩa là sám trừ lỗi lầm xưa, hổ thẹn với những lỗi lầm đã phạm. "Hối" là hối cải, sửa đổi; nhất định quyết tâm sửa đổi con người mình, vĩnh viễn không còn tái phạm nữa. Như ông Viên Liễu Phàm đã nói:

Dĩ tiên chủng chủng, ví như tạc nhật tử.

Dĩ hậu chủng chủng, ví như kim nhật sinh.

Nghĩa là:

Những điều xấu mình làm từ trước,

hôm qua kể như là ngày cuối cùng.

Những điều mình làm về sau,

hôm nay là bắt đầu một cuộc đời mới.

Nếu như mình không siêng năng sám hối thì tội nghiệp mình tạo ra sẽ khiến mình mãi đọa lạc. Chắc quý-vị còn nhớ khi quy y, trước tiên quý-vị xưng tên mình rồi sau đó sám hối như sau:

Tùng u vô thủy, dĩ chí kim sinh,

Hủy báng Tam-bảo, tác nhất xiển đề,

Báng Đại-thừa Kinh, đoạn học Bát-nhã,

Thí hại phụ mẫu, xuất Phật thân huyết,

Ô tăng già lam, phá tha phạm hạnh,

Phản hủy tháp tự, đạo dụng Tăng vật,

Khởi chur tà kiến, bác vô nhân quả,

Hiệp cận ác hữu, vĩ bối lương sư...

Nghĩa là:

Con từ vô thủy, cho tới ngày nay,

Nguyên rửa Tam-bảo, làm Nhất-xiển-đề,

Chửi Kinh Đại-thừa, dứt học Bát-nhã,

Giết hại mẹ cha, làm Phật đổ máu,

Bản chôn chùa chiền, phá phạm hạnh người

Đốt hủy chùa tháp, ăn cắp đồ Tăng,

Dấy đủ ý sai, nói không nhân quả

Gần bạn bè xấu, nghịch lại thầy lành...

Bây giờ, tôi sẽ giảng lại đại ý của đoạn văn sám hối trên.

Chúng ta từ vô thủy đến nay đã tạo ra không biết là bao nhiêu tội nghiệp, không kể xiết. Thứ nhất là mình hủy báng Tam-bảo: Phật, Pháp, Tăng. Trong các tội, hủy báng "Tăng-bảo" là tội lớn nhất, nặng nhất, bởi vì chư Tăng đại biểu cho Phật để tuyên dương Phật-pháp. Bởi vậy hủy báng Tăng tức tội không thể sám hối được. Thế nào gọi là "Xiển đề"? "Xiển đề" tiếng Phạn dịch nghĩa là "tín bất cụ," không đủ lòng tin, hoặc là "vô thiện căn," không có căn cơ lành. Thí dụ như khi quý-vị thuyết Pháp cho người đó, không những họ không thích nghe mà thậm chí còn nói ngược lại rằng: "Tôi không tin đâu!" Đây không phải là tự đem thiện căn của mình mà đoạn tuyệt đi sao?

"Báng Đại-thừa Kinh" tức là phi báng kinh điển Đại-thừa. Như có người nói đạo lý trong kinh là giả hoặc nói rằng kinh điển Đại-thừa là do ma vương nói ra, v.v... Đây cũng là phạm tội không thể sám hối được. "Bát-nhã" là tiếng Phạn, nghĩa là trí huệ. Bát-nhã có ba loại: Thật-tướng Bát-nhã, Quán-chiếu Bát-nhã và Văn-tự Bát-nhã. Nếu như "đoạn học" (không chịu học) bất cứ loại Bát-nhã nào, thì mình sẽ trở nên ngu si. Quả báo của ngu si là sẽ đọa làm thú vật.

"Thí hại phụ mẫu" nghĩa rằng giết hại cha mẹ của mình. Câu này bao hàm luôn việc sát hại các vị A-la-hát và thánh nhân. Thí dụ như Đề-Ba-Đạt-Đa giết một vị đắc Tứ-quả A-la-hán.

Kế đến là "Xuất Phật thân huyết" nghĩa là dấy máu Phật. Đây cũng là một tội không thể sám hối sạch được. Nhiều người hiểu lầm cho rằng tội này chỉ áp dụng khi đức Phật còn tại thế. Khi dùng dao cắt chém thân thể Phật thì mới mang tội này. Song thật sự sau khi Phật diệt độ rồi, hễ ta hủy hoại tượng Phật, hình ảnh Phật, tất cả đều phạm tội này. Phá lợp vàng trên tượng Phật hoặc đập bể tượng Phật, tuy rằng không làm tổn hại đến xác thịt của Phật nhưng cũng là cắt chém thân Phật vậy.

"Ô tăng già lam" nghĩa là làm ô uế chốn thanh tịnh của chùa chiền. Giống như một số cư sĩ có gia đình trú ngụ trong chùa, song lại làm những việc không chính đáng như ăn thịt, sát sinh, v.v... "Phá tha phạm hạnh" nghĩa là phá hạnh thanh tịnh của kẻ khác. Thí dụ như người xuất gia xưa nay vốn thanh tịnh không bị nhiễm ô, nhưng có người lại phá khuấy họ, khiến họ phạm giới luật, đó cũng là tội không thể sám hối được.

"Phân hủy tháp tự" nghĩa là đốt hoặc thiêu hủy, phá hoại tháp đền và chùa chiền. Thí dụ như trong lịch sử có Phùng Ngọc Tường hỏa thiêu Chùa Bạch Mã và Chùa Thiếu Lâm. "Đạo dụng Tăng vật" là ăn cắp vật dụng của chư tăng. Đây là nói đến những kẻ dùng thủ đoạn không chính đáng để đoạt của thường trụ lấy làm của riêng họ. Những hạng người như vậy đều có tà tri, tà kiến, ý tưởng sai lầm, luôn cho mình là đúng. Họ thường cho rằng không có nhân quả và luôn luôn làm những điều nghịch lại với đạo lý. Không có chuyện ác, chuyện xấu nào mà họ không dám làm. Hạng người như vậy thì làm sao mà không đọa địa ngục được?

Cuối cùng là "Hiệp cận ác hữu, vĩ bồi lương sư" nghĩa là thân cận với những kẻ ác, bạn xấu và đối nghịch lại với những vị thầy tốt. Bạn xấu là những người mà các nhà nho gọi là "tôn hữu" (hại bạn). Những thứ cướp giựt, những bọn bất lương sống ngoài vòng pháp luật là thứ mình không nên kết bạn. Kết giao với họ chỉ làm tổn hại cho mình, từ từ làm cho mình đi vào con đường sai lầm, không còn nghe theo lời khuyên bảo của cha mẹ, thầy tốt; lấy điều sai lầm cho là đúng và không còn phân biệt được chuyện phải trái trắng đen gì cả, cứ làm việc ngược ngạo, thật đáng thương xót thay!

Những tội lỗi kể trên là những điều mà mình không nên phạm, tuy rất dễ bị phạm. Nếu chẳng may mình đã phạm những lỗi đó thì phải làm sao? Quý-vị đừng lo sợ. Có câu rằng: "Di thiên đại tội, nhất sám tiện tiêu." Nghĩa là tội phạm tày trời, sám hối sạch tiêu. Tội vốn không hình tướng. Nếu mình chân chính có tâm sám hối thì sợ gì không có hy vọng. Quý-vị đừng nên coi thường mình, đừng cam tâm để bị đọa lạc.

Giảng ngày 14 tháng 6, năm 1958

Xúi Người Khác Làm Ác,

Tội Minh Tăng Gấp Ba

Bất luận trước mặt người nào cầu xin sám hối, chúng ta đều phải bày tỏ lỗi lầm cho rõ ràng, không được nói lời có ý mơ hồ, bóng gió.

Hôm qua tôi giảng một cách đơn sơ cho quý-vị nghe về ý nghĩa của sự sám hối, chỉ giảng tới đoạn "Thân cận ác hữu, hủy bồi lương sư." Bây giờ tôi sẽ giảng tiếp đoạn sau:

"Tự tác giáo tha" nghĩa là tự mình làm, xúi người khác làm hoặc thấy hay nghe người khác làm, mà thuận lòng theo. Chúng ta phải biết rằng sát sanh, ăn cắp, tà dâm, nói dối hay rượu chè đều là những hành vi không chính đáng, đó là những thứ tạo tội nghiệp. Những tội này được phân làm bốn loại: Nhân, duyên, pháp, nghiệp (nguyên nhân, điều kiện tiếp trợ, phương thức và việc làm). Sự sát sinh gồm có sát nhân, sát duyên, sát pháp, sát nghiệp; bất luận giới nào trong đó cũng có "tự tác" hay "giáo tha tác," nghĩa là tự mình làm hoặc xúi kẻ khác làm.

"Tự mình làm" nghĩa là không dùng tay kẻ khác, mà chính mình đi làm chuyện bất chính. "Xúi kẻ khác làm" tức là cô vờ hoặc bảo người đó làm chuyện không đúng. Đó là phạm tội một cách gián tiếp. So sánh với tội trực tiếp thì tội gián tiếp này nặng hơn một phần, bởi vì tự mình đã có tội rồi mà mình còn mang thêm tội nữa là xảo trá. Cho nên tự làm đương nhiên có tội rồi, mà xúi kẻ khác làm thì tội càng nặng hơn.

Thế nào là "kiến văn tùy hỷ"? (thấy, nghe rồi tùy hỷ), nghĩa là mình biết kẻ khác phạm tội mà còn giúp kẻ đó nữa, cũng giống như người xưa nói: "Trợ trụ vi xuyết" nghĩa là giúp vua Trụ làm việc bạo ngược. Hãy thử nhắm mắt lại tưởng tượng rằng từ vô thi đến nay, mình đã phạm lỗi lầm này bao nhiêu lần rồi? Cũng không cần hỏi tưởng lâu xa như vậy. Chỉ xét trong cuộc đời ngắn ngủi này, tội mình phạm đã không thể kể xiết rồi.

Cho nên trong bài Sám-hối tiếp theo là câu: "Nhu thị đẳng tội, vô lượng vô biên." Nghĩa là những tội như vậy không bờ bến, không hạn lượng được. Không những tội mình không thể kể hết được mà nó còn nhiều không biên tế. Nếu như đã biết tội sâu dày như vậy thì mình phải làm sao bây giờ? Không nói cũng biết rằng mình cần đối trước Phật mà khẩn thiết sám hối.

Do vậy cho nên bài Sám-hối lại tiếp: "Cố ư kim nhật, sinh đại tâm quý. Khắc thành bì lộ, cầu ai sám hối." "Khắc thành" hai chữ này có nghĩa là thành tâm. Khi sám hối điều cần nhất là phải thành tâm. Có những người tuy sám hối với sư phụ nhưng họ hết sức dối trá. Nhưng thường thì giấu đầu lòi đuôi. Đem tội lỗi của họ mà ngụy trang che giấu đi. Đó cũng là biểu thị họ không có thành ý sám hối tội lỗi của mình. Với cách sám hối lếu láo như vậy thì dù họ có trải qua trăm ngàn vạn ức, hằng hà sa số kiếp cũng không thể nào làm cho tội nghiệp họ tiêu trừ tường tận được.

Cho nên nói "Trục tâm là đạo tràng" tức là tâm ngay thẳng là đạo tràng. Khi sám hối với ai, mình phải bày tỏ lỗi lầm cho rõ ràng, không được nói lời có ý mơ hồ, nghĩa hai đằng. Ví dụ như khi hỏi rằng có phạm tội chi không? Thì trả lời rằng "tôi không nhớ" hoặc là "có

lẽ có" v.v... Sám hối không triệt để như vậy không những không tiêu trừ được tội nghiệp mà còn trồng thêm nhân xấu nữa. Trong Phật-pháp, dù cho việc nhỏ như sợi tóc cũng không được lếu láo, coi thường. Nhưng có người lại nói lên ví dụ như sau: "Có ông nọ luôn luôn tạo ra những tội nghiệp, toàn làm những chuyện ác nhưng không hiểu sao hiện giờ ông này vẫn làm ăn giàu có, như vậy là không có nhân quả, không có công lý phải không?" Có một bài kệ như sau:

Túng sử bách thiên kiếp, sở tác nghiệp bất vong;

Nhân duyên hội ngộ thời, quả báo hoàn tự thọ.

Nghĩa là:

Trải qua trăm ngàn kiếp, nghiệp tạo chẳng mất tiêu;

Nhân duyên đầy đủ thời, quả báo mình lại thọ.

Bởi thế cho nên phải biết nghiệp mình tạo ra thì thế nào cũng có báo ứng; chỉ là vấn đề thời gian, mau hay chậm, nhân duyên đã hội hợp đầy đủ chưa mà thôi.

Lại có người nói nếu như "Trải qua trăm ngàn kiếp, nghiệp tạo chẳng mất tiêu, vậy mình không có cách gì để làm tiêu trừ được tội chướng của mình sao?" Cũng không phải là không có biện pháp. Biện pháp để trừ tội nghiệp là "Duy nguyện Tam-bảo, từ bi nhiếp thọ, phóng tịnh quang minh, chiếu xúc ngã thân." Nghĩa là nguyện xin Tam-bảo, từ bi dẫn dắt, phóng ánh sáng lành, chiếu rọi thân con. Hy vọng Phật, Pháp, Tăng, Tam-bảo có thể theo chí nguyện từ bi của các Ngài mà dùng ánh quang minh thanh tịnh vô ngại chiếu sáng nơi thân của mình. Khi ánh quang minh chiếu đến thân mình, tam chướng (phiền não chướng, báo chướng, và nghiệp chướng) được tiêu trừ, giống như mây trôi trắng hiện, bản lai thanh tịnh của tâm mình lại bừng hiện vậy. Cho nên nói "Chư ác tiêu diệt, tam chướng nguyện trừ. Phục hồi tâm nguyên, cứu cánh thanh tịnh." Nghĩa là chư ác tiêu diệt rồi thì tam chướng đều quét sạch. Khôi phục lại nguồn tâm cứu cánh luôn thanh tịnh.

Sau khi giảng xong bài văn Sám-hối này, tôi hy vọng rằng quý-vị hiểu sự tai hại của chuyện không sám hối và lợi ích của việc sám hối. Ngoài ra còn có một bài sám hối như sau:

Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp,

Giai do vô thủy tham sân si,

Tùng thân ngữ ý chi sở sinh,

Nhất thiết ngã kim giai sám hối.

Dịch là:

Mọi thứ ác nghiệp tạo từ xưa,

Đều do vô thí tham, sân, si,

Ở nơi thân, miệng, ý mà sinh,

Con nay sám hối hết tất thấy.

Bài sám hối này không những có thể làm mình sám hối được tội chướng mà còn chỉ cho thấy nguyên nhân của việc tạo tội. Do đó tôi hy vọng rằng quý-vị mỗi ngày ở trước bàn Phật niệm bài văn này tối thiểu ba lần. Bây giờ tôi sẽ giải thích sơ qua ý nghĩa của bài này cho quý-vị nghe.

"Vãng tích" nghĩa là hồi xưa; gần là nói trong đời này mà xa nữa là nói vô lượng kiếp về trước. Trong thời gian đó, chẳng những là có lúc mình vào bụng trâu hay ra thai ngựa, cũng có khi sinh vào nhà họ Trương, lại có lần làm con họ Lý. Luân chuyển trong lục đạo, và trong giai đoạn này, không biết mình đã tạo ra bao nhiêu là tội nghiệp nữa.

Vì sao mà mình tạo tội nghiệp? Bài sám hối giải thích rất rõ ràng, "Tất cả đều do vô thí tham, sân, si" nghĩa rằng do tam độc tham, sân, si làm phát sinh vô số tội nghiệp. Cũng lại vì ba thứ độc này làm chủ nên thân thể mình mới phạm vào những tội như sát sinh, trộm cắp, và dâm dục. Miệng thì phát sinh ra những tội vọng ngữ, nói thêu dệt, nói lời ác ôn, nói lưỡi hai đầu. Cho nên trong bài văn có nói "Tùng thân ngữ ý chi sở sanh" nghĩa là do nơi thân, ngữ, ý mà phát sinh ra.

Bất luận là tội do thân tạo ra như là sát sinh, trộm cắp, dâm dục hoặc là nơi miệng tạo ra như là nói láo, nói lời ác ôn, nói lời thêu dệt, nói lưỡi hai đầu hoặc là tội phát sinh nơi ý niệm như tham, sân, si, mình đều phải khẩn thiết sám hối. Nếu không thì mình giống như người rớt vào bùn lầy, càng lúc càng lún sâu. Khi tội nghiệp càng lúc càng thâm trọng thì chính mình cũng không còn chỗ nào ngoi lên được, không còn cách gì mà cứu vớt được nữa.

Tôi hy vọng rằng quý-vị hiện ngồi đây đều có đầy đủ thiện căn, không quên chuyện sám hối, nhất định quý-vị có thể phát nguyện sám hối nghiệp chướng và tiêu trừ tất cả tội lỗi.

Giảng ngày 15 tháng 6 năm 1958

Tu Hành Có Bốn Giai Đoạn

Hãy coi ngày quy y là ngày sinh nhật.

Cuộc đời tu hành tính từ đó.

Một năm có bốn mùa: Xuân, hạ, thu, đông. Đó là chuyện hiển nhiên, ai cũng biết. Nhưng quý-vị có biết chăng là đời người cũng phân thành bốn giai đoạn: Sanh, lão, bệnh, tử. Làm người, ai ai cũng chết, nên mình phải tính chuyện về sau mà lo tu Đạo. Tu hành cũng có bốn giai đoạn, tức là: học, hành, thành, và liễu.

Con người từ lúc mới ra đời đến lúc hai mươi tuổi là khoảng thời gian học Đạo. Trong thời kỳ này mình phải học hỏi, học Phật-pháp cho giỏi. Cũng giống như là trong sách Đại-học có nói: "Tại minh minh đức." Nghĩa là làm chói ngời cái đức sáng suốt. Đó là lúc mình huấn luyện đức tánh của mình ngày càng thêm trong sáng. Từ hai mươi một tuổi cho đến lúc bốn mươi là khoảng thời gian hành Đạo. Đây là lúc mình áp dụng cái sở học; đem chỗ học hỏi và sự hiểu biết khi trước của mình ra phổ độ chúng sinh, không phò thế tục. Như trong sách Đại-học có viết: "Tại thân dân" nghĩa là làm đổi mới đời dân. Từ tuổi bốn mươi một cho đến tuổi sáu mươi gọi là thời gian thành Đạo. Trong sách Đại-học có ghi rằng: "Chỉ ư chí thiện" nghĩa là ngừng lại ở nơi tốt đẹp nhất. Không-tử giảng về "chí thiện" nhưng không được triệt để lắm, bởi vì chưa đạt tới cảnh giới Chân-không Niết-bàn, nên chưa phải là cứu cánh. Vì vậy ở giai đoạn chót, chúng ta cần phải "liễu Đạo." Sau khi thành Đạo rồi, mình trở về cảnh giới Niết-bàn. Nếu so sánh với ba cương lĩnh của Nho-giáo: "Minh-đức, thân-dân, chỉ ư chí-thiện" thì Phật lý tu hành viên dung hơn nhiều nữa.

Có người nói: "Từ lúc nhỏ tới lúc hai mươi tuổi tôi chưa tin Phật. Bây giờ, nói là học Đạo thì thời gian đó đã qua rồi. Làm sao tôi còn học hỏi được? Phải chăng tôi không cần học?" Quý-vị phải hiểu, khi tôi nói tới bốn giai đoạn, đó chỉ là điều lý tưởng mà thôi, không phải là cố định, bất di bất dịch. Bởi thế mình có thể coi ngày quy y như là ngày sinh nhật vậy, rồi từ ngày đó tính đi mới kể là thời gian bắt đầu tu hành.

Lại có người nói: "Tôi đã quy y được bốn năm rồi mà sao chưa học được một chút Phật-pháp gì cả?" Kỳ thật quý-vị tuy đã quy y được bốn, năm năm, nhưng đối với Phật-giáo, chẳng qua quý-vị chỉ là một đứa trẻ bốn, năm tuổi mà thôi. Bởi thế quý-vị đừng lo sầu rằng mình không làm nên việc gì cả. Phật-pháp rất là thâm áo. Chỉ cần sau khi mình quy y, hai mươi năm ná»— lá»±c học Đạo, hai mươi năm ná»— lá»±c hành Đạo, thì chẳng lẽ mình không có ngày thành tựu sao?

Lại có một ông lão cảm khái thở dài mà than rằng: "Hiện nay tôi đã tám mươi tuổi rồi, e rằng không còn cơ hội để có được hai mươi năm rồi thêm hai mươi năm nữa để mà hạ thủ công phu." Đúng vậy. "Thời gian giảm khừ mệnh quang vi," tức là ngày tháng trôi đi, mạng giảm dần. Ngày tháng thì không còn nhiều đâu, thật đó! Nếu mình đem thời gian làm rút lại mà tính, cứ hai tháng tu Đạo, hai tháng hành Đạo như vậy mà suy rộng thì chỉ cần mình chân tâm với quyết chí thì dù già cũng như kẻ thanh niên, tinh tấn dững mãnh, từng bước, từng bước mà tu tập thì lo gì không có ngày thành đạt. Hãy ná»— lá»±c!

Giảng ngày 15 tháng 6 năm 1958

Thức Khuya Dậy Sớm,

Vì Ai Mà Bận Rộn?

Mình phải thức khuya dậy sớm lễ Phật, niệm Phật, cầu tiêu tan tội chướng.

Nên vì Pháp mà bận rộn.

Túc hưng dạ my vi thù mang.

Chúng sinh nan độ phả kham thương.

Mê chư trần lao tánh điên đảo.

Nhĩ đề diện mệnh háo vô phương.

Nghĩa là:

Thức khuya, dậy sớm vì ai rộn?

Chúng sinh khó độ thật đáng thương.

Mê mờ đời bụi lòng đảo lộn.

Nhéo tai trở mặt, dạy chẳng xong.

"Túc hưng" nghĩa là dậy sớm, "Dạ my" nghĩa là ngủ ban đêm. Có những người luôn làm nô lệ cho bản thân mình. Thức khuya dậy sớm tại vì sao? Cứu cánh vì ai mà bận rộn lằng xằng như vậy? Vì người khác? Vấn đề này tôi tin chắc rằng có nhiều người không giải đáp được, thậm chí có người còn nói: "Tôi không bận rộn chuyện gì cả, không lằng xằng gì hết!"

Như vậy thật cũng lạ. Có những người làm việc mà cũng chẳng rõ công việc của mình là gì. Giống như con buôn, những kẻ ngày đêm lằng xằng bận rộn lo cho chuyện buôn bán của mình đến nỗi đêm ngủ không yên giấc. Đó gọi là thức khuya dậy sớm lằng xằng vì đồng tiền. Cho đến những kẻ sĩ, nông, công, thương, bởi vì muốn thành công nên không còn tự chủ, phải thức khuya dậy sớm. Trong Thi-kinh có một đoạn như sau:

Kê ký minh dĩ hỷ, triều ký doanh hỷ.

Phi kê tác minh, thương giảng chi thanh.

Nghĩa là:

Gà gáy sáng ư? Trời hừng tỏ ư?

Chẳng phải gà gáy! Ấy! Tiếng ruồi bay!

Nghĩa là gà đã gáy sáng rồi, bây giờ mình phải dậy. Phải chẳng là ban ngày rồi? Ô! Nào phải là tiếng gà gáy, đó chỉ là tiếng con ruồi xanh mà thôi. Đoạn văn này trong Thi-kinh diễn tả các vị hiền minh quân chủ thời xưa. Các vị thấy đó, tuy thân làm hoàng đế mà đêm ngủ cũng không ngon giấc, vì mãi lo trời chóng sáng phải làm triều xử lý công việc đến nỗi nghe tiếng ruồi bay mà tưởng lầm là tiếng gà gáy. Như vậy thì thức khuya dậy sớm vì dân mà bận rộn. Nên nói rằng: "Nhất nhân hữu khánh triệu dân lại chi." Nghĩa rằng một người có phước thì triệu dân được nhờ. Cũng như nếu một nước có một vị minh quân, vị vua hiền, nhân nghĩa trị vì thì trăm dân sẽ được hưởng ấm no hạnh phúc. Nên một vị quân vương sao lại không thể thức khuya dậy sớm để lo lắng hạnh phúc cho dân chứ?

Là người tu Đạo, chúng ta cần phải thức khuya dậy sớm, không vì lợi mà bận rộn cũng chẳng vì danh mà lãng xãng. Mình phải vì Pháp mà bận rộn. Mình phải "Túc dạ phỉ giải, dĩ sự chư Phật" nghĩa là ngày đêm không mệt mỏi phụng sự chư Phật. Mình phải dậy sớm thức khuya ngày ngày lễ Phật, tụng kinh để biểu thị tâm trung thực, lòng chân thành của người con Phật. Đây không phải là lòng nghĩ một đằng mà miệng nói một nẻo, hoặc nói mà không làm.

Khi lạy Phật phải chuyên tâm thành ý, vì lạy Phật có thể tiêu trừ tội chướng. "Phật tiền đánh lễ tội diệt hà sa," nghĩa là đánh lễ trước mặt Phật tiêu tội nghiệp nhiều như cát sông Hằng. May rằng tội không có hình tướng, nếu như có thì sẽ nhiều như cát trên sông Hằng vậy. Do đó mình phải thức khuya dậy sớm lễ Phật, niệm Phật, cầu cho tội chướng của mình tiêu trừ; mình nên vì Pháp mà bận rộn.

Thật khó mà đo lường bản tính của chúng sanh. Ví như những kẻ thích ăn ngọt mà cho họ đồ chua thì họ không thích, không vui. Kẻ thích đồ chua mà cho đồ ngọt thì y lại chẳng vui mừng. Đối với hạng người như vậy, nếu không biết phẩm tánh của họ thì khó có thể độ họ được. Bởi vì Phật có trí huệ, Ngài biết được căn tánh của chúng sinh, nên tùy nghi ứng hóa, bôn ba không ngại lao khổ để độ chúng sinh. Song le, chúng sinh không những chẳng sinh lòng cảm động, lại còn chẳng chịu tiếp thọ sự dạy bảo của Phật Bồ-tát. Cho nên nói rằng: "Chúng sinh nan độ phả kham thương." Nghĩa rằng chúng sinh khó độ chẳng đáng thương sao? Chữ "thương" ở đây có nghĩa là bi thương. Vì chúng sinh ngu muội, điên đảo nên chư Phật Bồ-tát mới sinh lòng xót thương vậy.

Tại sao chúng sinh lại khó độ như vậy? Đó là bởi "mê chư trần lao tánh điên đảo." Nghĩa là bị trần lao làm cho mê hoặc, điên đảo. Đó là lời giải đáp. Bởi vì chúng sinh, trong vô lượng kiếp đã bị lục trần làm cho nhiễm ô sâu đậm. Lặn hụp trong biển khổ, triển chuyển trầm luân, điên đảo, ngược ngạo, lấy sự khổ làm niềm vui, lấy điều sai cho là đúng. Ví như ngày nay con người ưa thích ăn mặc theo thời trang, chẳng những không có chút trang nghiêm nào mà còn sinh ra nhiều hậu quả không tốt về sau. Người đời ai ai cũng biết nhưng đều phạm vào cái lỗi đó. Ai ai cũng tranh giành, ganh đua, không biết rằng biển khổ thì vô biên, nhưng quay đầu thì sẽ tới bến. Cũng giống như những võ khí chiến tranh bây giờ, loài người chẳng những không hủy bỏ chúng đi mà còn mỗi ngày tìm cách làm cho chúng thêm tinh xảo, náo»— lá»±c phát minh ra những thứ giết người cho thật tối tân, thật tinh vi. Quý-vị xem, đây không phải là chuyện điên đảo thì là gì?

Bởi vì sự điên đảo của chúng sinh cho nên tất cả các vị thánh nhân, thiện-tri-thức đều hết lòng khuyên dạy chúng sinh; giống như người lớn dạy đứa trẻ con, kéo tai mà huấn dụ. Dù vậy, chúng sinh cũng chẳng chịu nghe theo; thậm chí còn tìm trăm phương nghìn cách để che dấu tội lỗi của mình, không cho kẻ trên biết. Đây thật chính là "Nhĩ đề diện mệnh hóa vô phương." Nghĩa là kéo tai, chỉ vào mặt để dạy nhưng cũng không sao dạy được.

Ôi! Bản lĩnh phạm tội của chúng sinh thật vô song; ngay đến Phật Bồ-tát còn cảm thấy khó độ chúng sinh. Quý-vị thấy có thật đáng bi thương chăng?

Giảng ngày 16 tháng 6, năm 1958

Niệm Phật Giống Như

Gọi Điện Thoại

Nếu mình không gọi điện thoại,

đâu ai trả lời.

Niệm niệm chân thành niệm niệm thông,

Mặc mặc cảm ứng, mặc mặc trung.

Trực chỉ sơn cùng thủy tận xứ,

Tiêu dao Pháp-giới nhậm Tây Đông.

Nghĩa là:

Niệm niệm chân thành, niệm thấu suốt,

Lặng lặng cảm ứng, lặng trung dung.

Đến khi núi mòn sông cạn hết,

Tiêu điều Pháp-giới khắp Đông Tây.

Không biết quý-vị có liễu ngộ được chân nghĩa của bài kệ vừa rồi hay chăng?

"Niệm niệm chân thành, niệm thấu suốt," chữ niệm đầu tiên nói lên ý niệm do tâm phát ra. Chữ niệm thứ hai là chỉ ý niệm do miệng thốt ra. Nếu chỉ có ý niệm thứ nhì, tức là ý "niệm" phát ra từ nơi miệng thì không còn là ý niệm chân thành. Cho nên tâm khẩu cần phải chân thành khi niệm danh hiệu Phật Bồ-tát. Chúng ta cần niệm đến chỗ tâm và miệng hợp nhất, một mà không hai. Chúng ta không thể tùy tiện mà niệm, cũng không thể niệm một cách tán loạn, và càng không nên niệm một cách tạp nhạp với nhiều vọng tưởng của mình. Nếu mình làm được như vậy thì mới gọi là chân thành được.

Có được ý niệm chân thành thì nhất định sẽ được cảm ứng. Cảm ứng đó là gì? Là sự tương thông giữa tâm phàm phu của mình với tâm sáng lặng của chư Phật Bồ-tát. Đó gọi là:

Quang quang tương chiếu;

Không không tương thông.

Nghĩa là:

Ánh sáng này chiếu ánh sáng kia;

Lỗ lông này thông lỗ lông kia.

Tại sao có được cảm ứng như vậy? Giống như khi gọi điện thoại, bên này có quay số, bên kia mới trả lời. Niệm danh hiệu Bồ-tát cũng vậy, sẽ có lúc Bồ-tát hỏi mình rằng: "Thiện nam tử, thiện nữ nhân, các vị cần điều chi?" Lúc đó mình cầu gì sẽ được nấy. Nếu thiếu thành tâm thì cũng như điện thoại có năm số, mà mình chỉ quay có ba số rồi ngừng tay, làm sao đường dây có thể thông được. Niệm danh hiệu Bồ-tát cũng vậy, nếu mình niệm một chốc rồi ngừng lại, đó là thiếu thành tâm. Nhất định không có chuyện cảm thông được.

Chỉ ai có cảm ứng mới nhận biết sự "quang quang tương chiếu" này. Cũng như khi gọi điện thoại, phải nhắc ống nghe lên mới nghe rõ người bên kia đầu dây. Vì phàm phu không sao thấy được luồng sóng qua lại của điện thoại nên bài kệ nói rằng: "Im lặng cảm ứng, im lặng trung dung."

Còn nói đến: "Núi mòn, sông cạn hết" là chỗ mà "Bách xích can đầu trùng tiến bộ. Tán thủ thiên không biệt hữu thiên." Nghĩa là: Đầu sào trăm trượng cứ bước tiếp. Duỗi tay trời sập: một trời mới. ý nói rằng: ở nơi đầu sào trăm trượng, mình buông tay thì ngoài trời kia còn có bầu trời khác. Khi mình niệm đến chỗ sơn cùng thủy tận, thì lúc đó mình niệm mà không niệm bởi vì niệm và mình đã thành một khối. Đó là lúc mình có thể "Tiêu dao Pháp-giới, nhậm Tây Đông." Thí dụ khi mình muốn vãng sinh Cực-lạc thế giới thì tức khắc được như ý. Nếu muốn "đảo giá từ hàng," trở lại độ chúng sinh thì mình cũng có thể ứng nghiệm; từ thế giới Cực-lạc mà trở lại thế giới Ta-bà, hoặc đến tất cả Pháp-giới khác. Không chỗ nào mình muốn tới mà chẳng đặng, nên nói rằng "nhậm Đông Tây" chính là:

Nhất như ý, nhất thiết như ý.

Nhất tự tại, nhất thiết tự tại.

Nghĩa là:

Một việc như ý, muôn việc như ý,

Một việc tự tại, muôn việc tự tại.

Cho nên người học Phật lúc nào cũng phải chân thành. Nếu mình không như vậy tức là hư ngụy, là thứ: "Khai không hoa, bắt kết quả" tức là nụ hoa giả có nở ra cũng không sao kết trái được. Học Phật cần nhất là đừng tự dối mình.

Thêm vào đó, cổ nhân lại có câu: "Quân tử cầu chư kỹ, tiểu nhân cầu chư nhân." Nghĩa rằng người quân tử thì tìm đáp án nơi chính mình, dựa vào năng lực của mình, còn kẻ tiểu nhân thì nương tựa, cầu cạnh kẻ khác. Chúng ta không thể có tâm ý lại, phải biết rằng sự cảm ứng là tự mình chiêu cảm lấy, không do nơi khác. Có người nói: "Niệm Phật để được sinh Tịnh-độ; như vậy nhờ Phật mới được tiếp dẫn." Câu này có thể đúng nhưng cũng có thể không đúng. Tại sao vậy? Bởi vì thuyết tiếp dẫn do đối căn cơ mà lập. Đối với chúng sinh còn đầy lòng tham, luôn hy vọng chỉ dùng ít sức mà hoạch kết quả lớn; hay thích cho vay ít lấy lãi nhiều, thánh nhân do đó phải tùy cơ ứng biến, nói rằng Phật lực tiếp dẫn với mục đích là muốn chúng sinh ná»— lá»±c niệm Phật. Kỳ thật kẻ niệm danh hiệu Phật Bồ-tát mà được vãng sinh Tịnh-độ đều hoàn toàn do dựa vào sức lực của chính họ.

Niệm Phật nào phải do Phật niệm giúp mình đâu! Khi muốn niệm danh hiệu Bồ-tát, có phải là ý niệm đó xuất phát từ Bồ-tát không? Nếu không thì làm sao gọi là nhờ vào tha lực được?

Đây giống như là Phật và Bồ-tát phóng quang gia bị cho mình. Đó cũng là sự cảm ứng do công đức mình niệm Phật Bồ-tát. Dem chuyện gọi điện thoại ra ví dụ thêm lần nữa, nếu mình không nhắc điện thoại quay số thì đâu ai có thể tiếp chuyện cùng mình? Niệm Phật cũng đồng đạo lý như vậy.

Kỳ thật, tâm niệm hy vọng Phật tiếp dẫn mình vãng sinh Tịnh-Độ thực ra là tâm tham, tâm ý lại, là cái tâm mình không muốn có. Khi tu hành, phải tự dựa vào năng lực của mình, phần chân tinh thần, dũng mãnh tinh tấn; phải biết quả báo không phải là kẻ khác mang đến mình. Cho nên niệm Phật không thể nói rằng nhờ Phật lực tiếp dẫn được.

Cổ nhân có câu: "Tướng tướng bốn vô chủng, nam nhi đương tự cường." Nghĩa rằng các vị tướng không phải sinh ra đã thành, kẻ nam nhi phải tự lực tự cường. Chúng ta học Phật cũng phải có tâm khí như vậy:

Phật-đà bốn vô chủng,

Chúng sinh đương tự cường.

Nghĩa là:

Đức Phật không do chủng tộc nào thành,

Chúng sinh phải tự lực tự cường.

Nếu không như vậy suốt ngày cứ ý lại vào uy lực của Phật thì cũng như là những người con của tỷ phú, ý lại nơi di sản của ông cha mình, rồi rốt cuộc tự mình sẽ hại mình mà thôi. Cho nên quý-vị mau mau tỉnh ngộ.

Giảng ngày 16 tháng 6 năm 1985

Đừng Chờ Đến Lúc Khát

Mới Đào Giếng

Ai bảo mình lúc chưa bệnh,

toàn làm việc hồ đồ,

không biết lo gìn giữ thân.

Bệnh hậu thủy tri thân thị khô,

Tử hậu phương tri thác dụng tâm.

Nghĩa là:

Bệnh rồi mới biết thân này khô,

Chết xong mới rõ làm dụng tâm.

Đây là bệnh thông thường của chúng sinh: Khi chưa bệnh thì thế gian này thật hết sức sung sướng và đầy đủ. Đến khi bệnh, không động đậy được, không ăn uống được, mất hết tự do, chịu đủ thứ thống khổ khó nhằn, lúc đó mới biết rằng nguyên nhân cái khổ là do thân này mà ra. Nhưng lúc biết vậy thì đã quá trễ. Nên nói:

Lâm nhai lạc mã thu cương vắng.

Thuyền đáo giang tâm bỏ lậu trì!

Nghĩa là:

Ngựa đến vực thăm, thâu cương thì quá trễ.

Thuyền tới giữa dòng, vá lỗi chậm lắm thay!

Ai bảo lúc chưa bệnh, cứ làm việc hồ đồ, không biết lo giữ gìn thân mình. Bệnh khổ như vậy, hà huống chuyện lớn sinh tử.

"Tử hậu phương tri thác dụng tâm," chết rồi mới biết mình dùng tâm sai lầm. Bình thường mình không chịu kiểm điểm, đến khi xuống tới Diêm-vương mới biết rằng, lúc sinh tiền mình làm những chuyện không chính đáng, những chuyện sai lầm. Lúc sống thấy người niệm Phật, thì mình phỉ báng, nói rằng họ mê tín; cười cho là họ ngu si. Bây giờ có hồi hận thì đã muộn rồi! Sự đau khổ trong núi kiếm và vực dầu như thế nào, tự mình chiêu cảm lấy. Cho nên "Ngựa khi đã tới bờ vực thăm mới gò cương thì quá trễ. Thuyền đến giữa dòng rồi mới vá chỗ thủng thì quá chậm." Cho nên ai kêu mình không chịu chuẩn bị tương lai.

Vì thế Chu Tử nói rất hay: "Nghĩ vị vũ nhi trừ mâu, vật lâm khát nhi quật tĩnh." Nghĩa là khi trời chưa mưa thì mình phải lo sắp đặt trước; thí dụ như sửa mái nhà. Khi chưa mưa xuống mình phải mau mau chuẩn bị đối phó những chuyện sẽ xảy ra lúc trời mưa. Như ở miền bắc Trung Hoa vì những cửa sổ làm bằng giấy, nên trước khi mưa, cửa sổ cần dán kín. Nếu cửa không dán kỹ trời mưa sẽ ướt đồ vật bên trong. Đợi mưa mới đi dán cửa sổ thì đã quá muộn rồi. Đừng chờ tới lúc khát rồi mới đào giếng. Như những người ở nơi xa xăm không có ống nước dẫn nước lại, họ phải nghĩ cách để giải quyết vấn đề cung cấp nước. Không phải chờ đến lúc khát rồi mới đi đào giếng; như vậy thì quá trễ.

Mình học Phật cũng vậy, phải hiểu rằng mọi sự vô thường, không ai thoát được cái chết. Tại sao mình không lo chuyện hạ thủ công phu để giải quyết cái chết? Cho nên:

Nhược yếu nhân bất tử,

Tiên hạ tử công phu.

Nghĩa là:

Mình nếu muốn không chết,

Thì phải tu hết mình.

"Tử công phu" (tu hết mình), có nghĩa là giống như ngày hôm nay mình đã thất, niệm danh hiệu Bồ-tát. Đã thất, thứ nhất là cầu thế giới hòa bình; thứ hai là vì chuyện về sau của chính bản thân mình. Thế cũng giống như chưa mưa mà mình đã chuẩn bị trước. Mình đã thất thì năm nào cũng phải tham gia, không thể gián đoạn, như vậy mới có thể kết được đại nhân duyên với A Di Đà Phật và Quán Thế Âm Bồ-tát. Mình cần phải niệm Đức A Di Đà Phật tới độ là coi Ngài như sư phụ của mình, xem Ngài Quán Thế Âm Bồ-tát như là người bạn của mình. Nếu như được làm đệ tử của Phật, làm bạn của Bồ-tát, trải qua nhiều năm tháng, tự nhiên mình cũng sẽ trở thành bạn thân của các vị đó. Như vậy thì chư Phật Bồ-tát sẽ tiếp dẫn mình về thế giới Cực-lạc vào phút cuối cùng. Quý-vị đừng nên hồ nghi, bởi vì:

Tu Đạo chi nhân tâm mạc nghi,

Nghi tâm nhất khởi tiền đồ mê.

Nghĩa là:

Lòng người tu Đạo chớ ngờ nghi,

Nghi ngờ nổi dậy liền mờ mê.

Nghĩa là người tu Đạo chớ có tâm nghi ngờ, khi lòng nghi nổi dậy thì đi vào sự mê mờ. Chúng ta nên nghe lời của thiện-tri-thức, không nên có lòng nghi ngờ. Thí dụ như thiện-tri-thức nói tu hành cần phải có khổ công, thì mình phải tin như vậy. Nếu mình có lòng tin một cách triệt để nhất định sẽ được mình tâm kiến tánh, phản bản hoàn nguyên. Do đó mình phải thường nghe lời chỉ dạy của bậc thiện-tri-thức. Nếu vị đó dạy mình "niệm Phật" thì mình nhất định phải theo lời mà niệm Phật; nếu vị ấy dạy mình "đừng buông lung" thì mình không được buông lung, đó là yếu quyết của việc tu Đạo vậy.

Như đã nói trên: "Bệnh rồi mới biết thân này khổ." Bởi vì con người mà không trải qua một cơn bệnh khổ thì không chịu phát tâm tu hành đâu. Do vậy, kẻ chưa bệnh thì không hiểu sự thống khổ.

Lại có câu rằng: "Phú quý tu đạo nan." Nghĩa rằng người giàu tu đạo rất khó, bởi vì việc gì cũng như ý cả thì làm sao họ nghĩ đến chuyện tu. Do đó nghèo với bệnh là thứ trợ duyên cho việc tu Đạo. Bệnh đến thì mình đừng âu lo, nghèo khốn cũng chớ ưu sầu. Có bài kệ như sau:

Ngã kiến tha nhân tử,

Tử tâm nhiệt như hỏa,

Bất thị nhiệt tha nhân,

Tiệt tiệt luân đáo ngã.

Nghĩa là:

Ta thấy người ấy chết,

Lòng ta nóng như lửa,

Chẳng phải nóng cho người,

Mà từ từ lửa tới ta.

Nghèo khốn hay bịnh hoạn hẳn nhiên giúp mình trưởng dưỡng tâm tu Đạo. Cũng như khi thấy người khác nghèo khốn, bịnh khổ, già chết, mình cũng phải phát tâm như thế. Đòi người giống như: "Trường giang, hậu lãng thôi tiền lãng." Nghĩa là "Sông Trường giang, sóng sau đẩy sóng trước." Nếu mình kịp thời phát nguyện vãng sinh, lúc gần chết, mình sẽ có sự chuẩn bị. Không vậy, lúc ấy mình hoảng sợ không biết cách đối phó. Giống như đất nước nếu không trải qua một cơn biến loạn thì nhân dân chỉ thích sống trong cảnh sung sướng an lạc, không màng đến chuyện bảo vệ đất nước. Hiện tại Phật-giáo cũng như vậy, người ta không nghĩ cách để phục hưng Phật-giáo, nên Phật-giáo đi vào tình trạng ủy mị.

Vì vậy mình phải đề xướng Phật-giáo; trách nhiệm không phải chỉ ở các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, mà ở tại mỗi tín đồ Phật-giáo. Nếu như mỗi người chúng ta đều tự nhận trách nhiệm, thì lo gì Phật-giáo không phát triển! Hiện tại có những tín đồ Phật-giáo cho rằng đạo Phật không bằng những ngoại đạo thời nay, chẳng những họ không dám nhận mình là Phật-giáo đồ, thậm chí còn a dua với kẻ khác chê bai Phật-giáo là mê tín. Quý-vị thấy như vậy có phải là đáng thương lắm không? Giống như ở Cửu Long (Kowloon) nơi Đạo Phong Sơn có một đoàn thể ngoại đạo chuyên thu nạp những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni trong Phật-giáo, tới đó để trải qua một phiên cải tạo làm cho họ mất đi gốc gác rồi trở ra phỉ báng Phật-giáo.

Do đó chân chính tin Phật thì dù chết cũng không thay đổi, luôn luôn đề cao chí khí của mình, không vì kẻ khác chê cười, không vì lợi ích mà thay đổi chí của mình. Nếu như mọi người không quên mình là tín đồ Phật-giáo thì Phật-giáo chắc chắn sẽ phục hưng.

Tuy những thứ ngoại đạo hiện đang hưng thịnh, nhưng chỉ nhất thời mà thôi. Bởi vì thiên đạo thì tuần hoàn: Vật tới cùng cực thì sẽ quay ngược lại. Quý-vị đừng để cái vẻ bên ngoài của chúng làm dao động tâm trí mình. Chân lý thì bất diệt, sự phục hưng của Phật-giáo thì hoàn toàn dựa vào nỗ lực của đại chúng.

Giảng ngày 17 tháng 6 năm 1958

Niệm Danh Hiệu Bồ-Tát

có thể Minh Tâm Kiến Tánh

Tâm tánh của chúng sinh, luôn luôn quang minh lỗi lạc. Chẳng qua là vì bị vô số tội chướng, vọng niệm, làm cho lu mờ đi thôi.

Bản tính của chúng sinh thì thích sướng, ghét khổ. Do vô minh che đậy nên chúng sinh không biết cách để đạt tới sự an lạc sung sướng, thoát ra khỏi sự thống khổ. Do đó, tuy rằng miệng luôn nói là truy cầu sự an lạc nhưng, bất hạnh thay, hễ càng tìm kiếm thì càng thêm thống khổ.

Bồ-tát là người có lòng từ bi quảng đại, đã giác ngộ, biết được làm thế nào để ly khổ, đắc lạc. Vì vậy đối với chúng sinh đau khổ, đáng thương xót, Ngài phát tâm nguyện đại bi rộng lớn, tầm thanh cứu khổ. Nên chúng sinh mình không phải là hoàn toàn tuyệt vọng. Chỉ cần mình có lòng thành khẩn, niệm tụng "Nam Mô Quán Thế Âm Bồ-tát," thì Ngài sẽ dùng pháp lực vô biên để độ thoát, giúp mình ly khổ, đắc lạc. Sự an lạc này là sự an lạc cứu cánh, là sự an lạc ở Tây-phương Cực-lạc. Do vậy, nói rằng niệm danh hiệu Bồ-tát không những được thoát ly khỏi sự thống khổ của thế giới này, mà mình còn được vãng sinh về thế giới Cực-lạc, khi hoa khai kiến Phật, tới được chỗ an lạc thanh tịnh cứu cánh nhất.

Niệm Bồ-tát có thể ly khổ, có thể làm cho mình liễu ngộ tâm tánh. Phải chăng có một việc quá dễ dàng như vậy? Nhiều chúng sinh còn ngu tối, đặt ra câu hỏi này. Bồ-tát quả phát tâm muốn làm chuyện tiện nghi cho chúng sinh, nên Ngài mới nói ra pháp môn phương tiện như vậy. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều chúng sinh, dẫu với sự dễ dàng tuyệt đỉnh kia cũng không nhận thức được. Thật đáng tiếc thay!

Có người lại nói rằng: "Niệm danh hiệu Bồ-tát thì có thể tiêu trừ được tội khổ, đó là điều tôi tin tưởng. Nhưng làm sao niệm Bồ-tát lại có thể làm cho tôi minh tâm, kiến tánh được?" Vài ngày trước, tôi có nói ví dụ về chuyện đánh điện thoại. Bây giờ, lại kể cho quý-vị nghe một ví dụ khác còn đơn giản hơn.

Ví như có một người bị bịt mắt, chỉ thấy bốn bề tối đen. Người đó đi tới đâu, nếu không đụng phải vào tường thì cũng va vô vách, làm cho sút đầu bẻ trán, khổ không thể nói được. Nhưng, tự y lại không biết thế nào để tháo tấm khăn bịt mắt kia ra. May thay, y gặp được một người có lòng từ bi, trông thấy y tội nghiệp như vậy, liền giúp y mở khăn bịt mắt ra. Nhờ đó, từ chỗ không thấy đường, nay hẳn ta có thể thấy mọi sự, không còn khổ sở, cũng không phải đi đụng vào tường, vào vách như xưa.

Đạo lý niệm Bồ-tát để được minh tâm kiến tánh cũng tương tự như vậy. Chúng sinh, y hệt như người bị bịt mắt kia, xưa nay mắt đâu bị mù, chẳng qua chỉ bị che kín mà thôi. Tâm tánh của chúng sinh cũng như vậy, xưa nay vẫn không mất mát, luôn luôn quang minh lỗi lạc. Chẳng qua là vì bị vô số tội chướng, vọng niệm, làm cho lu mờ đi thôi. Bồ-tát cũng giống như người có lòng từ bi kia. Ngài giúp mình giải trừ nghiệp chướng đã che đậy bản tánh quang minh trong tâm mình; để mình có thể phản bản, hoàn nguyên; khôi phục lại bản lai diện mục.

Cho nên, mình không thể không niệm danh hiệu Bồ-tát được. Bởi vì, giống như người bị bịt mắt kia, nếu không cầu kẻ khác, không chịu tiếp nhận sự giúp đỡ của kẻ khác, thì đừng nói là vẫn cứ phải đi đụng vào tường, mà còn có khi đi lạc lối, rơi xuống hố thẳm, nguy hại đến tánh mạng nữa.

Ở đời này, số người có tội ác thì nhiều vô kể. Nếu như không cẩn thận, lỡ một mai lạc bước, rơi xuống vực sâu tội lỗi, mất đi thân người, thì muôn vạn kiếp khó mà tìm lại được, mang hận ngàn đời. Các vị cư sĩ! Hãy mau mau tiếp thọ sự khuyên dụ của đức Bồ-tát mà thường xuyên niệm tụng danh hiệu Ngài để được cứu độ ra khỏi chốn biển khổ sanh tử này.

Giảng ngày 17 tháng 6 năm 1958

Chúng Sinh Vô Biên

Thệ Nguyện Độ

Chúng ta sao cam tâm nhìn họ đau khổ mà không tìm cách cứu họ, khiến cho họ được an lạc chứ?

"Bồ-tát úy nhân, chúng sinh úy quả." Bồ-tát thì sợ nhân, chúng sinh thì sợ quả. Nhân quả, hai chữ này chẳng những chúng sinh không thể thoát khỏi mà ngay cả Phật, Bồ-tát cũng chẳng thể trốn đặng. Chỉ vì Bồ-tát có cái nhìn sâu sắc nên Ngài chẳng tạo nhân ác; do vậy thọ hưởng được quả khoái lạc. Chúng sinh, nhãn quang như hạt đậu; chỉ biết thấy những việc trước mắt nên luôn làm những điều xấu ác; bởi thế mới thọ quả báo đau khổ.

Có câu nói rằng: "Đa tái đào lý, thiếu tái kinh." Nghĩa là trồng nhiều cây đào, cây lý; trồng ít đi những bụi gai góc. Trồng nhiều nhân tốt thì chắc chắn sau này sẽ có được một tiến trình sáng lạng. Còn nếu như chỉ nhìn vào những việc trước mắt, làm những việc bất nghĩa, không chịu vun trồng những nhân tốt thì chắc chắn là dự bị cho mình một tiền đồ đầy gai góc sau này.

Thế nào là một tiền đồ sáng lạng? "Tùng thi Tây-phương quá thập vạn ức Phật-độ, hữu thế giới danh viết Cực-lạc." Nghĩa là ở phía trời Tây, cách đây mười vạn ức Phật-độ, có thế giới tên là Cực-lạc.

Còn thế nào là tiền đồ đầy gai góc? Tức là "Địa ngục vô môn, khổ tự chiêu." Nghĩa là địa ngục không có cửa, tự mình rước lấy khổ.

Ở Cực-lạc thế giới thì mặt đất là vàng ròng, ao hồ là bảy báu, trời gió thổi nghe rộn rã tiếng âm nhạc, không việc gì mà chẳng xứng tâm, vừa ý; lại còn được thấy Phật, nghe Pháp, chóng thành Phật-đạo. Còn địa ngục thì sao? Núi đao, vạc dầu, rừng kiếm, chảo sôi; đó là những thứ mà mình sẽ làm bạn.

Chúng sinh được tuyệt đối tự do chọn lựa con đường mình muốn đi. Nếu như ý muốn ở Tây-phương thì mình phát nguyện: Cầu vãng sinh Tịnh-độ, cần tinh tấn, siêng năng niệm Phật Bồ-tát thì chắc chắn sẽ có ngày thành công. Còn nếu như thích địa ngục, thì giản dị lắm: Cứ làm ác thì sẽ đọa địa ngục. Tuy nhiên, tôi khẳng định rằng con người chẳng ai lại muốn xuống địa ngục, không muốn vãng sinh Tây-phương Cực-lạc thế giới. Trừ phi anh ta chẳng tin có địa ngục, chẳng tin có Cực-lạc; trừ phi anh ta không biết sự thống khổ của địa ngục và sự an lạc của Tịnh-độ.

Đối với những kẻ thiếu thiện căn, thiếu lòng tin như thế, mình không có phương cách gì để độ họ. Song đối với những kẻ chưa biết đạo thì mình có thể phát lòng từ bi mà dẫn dắt. Kẻ ngoại đạo thường nói: "Thiên đàng thì gần lắm. Thiên đàng dành cho các vị đó." Là tín đồ Phật-giáo, mình phải biết xả thân quên mình. Đối với thân hữu, mình phải khuyên họ, nói cho họ nghe công đức niệm danh hiệu Bồ-tát và ích lợi của Cực-lạc thế giới. Phải nói "Cực-lạc thế giới là của chúng sinh." Nếu như mình thường xuyên tuyên thuyết đạo lý này, thì mình chính là một vị hành đạo Bồ-tát; cùng với chư Bồ-tát đi chung một con đường; cùng làm bạn với những vị Bồ-tát, bất thối.

Do đó, không những mình cần niệm danh hiệu Bồ-tát mà còn phải thường khuyên người khác niệm nữa. Như vậy thì mình mới xứng đáng là một đệ tử của Phật; mới có thể nói

rằng mình đã không quên lời phát nguyện, bốn lời hoằng thệ lúc quy y. Nên khi nói: "Độc lạc lạc, bất như chúng lạc lạc." Nghĩa là cái vui mình vui, sao bằng cái vui mọi người cùng vui. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Đối với những kẻ có cùng Phật tánh như mình, chẳng khác gì mình cả, thì lẽ nào mình lại cam tâm nhìn họ đau khổ mà không tìm cách cứu họ, làm họ được an lạc chứ?

"Hữu chí giả, sự cánh thành." Nghĩa rằng người có chí thì việc chắc thành. Bởi vì chúng sinh khó độ, nên tín đồ Phật-giáo chúng ta mỗi ngày, sáu thời, phải ghi nhớ, đừng quên chuyện độ chúng sinh.

Giảng vào ngày 18 tháng 6, năm 1958

Học Phật Cần Phải Tu

Giới, Định, Huệ

Thường dùng Giới Định Huệ để tự thức tỉnh, vì chúng giúp ích việc tu hành.

Giới, Định, Huệ là việc học vô lậu, người tu hành cần phải có đầy đủ.

Giới tuy có năm giới, thập giới, Bồ-tát giới v.v... nhưng cơ bản nhất là Ngũ-giới: Không sát sanh, không ăn trộm, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu. Trì giới thì không tạo tội.

Định là gì? Định tức là thiền định, nói rộng ra chút nữa có nghĩa là bất biến. Có kẻ tu hành đầy vọng tưởng. Hôm nay tu thiền, ngày mai nghe nói niệm Phật công đức to lớn, liền bỏ tham thiền mà niệm Phật. Sau vài ngày lại nghe nói trì chú là thù thắng bèn bỏ niệm Phật mà trì chú. Người như vậy, nay tu pháp môn này, mai tu pháp môn khác, kết quả chẳng tu thành cái gì. Lại còn có kẻ niệm Phật, niệm Bồ-tát một ngày niệm, mười ngày nghỉ, hoặc ngày nay niệm ngày mai nghỉ, đó đều gọi là không có định lực. Định lực đối với người tu hành rất là quan trọng; không có định lực, tu đạo đương nhiên thất bại. Thiếu định lực thì đạo tâm chẳng kiên cố, dễ dàng bị ảnh hưởng bên ngoài chi phối làm đọa lạc.

Tiếp đến là Huệ, tức là trí huệ. Làm người có kẻ thông minh, người ngu dốt. Vì sao có kẻ thông minh lại có người ngu độn? Đây là do nhân quả, nếu quá khứ tu hành niệm Phật thì đời này chắc chắn có được trí huệ; ngược lại chẳng trồng thiện căn thì trí huệ đương nhiên chẳng có.

Trong Sách Đại-học nói:

Định nhi hậu năng Tĩnh,

Tĩnh nhi hậu năng An,

An nhi hậu năng Lư,

Lư nhi hậu năng Đắc.

Nghĩa là:

Có Định rồi mới Tĩnh,

Có Tĩnh rồi mới An,

Có An rồi mới Sáng,

Có Sáng rồi mới Được.

Do đó có Định mới sinh được Huệ. Nếu chẳng có Định, tạp niệm đầy dẫy, vọng tưởng lăng xăng thì làm sao có thể thấy suốt đúng, sai, rõ ràng chân lý được.

Giới nghĩa là quy luật giúp mình đề phòng phạm tội. Khi chưa phạm tội, mình cần tu Đạo, bí quyết tu đạo là ở định lực. Có định lực thì sinh trí huệ, từ đó mới có thể liễu đạo thành Phật. Nên Giới, Định, Huệ là điều kiện tất yếu mà người tu Đạo phải có. Không trì giới thì có thể tạo tội nghiệp, thiếu định lực thì tu Đạo không thành, không trí huệ thì ngu si vô trí.

Tôi khuyên các vị hãy lấy "Giới Định Huệ" ba chữ này khắc sâu vào lòng, thường đem ra tự cảnh tỉnh. Tôi tin rằng đối với việc tu, chúng giúp ích mình lắm.

Giảng ngày 18 tháng 6 năm 1958

Nước Chảy Trào Trước

Cửa Chùa

Bên này xưa nay không có nước lại tự nhiên có. Chẳng lẽ thật sự đây chính là do tôi mang lại?

Hôm nay là lễ đức Bồ-tát, tuy Chùa Tây Lạc Viên (Hồng Kông) xây ở trên núi xa xôi, phải leo ba trăm bậc thang cấp mới lên tới được; song quý-vị tới đây tham gia đả thất thì vô cùng vui sướng, đủ thấy rằng quý-vị có tâm chân thành, tinh thần dũng mãnh tinh tấn.

Kể về số lượng người tham gia đả thất thì mỗi năm mỗi đông hơn. Nhiều người ở đây sau khi lạy Phật về cho biết rằng công việc làm ăn của họ thuận lợi hơn xưa.

Như vị cư sĩ Viên Quả Lâm, từ ngày đến chùa công việc càng ngày càng phát đạt. Còn cư sĩ Đàm Quả Bộc từ ngày quy y thì tăng phước diên thọ, năm nay tám mươi tuổi ngoài mà thân thể vô cùng tráng kiện.

Có một em què từ bốn tuổi đến chín tuổi chẳng đi được, nhưng khi đến đây lạy Phật thì chân lành bệnh, có thể đi đứng được. Con gái nhà họ Viễn chân cũng bị bệnh, tìm thuốc bắc, uống thuốc tây nhưng bệnh chẳng lành, sau khi lạy Phật thì bệnh khỏi ngay. Do vậy nên nhiều người tuyên truyền rằng tôi có thể trị bệnh, thực sự chẳng qua đó là do công đức lạy Phật mà ra.

Còn một chuyện đáng gọi là kỳ niệm: Trước khi chùa Tây Lạc Viên thành lập thì khu đất này là một hồ sâu bảy tám thước. Sau đó mấy người thợ mới đổ đất san bằng để làm chùa. Chỗ đất này xưa nay chẳng có nước, nhưng đào trảng xây xong rồi thì có nguồn nước chảy ra bất tận. Có người nói rằng nước này là do tôi đem từ núi Phù Dung lại. Vì khi tôi ở núi Phù Dung động Quán Âm thì ngoài động có nước, nhưng kỳ quái thay khi tôi đến chùa này thì nước bên kia lại cạn mất. Bên này xưa nay không có nước lại tự nhiên có. Chẳng lẽ thật sự đây chính là do tôi mang lại? Đó chắc chắn là do sự cảm ứng của Phật, sự ủng hộ của Thiên Long.

Hôm nay quý-vị vui mừng, hăng hái như vậy, song cuộc vui chóng tàn, phải chờ tới sang năm mới thực hành khóa khác. Sang năm, quý-vị muốn tham gia đả Quán Âm Thất thì phải sớm ghi danh đồng thời phát nguyện đả toàn thất. Đến tháng mười một thì sẽ có A Di Đà Thất, quý-vị cần phải dũng mãnh tinh tấn tham gia chẳng có phóng dật giải đãi.

Nay tôi có pháp môn vô thượng nói cho quý-vị nghe, song trước khi nói Pháp, quý-vị phải biết rằng câu Pháp không phải dễ. Nên quý-vị phải đáp ứng lời tôi rằng sau khi nghe xong phải y Pháp tu hành thì tôi mới nói cho nghe.

Pháp môn này quý-vị mỗi ngày phải trước mặt Phật mà phát nguyện:

Chúng sinh vô biên thế nguyện độ.

Phiền não vô tận thế nguyện đoạn.

Pháp môn vô lượng thế nguyện học.

Phật đạo vô thượng thế nguyện thành.

Bốn đại nguyện này quý-vị đều hiểu rõ, chư Phật thành Đạo đều từ bốn lời nguyện này. Chư Bồ-tát lại cũng từ nơi nguyện đây tu. Lại còn mấy lời nguyện mà quý-vị am tường hơn, tức là:

Nguyện sinh Tây-phương Tịnh-độ trung,

Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu.

Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh.

Bất thối Bồ-tát vi bạn lữ.

Nếu như quý-vị mỗi ngày có thể phát nguyện như vậy, thì tôi tin chắc rằng quý-vị sẽ được gặp mặt đấng Từ-tôn, sẽ không lùi bước trên đường học Đạo, và sẽ sớm được thành Phật.

Giảng ngày 19 tháng 6 năm 1958

Gia Phong của Kim Sơn Thánh Tự

Hai giờ sáng thức dậy tọa thiền đến nửa đêm mới ngủ. Cả buổi chỉ có một giờ nghỉ ngơi.

Kim phùng nhất cửu thất lục niên,
Thập phương đại chúng lại tham thiền.
Thời khắc phân thiên đương ái tích,
Hành trụ tọa ngoại tế toàn nghiên.
Hư không đã phá minh tâm địa,
Pháp-giới y nhiên kiến tánh thiên.
Bỏ lai diện mục hà xứ mịch,
Trực hạ thừa dương Kim Sơn Tự.
Nghĩa là:

Nay nhằm năm một chín bảy sáu,
Mười phương đại chúng về tham thiền.
Giờ phút tích tắc cần quý giữ,
Đi đứng nằm ngồi khéo dũa mài.
Đập nát hư không tâm địa sáng,
Y nhiên Pháp-giới thấy tánh thiên.
Bỏ lai diện mục ở đâu tìm?

Ngay đây, tức khắc: Kim Sơn Tự.

Hôm nay là ngày rằm tháng 12 năm 1976, quý-vị có thiện căn ở mười phương tới cái lò lửa của Kim Sơn Thánh Tự để tham thiền. Tham thiền không phải là chuyện đùa, phải chịu nhiều sự khốn khổ. Buổi sáng bắt đầu dậy từ hai giờ để ngồi thiền (tọa hương). Ngồi một mạch đến 12 giờ đêm mới ngủ, trung gian chỉ có một giờ đồng hồ để nghỉ ngơi. Đây là gia phong của Kim Sơn Thánh Tự.

Trong thời kỳ tham thiền, mình phải quên thân, quên tâm, quên cả thế giới; tất cả mọi thứ đều quên hết; tức là không còn cái "ngã" nữa, cũng có nghĩa mọi thứ đều là không. Khi tới được cảnh giới chân không như vậy, thì mới sinh được diệu hữu. Quý-vị phải chú ý! Trong lúc tu hành, mình không thể tùy tiện nói chuyện, tùy tiện nghỉ ngơi, không được vọng tưởng, cũng không được lười biếng hoặc tìm cách đi ngủ. Mỗi một giờ mỗi một phút mỗi một giây đều phải biết quý trọng nó, nuôi tiếc nó, cho nên người ta nói rằng:

Nhất thốn thời quang, nhất thốn mệnh quang.

Nghĩa là:

Một chút thời gian là một chút mạng sống.

Bởi vậy, khi đi cũng tham thiền, khi đứng cũng tham thiền, khi ngồi cũng tham thiền và khi nằm cũng tham thiền. Đi đứng nằm ngồi đều là tham thiền. Nên nói phải cần khéo lấy cái tâm mà mài dũa. Mài qua dũa lại, càng mài càng dũa thì càng sáng suốt.

Mài dũa là tham thoại đầu, không được đình chỉ, không được ngừng nghỉ. Lúc nào cũng tham câu "Niệm Phật Là Ai?" hoặc là tham câu "Khi cha mẹ chưa sinh ra ta, thì bộ mặt ta như thế nào?" Bởi vậy, nên nói mình cần phải dùi mài, đục dũa cho tới một ngày nào đó mình sẽ "đập nát đi cái hư không" (ám chỉ sự vô minh ngu muội). Đến lúc đó thì mình sẽ hiểu rõ tâm địa của mình. Hư không tuy bị mình đập phá đi nhưng Pháp-giới thì vẫn y nhiên tồn tại. Pháp-giới đó tức là mười Pháp-giới, vẫn tồn tại, không có tạp loạn gì hết. Đó là lúc mình thấy được tánh thiên nhiên của mình. Cái bản lai diện mục của quý-vị thì phải tìm ở đâu? Quý-vị nên đến Kim Sơn Thánh Tự để tìm lại bản lai diện mục của mình. Quý-vị tới chỗ khác sợ rằng sẽ tìm không thấy đâu.

Tám câu kệ tôi nói hôm nay, hy vọng quý-vị lưu tâm nhớ nó, theo đó mà tu hành, không thể ăn mà không tiêu hóa, đó thật là vô lý. Chớ xem việc này như gió thổi qua tai, nghe rồi cũng như chưa nghe, chẳng có ích lợi gì cả.

Giảng ngày 15 tháng 12 năm 1976

nhân dịp Thiền-thất tại Kim Sơn Thánh Tự

Học Phật Cần Có Chân Tâm

Nhất cử nhất động, nhất ngôn nhất hạnh, đều phải chân thật.

Học Phật-pháp mình cần phải có tâm chân thật, nhất cử nhất động, nhất ngôn nhất hạnh đều phải chân thật. Đừng nên như kẻ thê tục, một nửa thật nửa giả. Nói năng thì lúc có chút thiệt thà; lúc lại đầy giả dối. Người tu Đạo lúc nào cũng phải nói thật, làm chuyện thật, không được nói láo. Mỗi một ý niệm, phải bỏ đi điều lỗi lầm; trừ tập khí trong vô lượng kiếp và cố gắng cải đổi nó đi. Tội lỗi mình đã tạo trong vô lượng kiếp phải sám hối cho hết sạch.

Tại sao có kẻ học Phật lâu năm như vậy mà không có một chút tương ứng nào cả? Là bởi vì mình còn bao che lỗi lầm của mình, không chịu đem tâm chân thật ra mà tu hành. Cho nên thời gian trôi qua uổng phí mà mình không khai được trí huệ chân chính, và cũng không được định lực chân chính. Thời gian trôi qua một cách oan uổng, mà mình đạo nghiệp chẳng được thành tựu, đó là điều thật đáng tiếc thay.

Sống trong chùa, mình cần phải cần kiệm tất cả những thứ vật chất. Có câu rằng:

Ái tích thường-trụ vật,

Như hộ nhãn trung châu.

Nghĩa là:

Hãy quý vật của chùa,

Như gìn giữ con ngươi (trong mắt).

Đồ vật của chùa như gạo, dầu, tương hay dấm, mình đều phải quý nó, không được lãng phí bừa bãi. Cho đến những cái mình dùng, một đầu ngọn cỏ, một khúc gỗ, một trang giấy mình cũng phải biết quý, biết tiếc kiệm. Nếu ở những chỗ này mình không cẩn thận, chẳng biết tiếc phước thì làm tiêu hao công đức biết bao. Rằng:

Sở tu, bất như sở tạo,

Sở đắc, bất như sở đầu.

Nghĩa là:

Công mình tu không bằng nghiệp mình tạo,

Điều mình được ít hơn thứ mình mất.

Thêm một điều nữa là nhất cử nhất động, nhất ngôn nhất hạnh mình chớ tổn hại đến người khác. Khi nói thì phải dùng lời lẽ đức độ; không được nói lời ý ngữ (lời thâm dặt), lời dối trá, lời ác ôn hay lời hai đằng. Miệng là cái mà mình cần phải chú ý đặc biệt. Thân thì không được sát sinh, không được trộm cắp, không được tà dâm. Ý thì không được phạm tham sân si, đừng nên coi trọng tấm thân thịt da hôi hám này. Nếu tâm tâm niệm niệm mình vì thân này lén trộm đồ ăn, tìm áo quần trang sức, hoặc tìm cách để thân này hưởng thụ, khoái lạc thì đó đều là điên đảo! Mình phải nghĩ làm sao mà xuất ly tam-giới (Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới), thoát ra khỏi lục đạo (địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A-tu-la, người và trời) luân hồi này, làm sao cải biến sửa đổi tập khí của mình. Phải làm cạn sạch bể ái tình. Lúc ấy mình mới toại tâm mãn nguyện thành tựu đạo quả Bồ-đề được.

"Tu đạo, mình không được hưởng phước." Hãy nhớ lại gương các vị lão Tổ tông của Phật-giáo. Đức Phật Thích Ca là một vị thái tử quyền quý cao sang nhất, song Ngài có thể bỏ tất cả để xuất gia tu Đạo. Nếu nói đến thân phận, thì dù Ngài xuất gia rồi, Ngài cũng có thể ăn ngon mặc đẹp, ở chùa thật tốt thật sang; song Ngài đâu có làm vậy. Ngài tới núi Tuyết Sơn chịu khổ sở, đói khát, nóng lạnh, tu hành suốt sáu năm. Trong sáu năm đó, Ngài không ăn đồ ngon, chẳng ở chỗ đẹp, cũng không có kẻ người ta tới cúng dường. Ngài chỉ ở đó kham chịu mọi khổ cực.

Thử ngẫm nghĩ xem thân phận quyền quý của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, người tự ý chịu khổ tu hành như vậy; rồi hãy thử ngẫm đến thân phận của mình ra sao? Mình bất quá chỉ là kẻ phàm phu thì tại sao đòi ăn ngon, mặc đẹp, ở chỗ tốt, tham hưởng thụ, không chịu cực lại còn sợ khổ! Quý-vị thử nghĩ xem mình so sánh với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, thật chẳng hết sức hổ thẹn sao?

Ứng Vô Sở Trụ

Nhi Sanh Kỳ Tâm

Phải làm như chẳng hề làm.

**Khi làm xong việc gì, đừng chấp
trước rằng có được công đức gì.**

Tác lễ vô trụ hóa vãng sanh.

Vô cùng vô tận nghĩa di phong.

Thập phương Như Lai đồng nhiếp thọ.

Ly khổ đặc lạc xuất hỏa khanh.

Nghĩa là:

Không trụ lễ lạy, độ vãng sanh.

Nghĩa lý phong phú chẳng tận cùng.

Mười phương Như Lai đồng tiếp thọ.

Thoát hầm lửa khổ được an vui.

Đạo Phật thường có câu: "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" (khởi tâm niệm mà chẳng trụ trước vào bất kỳ quan niệm, tình cảm hay hình tướng gì cả). Do đó khi giảng Chú Lăng Nghiêm, tôi có nói rằng: "Tác lễ vô trụ hóa vãng sanh." Chữ "sanh" này có nghĩa là sanh sanh không ngừng, hóa hóa chẳng dứt. Tác lễ là lễ lạy chư Phật. Vô sở trụ có nghĩa là không chấp trước. Quý-vị nói: "Nếu tôi không tu hành gì hết thì sẽ chẳng có gì chấp trước!" Như vậy là lầm! Khi tu hành, quý-vị chớ chấp trước là mình có tu. Quý-vị nói: "Nếu lúc không ăn uống mà tôi chẳng chấp trước là tôi không ăn uống, thì cái bụng tôi có chịu đồng ý đâu." Song le nếu quý-vị ăn no rồi, mà cứ muốn ăn thêm, thì cũng chẳng đúng. Kinh Kim Cang nói: "Khởi tâm niệm song chẳng trụ trước vào đâu cả."

Hôm nay có một người nghĩ rằng câu "Khởi tâm niệm song chẳng trụ trước vào đâu cả" thì cho rằng không cần tu hành, không cần niệm chú, cũng chẳng cần tụng kinh; vậy thì mới không chấp trước. Không phải vậy đâu! Mình phải "hành sở vô sự" - làm mà như chẳng hề làm. Khi làm việc gì rồi, quý-vị đừng nên chấp trước rằng mình được công đức này nọ, thì

đó chính là vô sở trụ. Khi có chỗ trụ trước thì có chỗ dính mắc, chỗ kẹt cứng, không thể siêu thoát được. Do đó, thâm tâm mình chớ trụ trước vào đâu cả, quét sạch hết mọi pháp, xa lìa hết mọi tướng. Lúc đó thì sự sanh sanh hóa hóa (cảnh do chân tâm hiển hiện) sẽ vô cùng vô tận. Do đó câu: "Vô cùng vô tận nghĩa di phong" là nói sự vô cùng tận của ý nghĩa câu Chú Lăng Nghiêm. Ý nghĩa của câu Chú nhiều đến nỗi không còn gì nhiều hơn nữa.

Bởi vì thế khi mình niệm một câu Chú Lăng Nghiêm thì "Thập phương Như Lai đồng nhiếp thọ," mười phương chư Phật đều nhiếp thọ mình, hết như khi mình đối xử với một em bé vậy: "Con ơi đừng khóc nữa! Ta cho kẹo đây nè. Đừng khóc! Chờ một tí ta sẽ cho con trái táo!" Khi em bé nghe trái táo tai nó vểnh lên, chú ý nghe. Cũng vậy, chư Phật mười phương nhiếp thọ quý-vị, khiến quý-vị "ly khổ đắc lạc, xuất hỏa khanh."

Trí Huệ Quang Minh Từ Vô Lậu

Khi lòng có dục niệm, thật giống như cửa cải

bị bọn cướp đoạt mất.

Chư Phật Bồ-tát hiện thánh tăng đều có trí huệ quang minh vô lượng. Trí huệ đó là trí huệ vô lậu vô tận.

Người thường ai cũng là hữu lậu bởi vì có vô minh. Phật Bồ-tát là vô lậu bởi vì các Ngài không còn vô minh nữa. Vô minh nghĩa là không hiểu biết, hồ đồ, không biết cái nào đúng cái nào sai, không phân biệt được trắng với đen.

Cái lậu lớn nhất là dục lậu (lòng dâm dục), nếu mình có lòng dâm thì cũng giống như tài sản (công đức) của mình bị bọn cướp (lòng dục vọng) đoạt mất đi. Cũng giống như thân cây bị sâu khoét không còn dùng được. Lại cũng giống như mâm đồ ăn thơm ngon lại bị bỏ một đồng phân ở bên trên làm cho người ta buồn nôn đến ba ngày.

Có người lại nói: "ồ, tâm dâm dục này ai cũng có cả mà." Đúng, bởi vì do có lòng dâm đó, nên mình mới phải tu hành. Nếu mình không còn dục vọng thì bản lai trí huệ quang minh mới hiện ra. Nên "vô lậu" là chỗ mà người tu hành muốn tới; đó là đồ quý nhất người tu muốn đắc.

Quý-vị phải hết sức chú ý! Trong sáu thứ thân thông (Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Thần túc thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Lộ tận thông) Lộ-tận-thông này nghĩa là gì? Chính là không còn dục lậu nữa, hoàn toàn không còn lòng dâm dục nữa. Nên nói rằng mình phải "đoạn dục khử ái" (Cắt đứt lòng dâm dục, chặt phăng tâm ái tình), nếu có thể tu đến chỗ "lô hỏa thuần thanh" (công phu chín mùi) thì mình sẽ tự tại. Nếu không đoạn dục, không khử ái thì mình luôn bị vô minh chi phối làm điên đảo. Từ sớm đến tối không được tự tại, không được sung sướng là bởi vì lòng dâm dục cứ phá phách mình.

Các vị thiện-tri-thức! Đây là chỗ thiết yếu mà mình cần phải đặc biệt dụng công. Bởi do nó mà mình phản bản hoàn nguyên, khôi phục bản lai diện mục của mình, chứng được trí huệ vô tận; cái nguồn đó không bao giờ cạn, lấy không hết, dùng cũng không xuê.

Quý-vị cần phải phát tâm bồ-đề mới có thể phá được cửa sinh tử. Tự mình phải phản tỉnh hỏi lòng mình: Tại sao ta cần phải tin Phật? Tại sao ta muốn xuất gia? Tại sao xuất gia rồi mà mình không tu hành? Tại sao xuất gia rồi ta vẫn còn đủ thứ vọng tưởng? Đó là những vấn đề mà mình đừng nên bỏ qua, phải nghĩ cho thông suốt thì mới thoát khỏi Tam-giới, liễu sinh thoát tử, đến chỗ Niết-bàn an lạc được.

Tu Đức - Tạo Nghiệp

Trong cuộc sống hằng ngày, ta giống như kẻ sống trong say đắm, chết trong mộng寐. Không tu một chút công đức nào, thì làm sao thành Phật được?

Quý-vị thử nghĩ xem: Phật xưa kia, do tu vô lượng vô biên công đức, nên mới thành Phật được.

Chúng ta tại sao chưa thành Phật? Là bởi chúng ta chưa có tu vô lượng vô biên công đức. Công đức của mình so với Ngài thật quá sai lệch. Bởi vì một mặt thì mình tu hành, một mặt thì tạo tội nghiệp; do đó "Công tu không bằng tội nghiệp tạo ra."

Từ sáng đến tối mình tạo thân nghiệp, tạo khẩu nghiệp, tạo ý nghiệp. Thử xét tư tưởng của mình: Hết tưởng người này không tốt lại tưởng người kia đối với mình không đẹp; tưởng người nọ đối với mình nghĩ như vậy, nói thế kia, cho nên trong lòng tạo ra đủ thứ nghiệp tham, sân, si. Ở nơi miệng, mình cũng tạo nghiệp, nào là nói thị phi (kẻ đúng người sai),

hoặc là nói láo, nói lời thù ghét, nói điều ác ôn, nói điều đâm chọc hai đầu làm cho người này người kia bất hòa. Có những người một ngày không nói những chuyện thị phi thì giống như một ngày họ không sống vậy. Một ngày không nói láo giống như ngày đó họ không có cơm ăn vậy, họ cảm thấy rất là khó chịu, nên từ sáng tới tối phải nói chuyện thị phi, nói chuyện láo lếu thì họ mới sống được. Các vị coi thử mấy người này có kỳ quái chăng? Thật làm cho người ta tốn công giải thích!

Những người có tật xấu mà tự mình không nhận lỗi, lại còn che đậy, bao che cho cái tội của mình. Cho rằng mình đâu có nói dối, mình nào có vọng tưởng, mình cũng chẳng có dục niệm, đeo cái mặt nạ giả để đi lừa người khác. Kỳ thật ở đời này làm sao mình có thể lừa được ai? Chẳng những mình không lừa được người khác mà tự mình cũng không lừa được chính mình. Tại sao vậy? Tại vì khi mình có vọng tưởng, thì thử hỏi xem mình có biết hay không? Nếu mình biết thì mình không cách gì lừa được mình. Nếu không lừa được chính mình, thì làm thế nào để lừa người khác chứ? Chỉ có người ngu si thì mới đi lừa kẻ khác thôi.

Người không thật sự tu hành thì mang mặt nạ, lòng dạ đen tối, không giữ quy luật, chẳng làm chuyện quang minh chính đại, song không chịu thừa nhận. Do đó trong sự sinh hoạt hằng ngày, y giống như kẻ được sinh ra trong say đắm, chết đi trong mộng mị (túy sinh mộng tử). Không tu một chút công đức nào, thì làm sao thành Phật được? Những người này cách xa Phật đến trăm ngàn vạn dặm.

Nói cách khác, công đức mà mình tu được ít hơn tội nghiệp mình tạo ra, tức là "Phần thu hoạch không nhiều bằng phần mất đi." Thử hỏi như vậy thì làm sao thành tựu được?

Vạn Vật Đều Nói Pháp Cho Mình

Hễ tỏ rõ thì mới buông bỏ đặng.

Không tỏ rõ thì cứ mãi chấp trước.

Trong Kinh Hoa Nghiêm có dạy rằng: "Phật thị hiện bách thiên ức chủng âm thanh, vì chúng sanh diễn thuyết diệu Pháp." Nghĩa là Phật thị hiện trăm ngàn ức loại âm thanh, để

diễn nói Pháp màu cho chúng sinh. Chúng ta cần giác ngộ tất cả các âm thanh trên thế giới, vì tất cả đều là tiếng thuyết Pháp. Rằng:

Khê thanh tận thị quảng trường thiết,

Sơn sắc vô phi thanh tịnh thân.

Nghĩa là:

Suối reo là tiếng lười rộng dài,

Non xanh là bóng thanh tịnh thân.

Tiếng âm thanh của con suối, con lạch giống như tiếng nói từ nơi lười rộng dài của đức Phật diễn thuyết diệu Pháp; màu xanh của núi, cũng chính là màu của thanh tịnh Pháp-thân, khiến kẻ trông thấy sinh lòng hoan hỷ. Nếu hiểu được triết lý này, thì trên đời, tất cả mọi thứ đều đang nói Pháp cho mình nghe.

Người thiện nói Pháp thiện. Người ác nói Pháp ác. Con ngựa thì nói Pháp làm ngựa, con trâu thì nói Pháp làm trâu. Chúng làm mình hiểu nguyên nhân làm thân ngựa, thân trâu. Thì ra, những con ngựa, con trâu này kiếp trước là kẻ không hiếu thảo với cha mẹ, không cung kính với sư trưởng, hoặc không muốn nghe lời cha mẹ, ân sư giáo huấn, quay lưng nghịch lại cha mẹ, ân sư, nên giờ đây sinh ra làm loài súc vật, chúng không thay đổi gì mấy.

Nói tóm lại, trì Ngũ-giới và hành Thập-thiện thì mình sinh làm người hay lên trời. Khi có tham, sân, si, thì bị đọa ba nẻo ác (địa ngục, ngạ quỷ, và súc sinh).

Con mèo đuổi bắt con chuột. Con cọp rượt ăn con thỏ. Kẻ mạnh hà hiếp kẻ yếu. Tất cả đều nói Pháp cho mình nghe. Sự gì cũng đều có nhân quả của nó. Mỗi việc đều có lập trường riêng, đều nói lên Pháp kỳ-diệu cho mình nghe. Ông thầy thì nói Pháp của ông thầy. Học trò thì nói Pháp của học trò. Vị Tỳ-kheo thì thuyết Pháp của vị Tỳ-kheo. Vị Tỳ-kheo-ni thì thuyết Pháp của Tỳ-kheo-ni. Hữu tình thuyết Pháp, vô tình cũng thuyết Pháp. Nếu nhận thức được thì núi xanh, mây trắng, bông vàng, trúc biếc, vạn sự vạn vật đều thuyết Pháp cho mình nghe cả.

Kẻ thô phi đi ăn cướp tài vật của người khác là bởi vì trong quá khứ y từng bị kẻ khác cướp, nên bây giờ tới đòi nợ. Nếu xưa không bị người cướp mà bây giờ đi cướp của người,

thì tương lai y sẽ bị người cướp lại. Đó gọi là hoàn trái (tức là trả nợ). Đây là đạo lý chân thật về sự báo ứng trong vòng tuần hoàn nhân quả.

Do đó, làm người mình phải biết "chánh đại quang minh, đại công vô tư" (đại công nghĩa là việc chung, vô tư nghĩa là không có lòng ích kỷ, tư vị riêng). Bất cứ mọi nơi, mọi lúc mình không nên nghĩ cách chiếm tiện nghi, không chịu thua thiệt. Thật sự thì "chịu thua thiệt là cách để được tiện nghi." Phải nhớ lấy, quý-vị, hãy ghi nhớ lấy. Đừng nên tìm cách để chiếm tiện nghi, mình phải nhường cho người khác, chịu thua thiệt đi. Khi được tiện nghi mà mình không nhận, mình nhường lại cho người khác, thì đó chính là mình tồn giữ được cái đức.

Mọi người phải làm đúng với cương vị, tận tình vì chức vụ của mình. Đừng tham những thứ mình không xứng đáng hưởng, đừng uống quá lố những thứ rượu chè. Đó cũng là thuyết Pháp vậy.

Nên nói:

Thanh thanh thúy trúc tổng thị pháp thân,

Uất uất hoàng hoa vô phi bát nhã.

Nghĩa là:

Xanh xanh trúc biếc đều lộ Pháp thân.

Lấp lánh cúc vàng không chẳng Bát-nhã.

Mình phải quan sát tất cả mọi sự việc như vậy. Hễ hiểu rồi thì hãy buông bỏ mọi thứ. Không hiểu thì sẽ mãi chấp trước.

Đừng Chờ Tới Lúc Già

Mới Học Đạo

Tại sao mãi tới hôm nay mình vẫn chần chờ, chưa chịu tu?

Sinh ra ở thế gian này, chúng ta phải biết mau mau tu hành, đừng nên chờ đợi. Lúc trẻ không tu, chờ đến khi đầu bạc mới tu thì nhiều khi không còn kịp nữa, cho nên có câu rằng:

Mạc đãi lão lai phương học Đạo,

Cô phần tận thị thiếu niên nhân.

Nghĩa là:

Đừng chờ đến già mới chịu tu,

Mộ hoang lắm kẻ tuổi còn xanh.

Người trẻ nhưng cũng mau đi đến chỗ chết. Con quỷ vô thường đâu cần biết người già hay trẻ, khi thời điểm đến, thì nó không khách sáo với ai cả, nó sẽ lôi mình tới gặp Diêm-la-vương. Cho nên:

Dương gian vô lão thiếu.

Âm gian thường tương phùng.

Nghĩa là:

Trên dương thế, kẻ gì già trẻ.

Dưới âm phủ, thường đụng mặt nhau.

Các vị nên chú ý: Thời gian rất quý báu. "Một chút thời gian là một chút mạng sống." Cho nên chớ tùy tiện để cho thời gian trôi qua lãng phí. Chờ đến lúc tam tai (nạn lửa, nạn nước, nạn gió) tới, mình tránh được chăng? Vì vậy lúc trẻ mình cần phấn tấn tu hành, đừng chờ tới ngày mai mới tu. Hôm nay, tức thời tu hành, đó là thượng sách.

Có người nghĩ rằng: "Ngày hôm nay mình khoan tu đã, chờ đến ngày mai hãy tu." Nhưng ngày mai đến, mình lại hẹn đến ngày mai nữa, hẹn hoài hẹn mãi, hẹn đến lúc đầu bạc, mắt mờ, tai lạng, răng long. Lúc đó dù muốn tu, mà tứ chi chẳng còn linh hoạt, thân nào có nghe lời mình. Bấy giờ, khổ vô cùng vậy!

Các vị nên nhớ rằng, chúng ta sống trên đời này cũng giống như con cá nằm trên vũng nước nhỏ, không bao lâu nước sẽ cạn. Có câu:

Thị nhật dĩ quá, mạng diệc tùy giảm,

Như thiếu thủy ngư, tư hữu hà lạc;

Đại chúng!

Đương cần tinh tấn, như cứu đầu nhiên;

Đản niệm vô thường, thận vật phóng dật.

Nghĩa là:

Một ngày đã hết, mạng cũng giảm dần,

Như cá cạn nước, thử hỏi vui gì?

Đại chúng!

Hãy siêng tinh tấn, như đầu bị đốt,

Chỉ nhớ vô thường, chớ mặc buông lung.

Từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta không biết làm sao tu, nên sinh rồi lại chết, chết rồi lại sinh, đó là điều mà mình phải hết sức đau lòng. Tại sao tới ngày hôm nay mình vẫn còn chần chờ, chẳng chịu tu? Quý-vị nghĩ xem, thời gian không chờ đợi ai, trong nháy mắt thì sinh mạng mình đã kết thúc rồi.

Tình Ái và Dục Vọng là Tảng Đá Buộc Chân Người Tu Đạo

Cho đến hơi thở cuối cùng, cũng nên đối xử tốt với mọi người, nhưng đừng để tình ái xen vào.

Trong nghiệp sinh tử, tình ái và dục vọng là gốc chướng Đạo. Là người tu Đạo, bất luận đối với người hoặc đồ vật, nếu sinh ra lòng ái dục thì sẽ chướng ngại sự tu hành, làm mình không phát triển được. Nói một cách rõ ràng hơn, ái dục là sinh tử, sinh tử chính là ái dục. Ái dục là nguồn gốc của sinh tử. Nếu không phá vỡ tình ái dục vọng vô minh, thì mình sẽ không thể ra khỏi biển lớn sinh tử. Làm sao để thoát sinh tử? Rất giản dị, chỉ cần "đoạn dục khử ái," nghĩa là dứt dục vọng, trừ ái tình, chẳng cách nào khác hơn.

Người tu Đạo đừng nên suy nghĩ về tình ái dâm dục, càng không nên có hành vi yêu đương. Đối với bất cứ người nào, không nên sinh lòng yêu đương; hễ có lòng yêu đương thì gốc khổ không thể tránh được; vì có lòng yêu đương thì khó thoát vòng sinh tử.

Có người nói: "Con người là động vật có tình cảm, chuyện ăn uống và dâm dục là việc tự nhiên." Chính bởi vì nhân duyên đó, nên cần phải tu Đạo. Trong Kinh Tứ-Thập-Nhi-Chương có dạy rằng:

Mình xem những người già như mẹ mình, những người lớn tuổi như chị, những cô trẻ là em và những đứa nhỏ là con. Hãy Sinh ra lòng độ thoát họ và diệt trừ những niệm ác.

Là kẻ tu đạo mình phải luôn luôn quán tưởng như vậy. Nếu quả không có ái, phải chăng khi gặp người khác mình cứ ngậm miệng chẳng để ý đến họ? Không đúng! Mình không chấp trước vào tình ái, không sinh lòng yêu đương, nhưng không sinh ra lòng ruồng ghét kẻ khác, cũng không thể nói rằng: "Bởi vì tôi không thương người ta nên tôi phải ghét họ." Đó là điều sai lầm. Như vậy thì thế nào là đúng? Tức là không thương mà cũng chẳng ghét ai. Không thương, không ghét chính là Trung-đạo.

Tu hành là tu cái gì? Chính là tu pháp Trung-đạo. Đối đãi với người mình luôn luôn bình đẳng, dùng tâm từ bi; nhưng phải luôn cẩn thận, chớ để rớt vào cạm bẫy ái tình.

Quý-vị nên chú ý! Đừng nên bị tình ái làm cho mê hoặc. Nếu có người gởi cho quý-vị phong thơ tình, quý-vị cảm thấy lòng mình vui mừng, giống như có con thỏ nhảy nhót, con tim hết sức hoan hỉ, cho rằng hễ có kẻ yêu mình, là chuyện tốt. Sự thật là người yêu quý-vị chỉ muốn kéo quý-vị đọa lạc mà thôi.

Quý-vị thiện-tri-thức nên tựa vào chỗ này mà dụng công phu, phải thật sự hiểu rằng: "Ái tình là thứ phiền hà vô cùng." Từ vô lượng kiếp tới nay, sở dĩ sanh tử không thể chấm dứt

được là vì sao? Chính là bị hai chữ "ái tình" làm hại. Nếu như mình có thể "đoạn dục khử ái" thì mới có thể siêu thoát Tam-giới, không còn sanh tử nữa.

Thứ mình thích thì mình yêu, không thích thì ghét bỏ. Hễ khi thích, tức là mình đã sinh lòng yêu thương. Hễ khi ghét lòng mình sinh ra sự ghét hận. Cả hai thứ, yêu, ghét đều là do tình cảm mà có. Người tu hành xử lý sự việc không dựa vào tình cảm. Tuy nhiên cũng không thể giống như ông Quan Công, ngồi chễm chệ trên bàn xử lý, người ta đánh lễ, ông cũng không thèm nhìn tới. Đối với người, mình phải có sự hòa nhã, lễ độ, không nên cống cao, ngạo mạn, coi thường kẻ khác.

Tóm lại, đối với người khác mình phải có lòng từ bi, tìm phương tiện giúp đỡ họ. Lúc nào cũng nên nghĩ đến người khác và khiến họ sinh lòng hoan hỉ. Cho đến hơi thở cuối cùng, cũng nên đối xử tốt với mọi người, nhưng đừng để tình ái xen vào. Các vị nhớ lấy! Đó là pháp môn vô cùng trọng yếu.

Hãy Nỗ Lực vì

Hòa Bình Thế Giới

Nếu trong vũ trụ đầy chính khí an lành,

trái đất sẽ không bùng vỡ.

Thế giới hiện tại là do nhiều quốc gia hợp thành. Mỗi một quốc gia gồm nhiều gia đình làm nên. Mỗi gia đình gồm nhiều người tạo thành. Vì vậy mỗi cá nhân có quan hệ liên đới rất lớn đối với toàn thể thế giới.

Nếu lòng người trên thế gian thanh tịnh, không có tư tưởng nhiễm ô thì thế giới nhất định sẽ hòa bình không có chiến tranh. Ngược lại, lòng người ô nhiễm thì thế giới sẽ trở thành xấu xa. Đạo lý này con người ai cũng hiểu nhưng họ không thực hành. Biết mà cố phạm lỗi, đó thực là đáng thương xót vậy.

Sở vị hảo, yếu tông tâm tác khởi.

Sở vị hoại, dã tòng tâm tác khởi,

Nghĩa là:

Điều tốt là do tâm tạo ra.

Điều xấu cũng từ tâm làm nên.

Thế giới hiện tại đang tới chỗ sáng buổi sáng nhưng không chắc sẽ có buổi chiều. Bởi vì sao? Bởi vì địa cầu sắp đi đến chỗ bùng nổ, đã đến lúc vô cùng nguy hiểm. Tại sao địa cầu đi đến chỗ bùng nổ? Đó là vì "tham, sân, si," ba thứ ác khí trùm tỏa khắp mọi nơi. Nếu trái đất bị hủy diệt thì con người chẳng còn tồn tại được nữa.

Tuy vậy, con người không để tâm nghiên cứu vấn đề này, suốt ngày cứ sống trong sự mê muội, chết đi trong mộng mơ. Để thời gian trôi đi một cách hồ đồ, không biết rằng sự nguy hiểm trùng trùng. Có người chỉ quan tâm đến sự nguy hiểm trước mắt, nhưng không biết nghĩ đến cứu cánh của tương lai. Họ chỉ lo rằng loài người càng ngày càng đông thêm, sợ rằng không có thực phẩm ăn, không có áo quần mặc, không có nhà cửa ở, không có tài nguyên, nhiên liệu. Họ cho những vấn đề này là vấn đề trọng yếu. Kỳ thật những vấn đề đó còn nhỏ, vì tới lúc ấy, mọi sự tự nhiên sẽ được giải quyết.

Thật ra vấn đề "sinh tử" của mọi người mới là vấn đề trọng đại. Giây phút này mình còn, nhưng phút sau không còn nữa, trong chớp mắt mình sẽ ra đi. Cái chết sẽ tới ngay trên đầu mà mình không hay. Thương thay con người đối với vấn đề nghiêm trọng như vậy mà rất lãnh đạm, coi như chuyện chiêm bao vậy. "Từ đâu mình sanh ra, chết đi về đâu?" Không ai biết cả. Cho dù có biết, mình sẽ làm sao đây? Biện pháp duy nhất là "cải ác hướng thiện" (sửa bỏ điều ác, chỉ làm điều thiện). Sửa đổi con người chính mình, đừng sinh lòng ích kỷ, tư lợi, mà phải có lòng từ bi; vì lợi ích tất cả chúng sinh và phải học tập tinh thần của Bồ-tát.

Hành vi của mọi người là do tâm chi phối. Bởi vì tâm nên mình biến thành các loài trong mười Pháp-giới. Một niệm thiện thì sinh lên trời; một niệm ác thì bị đọa địa ngục. Rằng:

Nhất niệm giác tự thị Phật,

Nhất niệm mê tức chúng sinh.

Nghĩa là:

Một niệm giác ngộ thì là Phật,

Một niệm hồ đồ thì là chúng sinh.

Nói một cách giản dị là khi có tư tưởng lợi ích cho kẻ khác, đó là Bồ-tát; một tư tưởng làm lợi ích cho chính mình, thì đó là chúng sinh. Một ý niệm hồi quang phản chiếu, tìm giải đáp nơi chính mình, thì đó là A-la-hán và Bích-chi Phật. Một ý niệm tách rời sự giác ngộ, lăn theo bụi đời đó là phàm phu; một ý niệm xa lìa bụi đời để trở về với giác ngộ tức là thánh nhân. Cho nên cả hai mặt xoay qua đối lại thật dễ như trở bàn tay vậy.

Thế giới tốt hay xấu đều do một niệm trong tâm mình tạo thành. "Con người ai cũng có lòng lành thì thế giới sẽ yên trụ mãi mãi; con người có lòng ác thì thế giới sẽ hủy diệt." Đó là đạo lý rất hiển nhiên. Đạo Phật dạy người ta làm điều thiện, biết rõ nhân quả. Làm điều thiện nhiều, làm công đức nhiều, cũng có nghĩa rằng đừng có tranh, đừng có tham, không mong cầu gì cả, chẳng ích kỷ, cũng chẳng tự lợi và không nói láo. Nếu được như vậy thì thế giới sẽ từ chỗ nguy hiểm mà trở nên an ninh. Cho nên nói: "Nhất thiết duy tâm tạo." Tức là tất cả mọi thứ đều do tâm mà ra. Tâm tạo ra thế giới, tâm cũng có thể hủy diệt thế giới. Tâm tạo ra thiên đường, tâm cũng có thể tạo ra địa ngục.

Gia đình là do mọi người làm thành, con người là do vọng tưởng mà thành hình. Nếu đem vọng tưởng xấu sửa đổi thành vọng tưởng tốt lành thì đó là người tốt. Nếu đem ý niệm thiện mà biến thành ý niệm xấu thì đó là người ác. Đó là sự khác biệt giữa người ác và người lành.

Chúng ta là những người tu hành thì phải "Siêng tu Giới, Định, Huệ. Trừ bỏ tham, sân, si." Đó là điều kiện căn bản của sự tu hành. Là người học Phật-pháp, trước hết mình phải "không làm điều ác và làm tất cả những điều thiện." Đó cũng chính là điều căn bản. Nếu ai cũng làm theo điều này thì thế giới sẽ trở nên tốt lành; khí lành sẽ gia tăng và ác khí sẽ giảm thiểu. Nếu trong vũ trụ đầy dẫy những chính khí an lành, thì trái đất sẽ không bùng vỡ.

Làm sao cho thế giới yên ổn, an lành? Chỉ còn biện pháp duy nhất là mình tới học Phật-pháp nơi đạo tràng có chính pháp, rồi sửa đổi lỗi lầm của mình để trở thành người mới. Mọi người ai cũng bỏ điều ác, làm điều lành thì thế giới sẽ không có ba thứ tai nạn, tám thứ khôn khổ. Con người ai cũng sống trong hòa bình thương yêu lẫn nhau, không còn tranh, không còn tham nữa. Đó là thế giới đại đồng.

Hy vọng rằng lúc đó những người không có tín ngưỡng, tôn giáo cũng sẽ vì gia đình, vì tổ quốc, vì thế giới bỏ đi những tánh tham lam, làm những việc lợi ích cho xã hội. Mình cũng nên biết rằng "tài sản là những vật ngoài thân." Sanh ra, mình không đem chúng tới, chết đi, cũng chẳng mang chúng theo.

Khi sự hắc ám của người ác được hào quang của người thiện chiếu soi làm tan mất, thì lúc đó thế giới không còn bị ác khí bao trùm, địa cầu mới không bị hủy diệt. Đạo lý này tuy rất giản dị nhưng mình phải biết dụng công thâm hậu thì mới có hiệu quả được. Quý-vị nên từ nơi "tâm" mà hạ thủ việc tu, cải tạo thế giới, khiến cho thế giới được bình an.

Vị lãnh tụ của mình, chính là cái "tâm." Nếu tâm xấu thì thân thể đầy đủ tật bệnh, gặp đủ thứ tai nạn bất ngờ. Chúng ta cần phải phản tỉnh, kiểm thảo, nếu có tội lỗi phải mau mau sám hối. Bởi vì:

Di thiên đại tội,

Nhất sám tiên diệt.

Nghĩa là:

Tội lỗi đầy trời,

Một niệm sám hối, hết thấy sạch tiêu.

Tất nhiên, mình phải thành tâm sám hối thì mới tiêu tai. Đừng nên coi là chuyện đùa, ban ngày làm chuyện ác, ban đêm sám hối, tin rằng có thể tiêu trừ. Nếu như có tư tưởng như vậy, thì chẳng những tội chẳng tiêu mà còn nặng thêm nữa. Bởi vì sao? Mình đã biết tội, mà cố phạm nữa thì không thể nào tha thứ được.

Đả Thiên Thất Phái

Khắc Kỳ Thủ Chúng

Cần chân thật dụng công tham thiền.

Có bản lĩnh thật sự thì mới đáng kể.

Hôm nay là ngày đầu thiên thất. Hy vọng quý-vị ná»— lá»±c tham thiên. Chớ lãng phí cơ hội khai ngộ.

Đã thất thì phải khắc kỳ thủ chứng. Không thể ngồi trên thiên sàng mà khởi lên vọng tưởng. Như vậy thì chỉ cô phụ công việc tham thiên của mình mà thôi. Quý-vị vọng tưởng điều gì? Vọng tưởng có nhiều thứ không giống nhau, nhưng tóm lại đều là những thứ vọng tưởng không có biên tế. Có người có vọng tưởng như vậy: "Kỳ này tới tham thiên thất hy vọng sẽ khai ngộ, sẽ đắc đại trí huệ. Sau khi khai ngộ, nhất định tôi sẽ tuyên bố trước thế giới tin tức đặc biệt này, khiến toàn thế giới đều biết rằng tôi là người đã khai ngộ và để cho mọi người phải cung kính tôi."

Quý-vị hãy nghĩ xem, người có tư tưởng như vậy phải chăng là đã khai ngộ? Tôi dám chắc rằng, tuyệt đối y chưa khai ngộ! Tại sao vậy? Bởi vì mới ngồi lên thiên sàng mà vọng tưởng đã đầy dẫy như thế, nếu không vì cầu danh thì cũng là cầu lợi. Vì danh lợi mà dụng công thì làm sao khai ngộ được.

Có người lại có vọng tưởng như sau: "Kỳ thiên thất này ta nhất định sẽ khai ngộ! Ta sẽ là người khai ngộ đầu tiên trong khóa thiên này. Kẻ khác không khai ngộ, chỉ có mình ta là độc nhất khai ngộ, đó thật là một chuyện hết sức vinh quang vậy!" Thậm chí có những kẻ không hiểu biết gì về khai ngộ, tự mình mạo xưng là khai ngộ. Đi đâu cũng tuyên bố là mình đã khai ngộ rồi, lừa bịp đại chúng khiến họ phải cung kính. Đó là thứ "ngư mục hỗn châu," (trợn mắt cá để người khác tưởng lầm là hạt ngọc). Những tư tưởng ấu trĩ như vậy thật là đáng buồn cười. Hy vọng quý-vị đừng có những vọng tưởng đó. Phải "cước đạp thật địa" nghĩa là chân phải đứng vững trên mặt đất, dụng công tham thiên để có bản lãnh chân thật thì đó mới là đáng kể.

Có người thì có vọng tưởng như vậy: "Mình phải nhất định khai ngộ; khai ngộ rồi thì người ta mới đến cúng dường; có cúng dường thì lúc đó mới xây chùa lớn, làm một vị pháp chủ, tín đồ mới lại thân cận cúng dường và mình sẽ trở thành một vị đại pháp sư vang danh thiên hạ; ai cũng biết mình là danh tiếng cao ngất." Quý-vị phải biết những kẻ không học, không tài, không thuật, mà thọ sự cúng dường thì lương tâm làm sao an ổn được.

Bây giờ nói về tư thế tọa thiền, mình cần phải ngồi cho đúng mới có ích lợi cho thân tâm. Nếu không, tọa thiền không có giá trị gì. Trong khi tọa thiền, trước hết phải để thân tâm mình tự nhiên nhẹ nhàng, không nên gấp rút khẩn trương. Tốt nhất là ngồi thế kiết già, đó là thế căn bản của pháp ngồi thiền.

Thế kiết già phu tọa (hoặc là thế kiết già) là gì? Tức là lấy chân trái để lên chân mặt, sau đó để chân mặt lên đùi trái. Đó là thế Kim-cang tọa, nghĩa là thế kiên cố bất động. Trong quá khứ chư Phật đã ngồi thế Kim-cang tọa mà thành Phật; tư thế này có thể hàng phục thiên ma và chế chi ngoại đạo. Khi chúng thấy mình ngồi trong tư thế này thì chúng liền thối lui, không dám lại quấy phá.

Sau khi đã ngồi kiết già rồi, mắt phải nhìn vào chóp mũi, không được nhìn phía đông cũng không được nhìn phía tây. Đó gọi là:

Nhãn quán tử, tử quán khẩu, khẩu quán tâm.

Nghĩa là:

Mắt nhìn mũi, mũi hướng về miệng, miệng hướng về tâm.

Như vậy thì mình mới có thể nhiếp trì được thân tâm; đem tâm đang chạy loạn xạ đó mà định trụ lại, không cho nó chạy ra bên ngoài nữa. Khi được như vậy thì gọi là:

Chuyên nhất tất linh,

Phân chi tất tệt.

Nghĩa là:

Tâm chuyên nhất, mới linh cảm.

Tâm phân tán, thì bết tắc.

Mình cần phải đoan nghiêm chính tọa, xương sống phải thẳng, đầu phải ngay, không cúi về trước cũng chẳng ngã ra sau; không nghiêng bên trái hoặc ngã bên phải. Mình phải ngồi như cái chuông lớn, vững vàng không động đậy. Đừng ngồi giống như cái chuông treo, lắc qua bên đông lắc qua bên tây. Ngồi kiết già là tư thế thích hợp nhất để tham thiền.

Người sơ học sẽ cảm thấy không quen, nào là đau chân, mỏi lưng, không nên coi đó là quan trọng. Mình cần phải cố gắng chịu đựng, nhẫn nại một thời gian lâu dài thì tự nhiên hiện tượng đó không còn nữa. Đó gọi là "cử tọa hữu thiên" nghĩa là ngồi lâu tự nhiên sẽ có thiên, tự nhiên sẽ đắc được thiên vị.

Thế nào gọi là thiên vị? Thiên vị tức là đặc được sự an lạc của thiên định, nếm được mùi vị khinh an nhẹ nhàng. Mùi vị đó thật là ảo diệu vô cùng, không thể dùng tâm tư cũng không thể dùng ngôn ngữ diễn tả được. Cũng giống như người uống nước, tự y mới biết nóng hay lạnh; mình cũng không thể dùng ý dùng tâm mà hội được, không thể dùng ngôn ngữ mà truyền đạt. Quý-vị muốn biết thiên vị đó là ngọt hay đắng thì phải nếm— lá»±c tham thiên, tới được cảnh giới tương ưng thì tự nhiên sẽ hiểu được mùi vị đó. Cho nên quý-vị phải tham thiên. Tham tới lúc "thủy lạc thạch xuất" nghĩa là nước cạn thì đá sẽ lộ ra, lúc đó mình mới nếm được thiên vị.

Thiên thì không thể nói được, cần phải tham. Nên thiên tông thì không lập văn tự, không lập chữ nghĩa, là truyền thừa ở ngoài giáo điển. Trực chỉ tâm của con người để mình thấy tánh, lập tức thành Phật.

Người tham thiên, khi tham đến chỗ hóa hầu của mình đã đủ thì tuyệt đối không còn nổi giận nữa, không còn tranh luận với người khác, tới chỗ gọi là vô-tranh tam-muội. Lại cũng không cầu danh, cầu lợi; coi phú quý như giọt sương trên lá, công danh như bọt nước trên ngói. Trong khoảnh khắc giọt sương, hơi nước sẽ tan mất đi. Người chân chánh tu hành thì xa lánh danh lợi; không vì danh lợi mà giao động tâm mình.

Quý vị muốn trắc nghiệm kẻ đó có chân chính tu hành hay không, thì coi tâm hấn có bị danh lợi làm giao động chăng? Nếu y cầu danh không được thì nổi nóng, cầu lợi không xong thì tức giận, nổi phùng ngọn lửa vô minh, tánh dữ như cọp, hung tợn hơn ai hết, không cần hỏi mình cũng biết nhất định y là kẻ cầu danh lợi rồi.

Đời nhà Thanh, hoàng đế Càn Long có lần đi tới Kim Sơn Thiên Tự ở tỉnh Trấn Giang để thưởng ngoạn phong cảnh. Nơi sông Trường Giang hoàng đế hỏi Pháp Thanh Thiên-sư rằng: "Trên giòng sông này một ngày có bao nhiêu con thuyền qua lại?" Thiên-sư đáp rằng: "Chỉ có hai lần thuyền qua lại." Vua Càn Long không hiểu hỏi: "Ông làm sao mà biết được chỉ có hai lần thuyền qua lại?" Thiên-sư trả lời: "Một con thuyền gọi là danh, một con thuyền gọi là lợi."

Do chuyện này mình biết rằng những kẻ độ thuyền qua sông, nếu không vì danh cũng vì lợi. Nhưng họ không biết rằng kẻ cầu danh thì chết vì danh, kẻ cầu lợi chết vì lợi. Cuối cùng chỉ tay trắng tới gặp ông Diêm Vương.

Cho nên:

Vạn bang đãi bất khứ.

Chỉ hữu nghiệp tùy thân.

Nghĩa là:

Mọi thứ nào đem đặng.

Chỉ nghiệp là theo hoài.

Người tu đạo nếu không có lòng nóng giận, có thể nhẫn nhục, nại khổ thì dễ thành pháp khí, có thể ở trong Phật-giáo là bậc đồng lương, là bậc rường cột, có thể đem Phật-giáo truyền bá sâu rộng. Người tu mà thường hay nổi nóng là người phá hoại Phật-giáo, là kẻ làm hại tập thể.

Phật-giáo mới tới Tây-phương (tức là nước Mỹ) trông xuống khoảng đất thanh tịnh hạt nhân bò đề, hiện tại bắt đầu manh nha sinh xuất ra mạ. Hy vọng quý-vị là những người làm vườn tốt, siêng năng tưới nước bón phân khiến được tươi tốt, rồi tương lai cây cao lớn khai hoa và kết quả bò đề.

Những người ở trong Vạn Phật Thánh Thành đối với chuyện nói năng cần phải chú ý, không được nói bừa bãi, không được tùy ý nói chuyện thị phi. Vạn Phật Thánh Thành là nơi thánh địa thanh tịnh để tu Đạo, không thể có những ngôn ngữ của bàng môn tả đạo. Các vị cần biết rằng đối diện với vạn Phật thì làm sao mình có thể ăn nói loạn xạ được? Quý-vị phải nhớ lấy!

Bình từng khẩu nhập, họa từng khẩu sinh.

Nghĩa là:

Bình do miệng mà vào, họa cũng do miệng mà ra.

Đây là câu danh ngôn rất chí lý; quý-vị nói gì cũng phải suy nghĩ ba lần rồi mới nói, để tránh nói những điều sai với nhân quả. Lời nói ra rồi thì không những mình phải chịu trách nhiệm đối với pháp luật, mà còn chịu báo ứng đối với luật nhân quả nữa.

Phật-giáo là tôn giáo đề xướng tinh thần "vô ngã" cho nên không chấp nhận chuyện bói toán, coi tử vi, phong thủy, hay coi tướng số. Những chuyện đó đều đi ngược lại với Phật-

pháp, cho nên mình phải cấm chỉ chuyện phở biến nó. Nếu như quý-vị tin vào những thứ tà pháp đó thì tự nhiên chấp nhận cái "ngã" của mình tồn tại, tất cả là vì mình. Hễ có cái của mình, thì mình luôn luôn tìm cách vì mình mà tính toán, vì mình mà chẳng vì người khác; như vậy thì không còn gì là Phật-pháp nữa.

Phật-pháp thì dạy con người không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ. Còn phong thủy thì dạy người ta tranh, dạy người ta cầu, ích kỷ, dạy họ tự lợi, dạy họ nói láo. Thậm chí còn nói láo rằng trong một trăm ngày thì có thể đại phát tài, có thể làm quan. Người có lòng tham thì liền tin lời của y. Thật ra đại tài chưa phát mà tiểu tài đã hao đi, vì phải đem tiền đi trả lễ cho ông thầy bói rồi. Bói như vậy chẳng khác nào bảo người đó đi cướp tiền ngân hàng để lập tức được phát tài, không cần một trăm ngày cũng đã phát rồi.

Lại nữa, nếu ông thầy bói biết chỗ nào có phong thủy tốt có thể phát tài, có thể thăng quan tiến chức thì tại sao bản thân y không dùng mà nói cho người khác biết? Thật là vô lý! Hy vọng những người thông minh như quý-vị đừng nên mê tín bị những kẻ đó lừa bịp.

Y học, bói toán, tinh văn, tướng số, y bốc tinh tướng ở trong Phật-giáo là một trong năm nghề người tu đạo không nên làm. Y tức là bác sĩ trị bệnh cho người khác (người tại gia làm bác sĩ được, song kẻ xuất gia không làm). Bói toán biết chuyện tốt xấu kiết hung. Tinh tức là tinh văn coi tinh tú biết được chuyện tốt xấu kiết hung. Tướng tức là tướng mạo, coi biết được mệnh vận thuận hay nghịch. Đó là những điều mê tín. Mình phải biết rằng đạo lý "nhân định thắng thiên" con người có thể thắng được trời.

Người xuất gia tu đạo, sinh tử là chuyện không sợ, hà huống là những chuyện nhỏ nhặt này? Những thứ đó có gì mà phải lấy làm lạ. Người xuất gia là người siêu xuất ra số mạng.

Siêu xuất tam giới ngoại,

Bất tại ngũ hành trung.

Nghĩa là:

Vượt ra khỏi tam giới,

Không ở trong ngũ hành.

Nếu tính tướng mạng, phong thủy, đó là những thứ mà những kẻ thế tục mới tin. Mình phải hiểu rằng vận mệnh con người đều do nghiệp lực chiêu cảm mà sinh ra. Mình đừng để tập khí dấy dẫn, đừng để vật dục làm mê mờ; cần phải tự sáng tạo vận mạng cho chính mình, phải làm chủ tể vận mạng. Cứ làm nhiều công đức thì sẽ cải tạo vận mạng của mình. Khi gặp nạn tự nhiên sẽ hóa thành kiết tường. Rằng:

Đản hành hảo sự

Mạc vấn tiền trình.

Nghĩa là:

Cứ làm việc tốt,

Đừng hỏi chuyện tương lai.

Bây giờ đã thiên thất thì mình phải sáng tạo một sinh mạng mới. Chớ mê tín, phải có chánh tín, chớ nên theo người ta nói ừ thì mình ừ, rồi cứ việc đi theo người khác, họ đi trước mình theo sau, điều đó hết sức sai lầm. Mình phải có Trạch-pháp-nhãn (con mắt biết nhận ra chân lý), biết cái nào đúng cái nào sai, biết phân biệt thiện với ác, trắng với đen; phân minh rõ rệt thì mới không bị điên đảo mê hoặc.

Người tu thiên có thể làm chủ chuyện sinh tử của chính mình, sống chết rất tự do, không còn hạn chế nữa. Nên nói:

Tánh mệnh do ngã bất do thiên.

Nghĩa là:

Tánh mệnh của mình là do mình tạo, không phải do trời.

Chính ông Diêm-la-vương cũng không thể nào khống chế, không làm gì mình được. Tại sao vậy? Bởi vì mình đã ra ngoài cõi Tam-giới rồi.

Thế nào là đến đi một cách tự do? Có nghĩa là đối với chuyện sinh tử mình hết sức tự do, nếu muốn sống thì sống, muốn chết thì chết, tùy tâm mong muốn. Tuy nhiên quý-vị phải chú ý, sự chết này không phải do tự sát, tự uống thuốc độc.

Thân thể của mình cũng giống như căn phòng vậy. Muốn du hành ra ngoài, muốn đến chỗ nào thì tự do mà làm. Muốn hóa thân thành trăm ngàn vạn ức tới tận hư không biến Pháp-giới để giáo hóa chúng sinh thì tùy ý nhậm vận. Nếu không muốn đi du hành thì mình vẫn ở trong căn phòng, không ai có thể tới làm phiền mình cả. Nên hiểu rằng tận hư không biến Pháp-giới, tất cả mọi thứ đều ở trong pháp thân, không có gì chạy ra khỏi pháp thân này.

Quý-vị hết sức siêng năng cần khổ lại tham thiền, ngày đêm không ngừng dụng công, là chỉ vì muốn được tự do trong sinh tử, không chế được sinh mạng của chính mình, làm chủ chuyện sinh tử. Khi đã làm chủ được thì đó là mình đã tới được cảnh giới sinh tử tự do.

Người tham thiền tham đến chỗ trên không biết có trời, dưới không biết có đất, giữa cũng không thấy có người, cùng với hư không hợp thành một. Tới cảnh giới như vậy sẽ có cơ hội khai ngộ. Lúc ngồi lúc đi đều là cơ duyên để khai trí huệ.

Mình tham câu: "Niệm Phật là Ai?" Niệm Phật là người nào? Người nào đang niệm Phật? Ai là người đang ngồi đây? Người ngồi đây là Ai? Lúc ăn cơm, Ai là người ăn cơm? Lúc ngủ, Ai là người đang ngủ? Phải tìm ra kẻ đó. Tìm tất cả là Tham; tham đến lúc thủy cùng sơn tận thì với một sự chuyển thân mình sẽ khai ngộ. Rằng:

Sơn cùng thủy tận nghi vô lộ,

Liễu ám hoa minh hựu nhất thôn.

Nghĩa là:

Núi cùng, sông bật, tường hết đường,

Tàng liễu, hoa giảng, hiện thôn trang.

Núi đã hết, sông đã tận cùng, nghĩ rằng không còn đường đi nữa. Nhưng sau tàng cây liễu, sau đám hoa tươi kia lại xuất hiện một thôn làng.

Lại nói:

Bách xích can đầu trùng tấn bộ,

Thập phương thể giới hiện toàn thân.

Nghĩa là:

Đầu sào trăm trượng, dần bước thêm bước,

Mười phương thế giới sẽ hiện thân.

Nếu như không ngồi tịnh tọa, không tham thiền, thử hỏi các vị có biết mình từ đâu sinh ra và chết rồi về đâu không? Các vị nói không biết. Không biết tức là hồ đồ sinh ra, rồi lại hồ đồ chết đi. Cả một đời như thế thì thật đáng thương!

Người dụng công tham thiền khi khai ngộ rồi, nhận thức được bản lai diện mục của mình trước khi được cha mẹ sinh ra. Thoát nhiên hiểu suốt; tất cả những thứ tinh thô đẹp xấu mà người ta khó biết thì tâm mình không có chỗ nào chẳng thấu suốt. Khi tới được cảnh giới đại tạo hóa, thì tương lai sẽ thành Phật đạt tới quả vị vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Lão Tử từng nói hai câu như sau:

Thiên hại gia tri mỹ chi vị mỹ, tư ác dĩ.

Giai tri thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ.

Nghĩa là:

Thiên hạ biết đẹp là đẹp, ắt đã có cái xấu rồi.

Biết việc lành là lành, hẳn đã có cái không lành rồi.

Người trên thế giới đều biết làm chuyện tốt là tốt, nhưng đến lúc làm thì chẳng tốt đẹp gì. Người ta biết làm chuyện thiện là đúng, đến lúc thử thách tới thì không vượt qua được. Lại bị cảnh giới làm mê hoặc, không làm được việc thiện mà chỉ chạy đi làm chuyện ác.

Người học Phật biết rằng "từ, bi, hỷ, xả," tứ vô lượng tâm là căn bản của pháp hành đạo Bồ-tát nhưng lại không chịu làm. Biết rõ đạo lý thì phải biết công dụng như thế nào? Ngày nào cũng học Pháp "Lục độ," đến lúc gặp thử thách thì bỏ thí mình không chịu bỏ thí, trì giới thì chẳng trì giới, nhẫn nhục cũng hết nhẫn nhục, tinh tấn liền mất tinh tấn, thiền định cũng không thiền định, trí huệ thì cũng chẳng có trí huệ. Quý-vị hỏi mình học như vậy thì có ích gì?

Sau đây là ý nghĩa của Lục-độ:

1. Bô-thí: Tức là dùng tài sản vật chất hoặc Phật-pháp để bô thí kẻ khác. Có người lúc cần bô thí thì không chịu bô thí. Ngược lại, y kêu người khác bô thí cho mình, càng nhiều càng tốt. Nói rằng bây giờ tôi không muốn cho anh, anh cần phải bô thí cho tôi! Y luôn tìm cách chiếm tiện nghi, không chịu thua thiệt. Hạng người này lúc nào cũng cho mình là đúng.

2. Trì-giới: Thiên hạ người nào cũng biết trì giới là trì giới, nhưng đến lúc gặp thử thách không những không giữ giới mà lại phá giới nữa. Thọ giới tức là không động tâm. Bất luận cảnh giới nào đến mình cũng không động. Rằng:

Thái Sơn băng tiền tâm bất kinh.

Mỹ sắc đang tiền tâm bất động.

Nghĩa là:

Nếu núi Thái có sập trước mặt, lòng ta chẳng kinh hãi.

Mỹ sắc trước mắt, lòng ta không xao xuyên.

Đó là định lực có thể chuyển được cảnh giới. Bất kể là cảnh ác hay thiện, thuận hay nghịch, mình đều thản nhiên; không sinh tâm phân biệt thì tự nhiên gió yên sóng lặng.

3. Nhẫn-nhục: Nghĩa là nhẫn thọ những gì không như ý. Nếu có thể nhẫn thọ tất cả những chuyện không đúng với ý mình, thì đó tức là mình chịu khảo nghiệm và chịu thử thách. Nếu mình có thể chịu được thử thách thì có thể qua được "quan" (cửa). Nếu không chịu được thì mình không qua được cửa. Ai cũng biết nhẫn nhục thì sẽ đến được bờ bên kia; nhưng khi cảnh giới tới thì chẳng nhẫn được. Lửa vô minh cao ba thước nổi lên; bao nhiêu công đức kết tụ trong một khoảnh khắc tiêu sạch hết.

4. Tinh-tấn: Khi mình đã thiên thất tức là tinh tấn. Ai ai cũng muốn tinh tấn, nhưng đến lúc tinh tấn thì không chịu tinh tấn, chỉ muốn lười biếng an phận thụ lui, hoặc chạy đi pha trà hoặc có ý đi nhà vệ sinh, hoặc có ý xuống bếp để uống trà; tất cả đều là cái cớ để cho qua thời giờ. Khi chưa đã thiên thất thì nói nghe rất là hăng hái, rằng tôi sẽ tham gia thiên thất thật giỏi. Đến khi thiên thất bắt đầu thì không còn nhớ điều mình thề nguyện lúc trước nữa. Tại sao vậy? Đây chính là biết rõ mà có ý phạm lỗi. Tuy biết tham thiền là chuyện tốt mà vẫn cứ lười biếng. Quý-vị nghĩ xem tâm lý mâu thuẫn như vậy làm sao giải quyết đây? Qui

củ của thiên đường là nếu người nào không giữ luật lệ sẽ bị đánh; đánh đến lúc nào khai ngộ thì thôi.

5. Thiên-định: Hiện tại tham thiên tức là thời gian dụng công tốt nhất. Tại sao cần phải đả thiên thất? Vì muốn tinh thần được tập trung, tâm không vọng tưởng, khiến trí huệ mình hiện tiền. Cho nên có câu: "Trí huệ giải thoát" tức thiên định là phương pháp khắc kỷ thủ chứng (nghĩa là định kỳ hạn để tu chứng).

6. Trí-huệ: Là thứ đưa mình tới bờ bên kia, liễu sinh thoát tử. Nếu như muốn khai trí huệ mà lười biếng thì sẽ mất đi cơ hội khai ngộ. Nên tham thiên cần phải chăm chú không để thời gian qua uổng vì không biết mình sẽ khai ngộ trong giây phút nào. Có người có vọng tưởng như vậy: "Tôi không muốn có trí huệ vì sự ngu si của tôi cũng tốt lắm mà! Tôi không hiểu mọi chuyện thì cũng chẳng sao." Đó là thứ gọi là: "Yém nhĩ đạo linh." Nghĩa là vừa đánh chuông vừa bịt tai (tưởng không ai nghe), mình chỉ tự lừa mình. Đến lúc chết rồi mới hiểu rằng mình đến thế gian này một cách luống uổng. Lúc đó có hối hận cũng đã muộn rồi.

Phật-giáo ở Mỹ là lúc mới bắt đầu, nên phải có người tu hành chân thật, phải "cung hành thực tiễn" tức là thực sự tu hành. Cần chuyên nhất tu hành, tự mình cải bỏ lỗi lầm để tu hành, sửa đổi tập khí mà tu hành, phải làm gương cho kẻ khác thì tiền đồ Phật-giáo mới sáng lạng được. Nếu như mới bắt đầu mà không có người chơn chánh tu hành làm mô phạm, không có ai phát tâm bồ đề, thì Phật-giáo ở Tây-phương không thể hưng thịnh được. Do đó sự hưng thịnh của Phật-giáo phải do các vị thanh niên đảm nhận.

Hiện tại hai vị "Tam bộ nhất bái" là những vị tu hành rất thành tâm, có thể nói là tiên phong mở đường cho Phật-giáo vậy. Các vị đó trên đường lộ, đi ba bước lạy một lạy, không phải vì cầu phước báo cho mình, mà vì muốn cầu hòa bình toàn thế giới. Hơn hai năm qua, hai vị đó nhịn đói nhịn khát, nhẫn lạnh nhẫn nóng, chịu gió chịu mưa hết sức cực khổ. Tu hành như vậy không phải là chuyện người thường có thể làm đặng. Các vị đó nhẫn chịu những thứ mà người khác không nhẫn chịu được, nhường nhịn những cái mà người khác không thể nhường nhịn được, ăn những đồ ăn mà người khác không muốn ăn, mặc những quần áo mà người khác chê không thèm mặc. Bất kể là gió thổi hay mưa rơi vẫn cứ lạy Phật không ngừng, cũng không cần biết là trời nóng hay lạnh, đói hay khát, không ngừng nghĩ, cũng không giải đãi, không lười biếng, ngày ngày đều tụng kinh sáng chiều hai thời, mỗi giờ mỗi phút không bao giờ lười biếng an phận. Hai vị đó tinh tấn ná»— lá»±c tu hành là vì muốn Phật-giáo có thể phát triển khắp nơi trên toàn thế giới. Hai vị tu hành cực khổ như

vậy, không phải vì danh cũng chẳng phải vì lợi, mà vì muốn lấy trách nhiệm của Phật-giáo làm trách nhiệm của chính mình. Tinh thần đó thật là đáng khen ngợi.

Quý-vị phải học cho bằng công hạnh của hai vị Tam-bộ Nhất-bái. Lấy họ làm gương soi để mình phản tỉnh. Xem đối với Phật-giáo mình đã cống hiến được những gì, chuyện mình làm là vì mình hay vì Phật-giáo? Nếu như vì mình, thì hãy sinh tâm hết sức hồ thẹn, lập tức sửa đổi hành vi không chánh đáng đó. Nếu vì Phật-giáo thì mình cần phải nán»— lán»±c hơn nữa, cần phải cố võ khiến Phật-giáo phát triển, bảo vệ Phật-giáo, cần phát bồ đề tâm, hành Bồ-tát đạo, lúc nào cũng muốn kẻ khác được an lạc, không tính toán riêng tư cá nhân, đó mới là tinh thần của Bồ-tát đạo.

Quý-vị ở trong thiền đường, lúc đi lúc ngồi cho là khổ sở nhưng nếu so với hai vị Tam-bộ Nhất-bái thì sự khổ sở ấy thật là hết sức sung sướng vậy. Quý-vị cần thể nghiệm điều này một cách sâu xa, đừng để mất cơ hội. Hai vị hành giả đó nếu không phát tâm bồ đề, không hành Bồ-tát đạo thì đương nhiên là chẳng thể hoàn tất cuộc hành trình của họ được.

Ở thiền đường quý-vị đừng nên sinh tâm vọng tưởng; thân ở trong thiền đường mà tâm thì đến thế giới khác du ngoạn, đó tức là đầy dẫy vọng tưởng, có thể ảnh hưởng đến tâm tu đạo của mình; quý-vị phải nhớ lấy! Không được để cho thời gian trôi qua một cách lãng phí mà mình phải nắm lấy thời cơ, chụp lấy cơ hội khai ngộ. Nếu mình chuẩn bị như vậy thì không hồ thẹn với chính mình, còn ngược lại thì chỉ là nói suông mà thôi.

Giảng ngày 20 tháng 8 năm 1979

tại Vạn Phật Thánh Thành

Làm Vừa Đủ là Trung-Đạo

Gấp thì dứt, chậm thì lỏng.

Không chậm, không gấp mới thành công.

Pháp môn tham thiền, cần hồi quang phản chiếu ở mọi thời mọi lúc một cách tự nhiên. Mình không được quá gấp rút, cũng không được quá chậm chạp; nên có câu nói rằng:

Khẩn liễu băng, mạn liễu tông

Bất khẩn bất mạn tài thành công.

Nghĩa là:

Gấp thì đứt, chậm thì lỏng

Không chậm, không gấp mới thành công.

Không gấp không chậm là trung đạo; đi đứng nằm ngồi đều không rời "cái này," xa rời khỏi "cái này" tức là sai lầm. "Cái này" là cái gì? Đó chính là Trung-đạo liễu nghĩa.

Tham thiền không được đi vào cực đoan, không được quá lỏng cũng không được thiếu hụt; quá lỏng hay thiếu hụt đều không phải là Trung-đạo. Không rơi vào "không," cũng không rơi vào "hữu," không rơi vào hai biên tế, mới gọi là Trung-đạo. Nên nói rằng: "Trung-đạo chính là phi không phi hữu" (chẳng không mà cũng chẳng có), cũng có nghĩa là chân không diệu hữu. Không chấp trước chân không, nhưng cũng đừng quá ngại diệu hữu. Chân không diệu hữu đều không thể nắm bắt, cũng không thể xả bỏ. Nắm cũng không được, bỏ cũng không xong, đó chính là cảnh giới của chân không diệu hữu.

Người dụng công cần phải có thủy có chung (có đầu có đuôi) thì mới thành tựu được. Rằng: "Quán triệt thủy chung." Không thể một ngày tu rồi mười ngày nghỉ. Ở nhất bực thập hàn. Ở nghĩa là một ngày hơi ấm, mười ngày bỏ lạnh. Không được gặp chuyện khó khăn liền thối lui, đi được nửa đường rồi bỏ cuộc, người như vậy là kẻ không có chí khí. Cổ nhân nói:

Tu Đạo bất phạ mạn, chỉ phạ trạm.

Nghĩa là:

Người tu đạo không sợ chậm, chỉ sợ đứng một chỗ.

Lúc thường dụng công tham thiền, mình nên chú ý vào thoại đầu, dùng Kim-cang bảo kiếm (tức là trí huệ) để chặt hết vọng tưởng. Vọng tưởng hết, thì trí huệ hiện tiền. Có trí huệ quang minh, mới phá tan vô minh hắc ám. Vô minh phá trừ rồi, mình thoát khỏi Tam-giới, hết sinh tử, lúc đó mới ra khỏi vòng tròn định mạng (thập nhị nhân duyên).

Người dụng công tu đạo cần có tâm nhẫn nại. Bất luận trường hợp khó khăn gian khổ nào, cũng cần nhẫn thọ. Nhẫn nại thì mới tới được bờ bên kia. Vì vậy trong khi đã thiền thất

đừng nên sợ khổ. "Khổ tận cam lai" nghĩa là đắng hết, ngọt lại. Nếu mình chưa lặn xuống tận đáy, mình sẽ không bao giờ vươn lên tận chóp đỉnh. Căn nhà cao hằng ngàn trượng đều từ nơi mặt đất xây lên, không phải xây lên trong hư không. Bởi thế cần hạ thủ tham thiền nơi chốn căn bản, tức là trừ bỏ vọng tưởng. Nếu mình có thể ngừng vọng tưởng, thì lúc đó:

Tâm thanh, thủy hiện nguyệt,

Ý định, thiên vô vân.

Nghĩa là:

Lòng trong suốt, trăng hiện bóng nước.

Ý an định, trời xanh không mây.

Khi lòng thoi thản, trăm nạn tiêu hết. Ý yên định, mọi chuyện an bình. Rằng:

Tâm chỉ niệm tuyệt chân phú quý.

Tư dục đoạn tận chân phước điền.

Nghĩa là:

Tâm ngừng, niệm dứt là giàu sang thật.

Lòng tư dục cạn, ruộng phước mới chân.

Tham thiền tức là dứt hết vọng, chỉ còn sự chân thật (khử vọng tồn chân). Cũng giống như sàng cát đãi vàng vậy; ở trong cát mà tìm vàng đó là chuyện rất khó khăn. Tuy nhiên, nếu mình muốn tìm vàng thì phải tìm trong cát, tất phải có lòng nhẫn nại. Quý-vị có muốn hiểu rõ Phật tánh của mình không? Muốn được minh tâm kiến tánh chăng? Vậy thì phải nhẫn nại tu hành, nhẫn nại tham thiền, nghiên cứu, lâu dần thì tất nhiên sẽ quán thông, sẽ khai ngộ; "ồ! Thì ra là vậy."

Khi tham thiền thì mình đừng để ý đến chuyện khác, cứ một mực tham câu "Niệm Phật là Ai?" Phải tìm cho ra "Ai" đó, chỉ khi nào tìm ra rồi thì lúc đó mới ngừng tham. Công phu mình đã đến chỗ thuần thực rồi, thì tự nhiên sẽ gặt hái được kết quả tốt.

Khi ngồi trong thế kiết già, đem chân trái gác lên đùi phải, đem chân phải gác lên đùi trái. Đó là vì chân trái thuộc về dương, chân phải thuộc về âm. Cho nên khi ngồi thiền, chân trái (dương) thì ở phía trên, chân phải (âm) thì ở phía dưới, đó cũng giống như là vô cực sinh thái cực, thái cực sinh lưỡng nghi (tức là âm và dương). Tuy ý nghĩa như vậy; nhưng để cho tiện, quý-vị muốn bỏ chân trái ở dưới, chân phải ở trên cũng được; bởi vì Pháp thì không nhất định, tùy theo thói quen của mỗi người, không cần phải chấp trước một phương pháp, một tư thế cố định nào cả. Để chân trái ở trên chân phải là một phương pháp mà thôi, không phải là một quy luật tuyệt đối; rằng quý-vị phải tuân theo như vậy.

Nói tóm lại, kiết già phu tọa là thế mình dễ nhập định nhất. Nếu mình có thể nhập định trong lúc đi thì ngồi hay không ngồi đều không thành vấn đề. Cảnh giới lúc nhập định thì không có một chút vọng tưởng nào, trong tâm một niệm chẳng nảy sinh, bụi trần chẳng nhiễm. Nếu có thể đi đứng nằm ngồi không sinh một niệm nào, không nhiễm ô bụi trần thì đó là lúc dụng công đầy. Không nhất định ngồi mới gọi là dụng công tham thiền.

Phật Pháp rất Bình Đẳng

**Trong Phật-giáo một phần công,
một phần tội đều chẳng bao giờ sai lạc.**

Phật-pháp rất thâm áo. Khi ở trong Phật-pháp mình không cảm thấy chỗ nào tốt, khi ở ngoài Phật-pháp mình cũng chẳng thấy chỗ nào xấu. Song, trong Phật-giáo một phần công, một phần tội đều chẳng bao giờ sai lạc. Đạo Phật hết sức tự do, bình đẳng, chẳng có chuyên chế, cũng chẳng đi vào chỗ cực đoan.

Tại sao nói là hết sức bình đẳng? Bởi vì tất cả chúng sinh, bất luận là ngọc quý địa ngục, hung thần ác thú, kẻ dữ người xấu, nếu phát tâm tu hành, quay đầu về bến, đều có thể thành Phật. Không giống như thuyết ngoại đạo rằng: "Kẻ ác người xấu thì vĩnh viễn là xấu ác, không có cách gì có thể độ được. Hoặc rằng mãnh hổ ác thú vì tánh tình vô cùng tàn bạo, sẽ không được cứu vớt."

Đời nhà Minh bên Trung Hoa có vị Đại-sur tên là Liên Trì. Ngài có một đệ tử là con cạp, thường hay ở bên cạnh để hộ vệ Ngài. Nhưng vì cạp là loài ác thú, nên mọi người thấy đều

sợ hãi. Do đó, Đại-sư mới dạy con cọp này, rằng mỗi lần đi ra đi vô thì không được đi thẳng; con cọp liền nghe lời Ngài, khi ra vô đều đi lui. Nên mọi người không còn sợ, vì biết là cọp thiện. Con cọp này cũng biết đi khắp nơi để hóa duyên cho Liên Trì Đại-sư. Khi người ta thấy con cọp thiện này tới, ai nấy đều tranh nhau bỏ thí cúng dường. Thành ra cọp cũng có thể quy y Tam-bảo, hộ trì Phật-pháp, và có thể thành Phật vậy.

Phật-giáo hết sức là tự do, bởi vì giáo lý trong Kinh Phật chỉ khuyên dạy người ta làm thiện tránh ác. Làm ác thì tự mình thọ quả báo. Nhưng Phật-giáo cũng không bắt ép người ta làm chuyện tốt, cũng không dọa rằng: "Nếu không nghe lời, chuyên tạo ác nghiệp thì bị bỏ vào tù." Bởi vì mọi thứ đều do tâm tạo, thiên đường hay địa ngục đều do tư tưởng và nghiệp lực của mình tạo thành. Phật-pháp dạy người ta rằng: "Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành." Nghĩa là đừng làm chuyện ác, chỉ làm tất cả điều lành, đồng thời xiển minh đạo lý nhân quả, không sai lạc được dù đối với việc nhỏ như sợ tóc, để người ta nhận thức được chân lý siêu xuất luân hồi.

Đại Thiện Đại Ác

Vượt Ra Ngoài Số Mạng

Vận mệnh có thể sửa đổi,

khả năng sửa đổi ở trong tay mình.

Xưa kia có một vị họ Viên hiệu Liễu Phàm, tên Học Hải, là một danh nho đời nhà Minh, lúc nhỏ chàng hay đọc sách nhưng phụ thân muốn chàng học nghề thuốc để tế thế cứu người, cho nên chàng liền cải đổi học y. Về sau, chàng gặp một vị tướng số râu dài nói với chàng rằng: "Ngài có số làm quan, ngài nên đọc sách để có thể làm quan lớn. Vào ngày đó tháng đó thì ngài sẽ đậu tú tài; năm đó tháng đó ngày đó ngài sẽ được làm huyện quan, bổng lộc rất nhiều, bao nhiêu đó... Rồi năm nọ tháng kia ngài sẽ được thăng quan tiến chức bổng lộc bao nhiêu bao nhiêu... Cho đến năm năm mươi bốn tuổi, ngày 14 tháng 8 nửa đêm ngài sẽ mệnh chung, suốt đời không có con cái gì cả." Do vậy cho nên Viên Học Hải mới đổi môn học, thì quả đúng như lời toán số, mười phần linh nghiệm. Bởi vì mệnh vận đã định rồi cho nên chàng chẳng cần tinh tấn, chẳng cầu tiến bộ. Suốt ngày chỉ du sơn ngoạn thủy.

Một hôm nọ chàng tới núi Thê Hà, tại đó có một vị thiên sư tên là Vân Cốc. Khi chàng tới bái kiến vị thiên sư này; Thiên-sư Vân Cốc liền đưa cho chàng một bô đoàn. Hai người ngồi đối diện như vậy suốt ba ngày, thiên sư cảm thấy rất là kỳ lạ, hỏi rằng: "Ngài từ đâu tới? Có thể ba ngày đêm ngồi bất động chẳng có vọng tưởng, hẳn rằng ngài là một vị kỳ nhân tu đạo."

Họ Viên đáp: "Bởi vì tất cả mọi sự đều do vận mệnh an bài, nên tôi chẳng tham chẳng cầu, chẳng có vọng tưởng gì cả."

Vị thiên sư nghe nói liền tiếp lời: "Tôi tưởng ngài là một bậc phi thường, nhưng hóa ra ngài chỉ là một kẻ phàm phu tục tử."

Họ Viên nghe thế, lấy làm không vui, mới hỏi rằng: "Sao thiên sư nói tôi chỉ là một kẻ phàm phu tục tử?"

Thiên sư trả lời: "Nếu không phải là phàm phu thì tại sao lại bị vận mệnh trói buộc?"

Họ Viên liền hỏi: "Vận mệnh trốn thoát được chăng?"

Thiên sư đáp rằng: "Ngài là kẻ thư sinh đọc sách, sao lại không biết trong Kinh Dịch có một câu nói rất rõ là: "Thú kiết ty hung," nghĩa là tới chỗ tốt, tránh chỗ xấu. Nếu mà số mạng không thể trốn được thì làm sao tới chốn an tường, tránh xa điềm dữ."

Họ Viên nghe thấy liền đại ngộ, lập tức đổi tên mình thành Liễu Phàm. Ý nói rằng từ ngày hôm nay về sau mình không còn là kẻ phàm phu nữa. Từ đó về sau, chàng luôn làm việc thiện, tích phước tích đức khiến những điều mà vị tướng số nói không còn linh nghiệm nữa. Viên Liễu Phàm sống đến hơn tám mươi tuổi, có ba người con. Bởi vậy vận mệnh không phải là nhất định, điều tốt xấu kiết hung cũng không phải nhất định. Cổ nhân nói rằng: "Quân tử tạo mệnh." Người có đạo đức, chính nhân quân tử thì có thể sửa đổi được vận mệnh, siêu xuất khỏi số mệnh mình.

Tại sao có điều chẳng lành xảy ra? Đó là vì trong tâm mình chẳng lành, mình luôn trông những thứ nhân ác thì đương nhiên sẽ gặp những thứ ác báo. Nếu như mình có thể sửa đổi lỗi lầm, làm lành tránh dữ, thì mình có thể thú kiết ty hung. Từ chuyện này mà suy ra rằng vận mệnh có thể thay đổi, mà chính năng lực thay đổi đó lại ở trong tay mình. Rằng: "Đại thiện đại ác, vượt ra ngoài số mạng."

Xin Bò-tát Làm Tiêu Độc Cho Toàn Cầu

Dùng cam lồ và nước pháp tẩy trừ độc khí trên thế giới. Độc tiêu một phần, thế giới bình an thêm một phần.

Tại sao ta đã Địa Tạng Thất? Bởi vì hiện tại thế giới có quá nhiều tai nạn, nên chúng ta cần Ngài Địa Tạng Bò-tát dùng sức bốn nguyện làm tiêu mọi tai nạn.

Địa Tạng Bò-tát rất tôn trọng đạo hiếu, bởi vì Ngài đời đời kiếp kiếp luôn là người con hiếu thảo với cha mẹ. Đây không phải là chuyện dễ dàng, bởi vì chính từ sự khốn khổ gian nan mà Ngài tu luyện thành đạo. Cha mẹ Ngài không tin Tam-bảo, nhưng Ngài phải thuận ý họ, dùng mọi thứ thiện xảo phương tiện để khuyến dụ các vị đó sinh lòng chính tín nơi Tam-bảo. Nơi nào Ngài tới, Ngài đều làm hạnh Bò-tát, chẳng lộ hình tướng, không chấp trước. Không có hình tướng là bởi vì Ngài không kể công, không tự mình khen đức hạnh. Cũng giống như khi cứu độ chúng sinh, Ngài lại nói rằng là chúng sinh tự độ, không muốn chúng sinh cảm ơn Ngài, đánh lễ Ngài.

Khi Ngài ở địa vị Bò-tát, Ngài không nghĩ rằng mình cao minh hơn các vị Bò-tát khác; hoặc là mình có thế nguyện vĩ đại, có lòng từ bi rộng lớn hay có thần thông quảng đại hơn hết. Ngài không có những tư tưởng đó. Mọi việc làm của Ngài, nhất cử nhất động, nhất ngôn nhất hạnh đều coi như vô sự: Việc mình đem hết sức hết lòng ra làm mà không thấy mình có làm, không sinh lòng kiêu hãnh, cũng không làm kẻ khác chú ý. Ngài chỉ nghĩ rằng đó là bổn phận của Ngài, Ngài không kể lễ công trạng, vì thế Ngài cảm động được tất cả chúng sinh, khiến họ tán thán xưng dương ca ngợi Ngài, thậm chí cả Phật cũng khen ngợi Ngài nữa. Phật không tùy tiện khen ngợi kẻ khác, chỉ khi nào có kẻ xứng đáng thì Phật mới khen mà thôi. Bởi vì Địa Tạng Bò-tát không kể công, Ngài cũng không tuyên truyền công đức của mình nên cảm ứng đạo giao. Cảm ứng đạo giao đó không phải do dùng thủ đoạn, hay mách khoe mà được. Nó tới một cách tự nhiên. Người tu Đạo chúng ta phải học tinh thần thề nguyện vô biên của đức Địa Tạng:

Địa ngục vị không, thệ bất thành Phật.

Chúng sinh độ tận, phương chứng bồ-đề.

Nghĩa là:

Địa ngục chưa trống, thê chưa thành Phật.

Chúng sinh độ hết, mới chứng bồ-đề.

Hàng năm chúng ta đã thất, bởi vì muốn thế giới tiêu trừ độc khí. Hiện tại không khí rất ô nhiễm, vũ trụ đầy các thứ khí độc, mà tất cả những phương pháp đều không thể trừ được nó, chỉ có cách là chúng ta phải chí tâm thành khẩn, cầu chư Phật Bồ-tát phóng quang, tiêu trừ những thứ độc khí đó, làm khí độc vô hình vô ảnh đó tiêu tan đi. Nên ở Vạn Phật Thánh Thành, mọi việc làm, đều có quan hệ đến sự an nguy của toàn thế giới. Ở trong đạo tràng này, quý-vị còn không thành tâm, thì thế giới ắt tăng thêm nguy hiểm hơn!

Nhân loại tạo ra quá nhiều ác nghiệp và sức người khó tiêu trừ chúng được. Hôm nay nhân ngày vía Ngài Địa Tạng Bồ-tát, chúng ta đồng tâm, hết sức chí thành niệm "Địa Tạng Vương Bồ-tát"; kỳ vọng rằng có thể cảm động được lòng từ bi của Bồ-tát, khiến Ngài giúp thế giới được tới chỗ bình an vô sự. Có được cảm ứng này hay không, đều do sự thành tâm của quý-vị cả. Sức của một người thì không đủ, phải cần sức lực của đại chúng. Cho nên nói: Đại chúng chí thành, hợp tâm hợp lực, cùng nhau cầu đảo cho thế giới hòa bình.

Bây giờ trong tâm quý-vị đã hiểu rằng, thế giới đầy tai ách này chẳng có hòa bình. Bởi vậy hiện tại các đạo tràng trên thế giới đều cầu đảo sự hòa bình. Đầu tiên cả là do Phật-giáo Giảng Đường, Kim Sơn Thánh Tự đề xướng, sau đó những nơi khác ở Hương Cảng, Đài Loan đều làm theo; đó cũng chứng minh rằng thế giới đang lâm vào tình trạng rất khó khăn nguy hiểm. Tuy nhiên, chơn chính cầu đảo cho hòa bình thế giới thì có đạo tràng ở Vạn Phật Thánh Thành. Tại sao vậy? Bởi vì ở đây tổ chức pháp-hội gì, đều không hy vọng có đại thí chủ tới cúng dường tiền bạc, mỗi năm tổ chức một cách âm thầm; cứ tới ngày giờ là tổ chức. Chẳng cần biết là có trai chủ hay không; cứ theo thường lệ mà tiến hành, coi đó là bổn phận của mình, không tự hào, không mảy may tính toán chuyện lợi hại gì. Mình chỉ hy vọng rằng Phật sẽ phóng quang gia bị sớm tiêu trừ tất cả những độc khí trên thế giới. Quán Âm Bồ-tát dùng nước cam lồ, quán đảnh khiến chúng sinh tai tiêu bệnh trừ, tội diệt phước sinh. Địa Tạng Bồ-tát dùng nguyện lực quảng đại của Ngài làm chúng sinh ly khổ đặc lạc, tiêu tan hết tai nạn ách chướng. Niệm Quán Âm Bồ-tát, niệm Địa Tạng Bồ-tát tức là giúp cho thế giới được tiêu độc, nhưng không cần dùng thuốc sát trùng, chỉ cần dùng nước cam lồ pháp thủy để tiêu trừ độc khí trên thế giới. Tiêu đi một phần thì thế giới có thêm một phần bình an. Khi độc khí không còn nữa, lúc đó chúng sinh sẽ được hưởng phước, nhân loại sẽ được an lành!

Giảng ngày 4 tháng 9 năm 1982,

nhân dịp Đại Tạng Thất tại Vạn Phật Thành.

Phật Pháp Là Gì?

Tu đạo tức là "quay ngược lại."

Thế nào là Phật-pháp? Phật-pháp tức là thế gian pháp. Song nó là pháp mà người thế gian không muốn làm. Người đời ai cũng bận rộn lăng xăng, mà phát xuất điểm không ngoài lòng ích kỷ riêng tư, chỉ lo bảo vệ thân mạng và của cải chính mình. Phật-pháp thì đại công vô tư (chỉ có công ích không có tư lợi) đem lợi ích đến mọi người. Khi học Phật-pháp, trong mọi việc làm mình hãy nghĩ đến người khác. Hãy xem nhẹ cái "tôi" này, quên mình vì người và chớ làm kẻ khác bức dọc phiền não. Đó chính là Phật-pháp. Song phần lớn người ta không nhận thức rõ ràng được điểm này. Vì thế trong Phật-giáo xảy ra đủ thứ tranh chấp, cãi vã, phiền não, thị phi. Chẳng khác gì, hoặc tệ hơn, chốn trần tục của người đời nữa. Những người này một đằng học Phật, một đằng tạo tội nghiệp. Vừa lập chút công, lại vừa tôn chút đức. Do đó, chẳng những họ không mang lợi ích cho đạo Phật, mà ngược lại làm tổn hại đạo Phật. Việc ấy đức Phật gọi rằng: "Con giòi trong thân sư tử, gặm nhấm thịt sư tử."

Là đệ tử Phật, nếu mình ích kỷ, tự lợi, không biết nhìn xuyên suốt (khán phá), không chịu buông bỏ (phóng hạ), thì sao tương ứng với Phật-pháp được? Người học Phật cần:

Chân nhận tự kỷ thác

Mạc luận tha nhân phi

Tha phi tất ngã phi

Đồng thể danh đại bi.

Nghĩa là:

Tự nhận rõ mình lỗi.

Chớ nói người khác sai.

Họ sai tức mình sai.

Đồng thể là đại bi.

Muốn hiểu chân lý đạo Phật thấu đáo, trước tiên mình cần tự tu nhẫn nhục, bố thí. Thế mới đưa tới thành tựu. Mình cần "xoay ngược lại," tức là phải tách biệt với người đời, không a dua theo trào lưu. Tu đạo mình cần "Đổi ngược lại." Nghĩa là sao? Tức là: "Nhường cho người việc tốt, tự mình lãnh việc xấu." Buông bỏ bản ngã hẹp hòi để hoàn thành Đại Ngã.

Phàm là đệ tử của tôi, các vị đều là máu thịt nơi thân tôi. Bất luận là máu thịt nào bị cắt xén, tôi cảm thấy đau đớn lắm. Bất kỳ nơi nào chảy máu, đều làm tổn thương nguyên khí của tôi. Do đó các vị hãy đoàn kết với nhau. Vì muốn làm Phật-giáo rạng rỡ vẻ vang, các vị cần chịu đựng những chuyện thiệt thòi mà không ai chịu nổi, phải nhẫn những thứ nhục nhã mà không ai nhẫn nổi. Phải để lòng dạ rộng rãi, làm gì cũng cần thật thà. Mình không thật thà thì Phật Bồ-tát biết hết đó. Làm sao mình lừa bịp chư Phật Bồ-tát được. Các vị hãy kiểm thảo lỗi lầm của mình, thành tâm sửa đổi điều sai trái, chân chính nhận thức những thái độ, hành vi điên đảo, không hợp đạo lý của mình. Cứ thành thật, quên phứt mình đi để phục vụ toàn thể Phật-giáo và xã hội.

Bất kỳ một tổ chức, một xã hội nào trên thế giới cũng đầy dẫy chuyện tranh chấp, đấu tranh vô cùng phức tạp. Chúng ta hãy cải thiện tình trạng này trong các chùa thuộc Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới như Vạn Phật Thánh Thành, Kim Sơn Thánh Tự, Kim Luân Thánh Tự... Tuy mình không thể sửa đổi hoàn hảo ngay lập tức, hãy từng bước sửa đổi tới lúc hết sức hoàn thiện, triệt để và rốt ráo. Bất kỳ lúc nào mình cũng cần giữ gìn hành vi và chí nguyện cao thượng để triển khai rạng rỡ Phật-giáo. Đó là trách nhiệm cần có của mỗi Phật tử. Nếu Phật-giáo không hưng thịnh, đó là do mình chưa tận tình làm tròn trách nhiệm. Chớ nên đẩy trách nhiệm lên kẻ khác. Nếu làm được thế, chẳng bao lâu Phật-giáo nhất định rạng rỡ, lan rộng khắp mọi nơi trên thế giới.

Là đệ tử Phật, phải chăng mình cầu Phật gia bị hằng ngày? Cầu Phật giúp mình phát tài, thăng quan hoặc khai trí huệ? Phải chăng mình chỉ cầu Phật giúp mình, chẳng hề suy nghĩ tự hỏi mình có công hiến, đóng góp gì cho Phật-giáo chẳng? Mình có chân thật chẳng? Đây là điểm mà mình phải thường hồi quang phản chiếu.

Lúc quy y, các vị phát bốn nguyện rằng:

1) Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ: Hãy tự hỏi mình: "Ta độ được ai chưa?" Nếu đã độ rồi thì hãy độ thêm nữa. Nếu chưa độ ai hãy phát tâm độ chúng sanh.

2) Phiền não vô tận thế nguyện đoạn: Phiền não thì nhiều vô cùng tận. Chỉ cần ta biến đổi chúng hóa ra bồ đề. Mình đã biến đổi chúng chưa? Nếu chưa, thì hãy mau mau biến đổi chúng.

3) Pháp môn vô lượng thế nguyện học: Hãy tự kiểm thảo: "Ta có học Phật-pháp chăng? Ta có ra sức vì đạo Phật chưa? Phải chăng ta học một cách cứng ngắc, không biết làm sao vận dụng nó, rồi một ngày tu luyện, mười ngày bỏ bê?"

4) Phật đạo vô thượng thế nguyện thành: Trong thiên hạ không có pháp môn gì siêu thoát và cứu cánh hơn đạo Phật cả. Song ta đã chân chính phát tâm thành Phật chưa? Không những ta phải thành Phật mà còn phải độ hết thầy chúng sanh thành Phật nữa.

Nhìn lại quá khứ, đức Phật Thích Ca đã tu phước tu huệ suốt ba A-tăng-kỳ kiếp, vun trồng tướng hảo cả trăm kiếp. Ngài đã từng xả thân mạng để đổi lấy nửa câu kệ pháp. Tinh thần ấy thật vĩ đại quá! Sự chân thành cầu Pháp của Ngài thật cao thượng! Mình phải bắt chước tinh thần ấy.

Đã hơn 3, 4 năm nay, mỗi tháng tôi đều đến Kim Luân Thánh Tự ở Los Angeles. Tôi cảm thấy các vị chưa đắc được lợi ích chân chính của Phật-pháp; cũng chưa thật sự thể hội được tinh thần vĩ đại của Phật-pháp. Các vị đã đặt mình ra ngoài Phật-pháp, chưa thâm nhập gì cả.

Nếu muốn Phật-giáo hưng thịnh, mình phải sửa đổi từ chính bản thân mình trước. Hãy đem lòng chân thật, hy sinh nán»— lá»±c vì đạo Phật. Chớ nên biết có phạm vi nhỏ hẹp quanh mình. Phải lấy pháp giới làm bản thể; chỗ ứng dụng, chốn hành động của mình bao trùm hư không. Rằng: "Hãy sinh cái tâm không dựa, không trước vào đâu cả." (Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm). Nếu ai cũng làm như vậy thì Phật-giáo sẽ rạng rỡ lắm.

Vô Qui Củ Bất Thành Phương Viên

Không Nhẫn chịu được cũng phải gắng nhẫn chịu. Đừng sợ đau, đừng đi loanh quanh luẩn quẩn. Nếu không thì sẽ không đạt được định.

Trong thời gian đá thiên thất, mọi người phải hiểu qui củ thiên đường. Khi chưa đánh mõ thì không ai được chạy hoặc đi cả. Nếu mình không giữ qui củ, không nghe theo hiệu lệnh tức là phạm qui củ. Trong thiên đường có quy luật của thiên đường. Sau khi khai tịnh, vị

sư Duy-na phải nhìn xem mọi người đã mang giày dép xong chưa, sau đó mới gõ một tiếng khánh. Chờ mọi người đứng lên rồi, thầy Duy-na mới đánh tiếp hai tiếng mõ. Hai tiếng mõ chưa đánh, dù mọi người đã đứng lên, không ai được phép đi cả. Đó là qui củ rất đơn giản. Quý-vị phải hiểu nó. Nếu vừa khai tịnh mà đánh mõ ngay, người còn chưa đứng lên thì làm sao đi? Nếu phải chờ thêm ba phút nữa cũng không sao. Vì có nhiều người ngồi lâu bị tê chân, đứng lên còn không được thì làm sao đi? Đó là tri thức rất là phổ thông trong thiền đường mà quý-vị cần phải hiểu.

Tôi biết có nhiều người ngồi lâu chân bị tê rồi khóc ròng. Khóc thì chẳng có ích lợi gì cả. Càng khóc thì càng đau. Cái chân nó đau có nói rằng: "Nếu bạn khóc thì tôi sẽ hết đau!" đâu.

Nhiều người cho rằng ngồi thiền là điều rất tốt. Kỳ thật, ngồi thiền là nhẫn chịu sự khổ. "Càng tốt" tức là "càng khổ" vậy. Mọi người ở đây, hai giờ rưỡi sáng đã dậy rồi, ban ngày chỉ có một giờ để nghỉ ngơi rồi tiếp tục công phu cho đến mười hai giờ đêm. Mỗi ngày chỉ ngủ có hai, ba tiếng đồng hồ. Đó là dụng công mà quên tánh mạng của mình. Cũng có thể nói là "Xả tử hoán sinh" (vứt cái chết, đổi lấy sự sống). Rằng:

Xả bất liễu tử, hoán bất liễu sinh,

Xả bất liễu giả, thành bất liễu chân.

Nghĩa là:

Không bỏ được cái chết,

sao đổi được cái sinh.

Không bỏ được cái giả,

sao thành được cái thật.

Quý-vị nếu không chịu được khổ làm sao hưởng được phước. Nên muốn đến được chỗ chân chính công phu thì phải nhẫn khổ nài lao, phải nghiền răng chịu chân đau. Thật sự cái đau này có thể chẳng đau. Song vì mình muốn đau nên nó mới đau, nó bắt mình phải chịu khổ. "Nhẫn bất năng nhẫn" đó là nhẫn cái đau của chân này. Khi đau, nếu mình không nhẫn nại được, thì coi như mình không vượt qua được thử thách. Mình nhất định muốn đem toàn thân, tất cả cơ quan này phá hủy nó đi. "Cơ quan" tức là ám chỉ sự đau khổ của thân, hoặc

chỉ chỗ đau nhức, hoặc chỉ chuyện phiền não. Nếu ngay lúc đau đớn mình có thể nhẫn chịu, không sinh phiền não, đó chính là công phu. Nếu như không nhẫn được, thì coi như không vượt qua thử thách. Có người đến đây, chỉ một ngày cũng không chịu nổi, cứ muốn trốn đi. Quý-vị hiện giờ đã vượt qua nhiều ngày, là chuyện không phải tầm thường đâu.

Phần đông các cô đều sợ đau chân. Song ở chỗ này chịu đau khổ được như vậy, nhất định là đã trồng được thiện căn thâm hậu, thì tương lai chúng tử bồ-đề này nhất định sẽ nảy mầm, đạt được kết quả. Cho nên nói rằng "công bất đường quyện" nghĩa là công làm không uổng, mình dụng công bao nhiêu, sẽ đạt được bấy nhiêu, không sợ thời gian trôi qua lãng phí đâu.

Tu hành cần phải có "sinh nhẫn" nghĩa là nhẫn những thứ mà khó nhẫn. "Pháp nhẫn" là nhẫn sự sinh diệt tương của các Pháp. Nhẫn chịu không được cũng phải gắng nhẫn chịu, đừng sợ đau, đừng đi loanh quanh luẩn quẩn, nếu không thì sẽ không đạt được định. Cần nhất là phải nhìn thấy các Pháp đều là không, nhìn thấu suốt và buông bỏ được. Từ nơi sinh nhẫn và pháp nhẫn, mình sẽ ngộ được đến vô sinh pháp nhẫn. Đó gọi là "Bất kiến hữu thiếu Pháp sinh, Bất kiến hữu thiếu Pháp diệt." Nghĩa là: Chẳng thấy có chút Pháp gì sinh. Chẳng thấy có chút Pháp gì diệt.

Khi Đắm Trước Hương Vị Thiên

Thì Mọi Chuyện Đều Sai Lầm

Mình chỉ chờ đợi thiên vị đến,

một khi chờ đợi thì quên dụng công.

Tọa thiền đừng tham đắc vị thiên. Thế nào là vị thiên? Đó tức là cảm giác sung sướng của thiên. Ngồi một thời gian khá lâu, tự nhiên mình sẽ có cảm giác rất là tự tại, thoải mái và sung sướng vô cùng. Nếu mình tham trước cảnh giới tự tại sung sướng đó, thì không dễ dàng mà tiến bộ. Mình sẽ ngưng trệ, cứ khởi ý tìm lại thiên vị đó. Nếu như cảnh giới đó qua rồi, lại đi tìm cầu rằng: "Khi nào thì tôi sẽ có được cảnh giới như vậy nữa? Cảnh giới vô nhân, vô ngã, vô chúng sinh, vô thọ giả, vô phiền, vô não, hết sức tự tại an lạc đó, đến

lúc nào thì tôi được nữa?...." Khi chờ đợi thiên vị này đến, thì mình sẽ quên dụng công, đây gọi là chấp trước vào vị thiên.

Người tọa thiền cần vô quái vô ngại, vô tham vô cầu, vô hỷ vô ưu, vô khủng vô bố. Nên đem thân mình ví như là hư không trong Pháp-giới vậy, không cần phải chấp trước tham cầu. Nếu có tham cầu thì sẽ rớt vào đệ nhị nghĩa.

Sau đây là bốn cảnh giới:

1. Sơ Thiên Thiên, Ly Sinh Hỷ Lạc Địa: Nghĩa là mình sẽ ly khai được phiền não của chúng sinh, đắc được món ăn thiên, sung mãn Pháp hỷ an lạc, ra khỏi sự mê đảo của chúng sinh và hướng tới con đường bồ-đề của thánh nhân. Đạt tới cảnh giới thiên này thì không được mạo xung, không được tự mình nói ra, mà phải được một vị thiện-tri-thức ấn chứng cho.

Cảnh giới này có cách để chứng minh: Tức là khi hơi thở của mình ngừng lại không còn hô hấp nữa, nhưng không phải là chết, đây tức là nhập định hay nhập sơ thiên. Sơ thiên này khác hẳn với sự ngủ nghỉ, quý-vị đừng cho rằng ngủ tức là nhập định. Ngủ không những là còn hô hấp, mà nhiều người còn ngáy pho pho khiến kẻ khác nghe như sấm vậy. Bởi vậy sự hô hấp của quý-vị đã ngừng hay chưa, những vị thiện-tri-thức nhìn sẽ biết ngay. Có kẻ nói rằng: "Tôi cảm thấy là tôi không còn hô hấp nữa." Đó tức là giả, tức là mạo xung. Nếu mà biết thì mình vẫn chưa nhập được sơ thiên. Nên không thể đem nhãn hiệu giả ra rao bán được.

Nếu muốn phân tích tường tận e phải viết cả khối sách. Nếu nói nhiều quá, sẽ sinh ra chướng ngại cho quý-vị. Nên nói một chút thôi, để tránh quý-vị đừng sinh ra tâm cống cao tà kiến, rằng mình đã nhập vào sơ thiên; cho mình như vậy, tức là lừa dối kẻ khác.

2. Nhị Thiên Thiên, Định Sinh Hỷ Lạc Địa: Cảnh giới này thì cao hơn một bước, không những hô hấp đã đoạn rồi, mà mạch tim cũng ngừng lại. Cảnh giới này không phải mình có thể biết hoặc là có thể nói ra. Nếu nói mình đã đạt cảnh giới đó, thì thử hỏi làm sao cảm thấy nó? ắt hẳn mình chưa hề nhập định, rồi lại mạo xung để lừa người khác chẳng?

3. Tam Thiên Thiên, Ly Hỷ Diệu Lạc Địa: Tới được cảnh giới này thì hô hấp và mạch tim đều ngừng lại, đến ý niệm cũng không còn. Tới cảnh giới này thì mình ra khỏi sự hoan hỷ, xa đi vị thiên, không còn đấm trước gì nữa. Cảnh giới này so với sơ thiên và nhị thiên thì

cao hơn nhiều, lúc bấy giờ thì mọi sợi tóc mình cũng sinh ra hoan hỷ khác thường, lông mày con mắt đều tươi cười hết sức vui sướng vô ngần.

3. Tứ Thiên Thiên, Xả Niệm Thanh Tịnh Địa: Đến lúc này tất cả mọi thứ đều là không, "nhất niệm bất sinh toàn thể hiện" Nghĩa là khi một niệm chẳng dấy lên, chân tâm bản thể hiện bày. Tới được chỗ:

Thiên đàm hữu thủy thiên đàm nguyệt.

Vạn lý vô vân vạn lý thiên.

Nghĩa là:

Ao hồ ngàn nước, ngàn trăng hiện.

Vạn dặm không mây, vạn dặm xanh.

Ở cảnh giới này thì mọi nơi đều thuyết Pháp cho mình nghe. Bởi vì "Lạc hoa lưu thủy diễn Ma-ha," nghĩa là hoa rơi, nước chảy đều như nói Pháp Đại-thừa. Cảnh giới này mình không biết được nó đâu, và cũng không được nói rằng: "Tôi đến được Tứ Thiên Thiên rồi." Nếu vậy là mình sinh ra đại ngã mạn, nói ra lời hết sức láo lếu. Điều này cũng cần phải có vị thiện-tri-thức ẩn chứng cho mình thì mới đúng được.

Tại sao gọi thiện-tri-thức là người có con mắt sáng? Bởi vì vị đó có thể nhìn và biết ngay công phu của mình đã đến trình độ nào rồi. Nếu mình muốn khảo nghiệm Ngài, thì cứ thử xem! Ngài chẳng quan tâm gì đến điều đó cả. Nếu là chân chính thiện-tri-thức thì không có cách gì bị chúng ta khảo nghiệm đặng. Ngài không vì lẽ bị hỏi mà liền nói toạc ra đâu. Chỉ cần mình thân cận với Ngài sau một thời gian lâu, thì Ngài sẽ nói cho mình biết. Nhưng chưa chắc là Ngài nói rõ hết đâu. Có lúc Ngài dùng ví dụ hoặc chỉ thuyết vài câu đơn giản mà thôi. Cho nên mình không thể đi đâu cũng đánh chuông nổi trống mà nói rằng: "Tôi đã thành Phật rồi!" Nói như vậy là hết sức láo lếu, làm trò hề, tương lai sẽ đọa địa ngục, bị cắt lưỡi. Đó là điều hết sức đáng thương xót vậy.

Giảng vào tối ngày 18 tháng 11 năm 1982

tại Vạn Phật Thánh Thành

Đạo Tràng Tốt Khó Tìm

Muốn tu hành mà không gặp đạo tràng tốt thì cũng không thể tu được.

Từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta tạo tội lỗi, thói xấu quá nhiều. Không biết hối cải cũng không biết tu hành, nên thói xấu mỗi ngày một gia tăng, trí huệ mỗi ngày một giảm dần; nghiệp chướng càng ngày càng thêm nặng. Bởi vì những lý do đó nên con người muốn tu cũng không phải dễ; muốn học để thành người tốt cũng rất khó, muốn xuất gia lại càng khó hơn, vì bị mọi thứ nghịch cảnh, nghiệp chướng ràng buộc. Khi ở nơi nhân địa, mình ngu si không biết nên tạo ra tội nghiệp đầy đầy, chẳng sợ nhân quả báo ứng. Vì thế bây giờ muốn tu Đạo thì đủ thứ nghiệp chướng từ khắp mọi nơi kéo về, đủ thứ chướng duyên phát sinh. Có người vì hoàn cảnh gia đình không cho phép, có người vì đất nước, lại có người vì thái độ, hành động, hay công ăn việc làm khiến sinh ra đủ thứ trở ngại, không cho phép họ tu hành.

Cho nên muốn chân chính tu Đạo thì khó như muốn lên trời vậy. Song, tuy khó khăn khổ khổ như vậy thì lại không tu sao? Không phải đâu! Càng khổ thì càng phải tu, mình phải làm điều khó làm. Nếu không ở chỗ khổ khổ gian nan mà bắt đầu, thì mãi mãi mình không thể phá trừ được hết nghiệp chướng. Vì thế mình phải tu nhẫn nại; phải nhẫn nại những thứ mà không ai nhẫn được, nhường nhịn những thứ mà không ai muốn nhường, làm chuyện mà chẳng ai chịu làm, ăn những thứ không ai thèm ăn, chịu những thứ không ai chịu nổi. Cứ như vậy ngày tháng tích lũy, thì công đức sẽ tăng gia, tội nghiệp giảm ít, trí huệ tăng trưởng, và nghiệp chướng tiêu dần.

Bởi vì xưa nay nghiệp chướng từng chút, từng chút kết lũy mà thành. Bây giờ thì cũng từng chút, từng chút giảm nhẹ đi. Cũng như lúc trời lạnh vậy, càng ngày càng lạnh, cho tới mùa đông thì lạnh đến cực điểm, sau đó lại bắt đầu nắng ấm. Tuy nhiên, không thể lập tức ấm liền được, phải từ từ mỗi ngày một ấm lần, ấm lần tới lúc vào hè. Mùa nóng thì ví như lúc mình không còn chướng ngại; mùa lạnh ví như là lúc nghiệp chướng còn sâu dày.

Bây giờ chúng ta tu hành, tham thiền cũng tốt, niệm Phật cũng tốt. Bất luận là tu pháp gì, mình cần kiểm việc để làm, đừng cho tâm trống không, vì nó sẽ suy nghĩ vẩn vơ và vọng tưởng. Mình cần phải lấy thời gian suy nghĩ vẩn vơ đó mà niệm Phật, trì Chú, tụng Kinh; không để thời gian trôi qua lãng phí. Nếu không tu, tâm mình sẽ mặc tình suy nghĩ vẩn vơ, thật là lãng phí tinh thần; kết cuộc, chẳng chuyện gì thành tựu cả. "Nhân thân nan đắc.

Phật-pháp nan văn. Phật quốc nan sinh. Thiện-tri-thức nan ngộ. Hảo đạo tràng nan phùng." Tức là thân người khó được. Phật-pháp khó được nghe. Nước Phật khó sinh. Thiện-tri-thức khó gặp. Đạo tràng tốt khó tìm.

Muốn tu hành mà không gặp được đạo tràng tốt thì cũng không thể tu hành. Nên mình cần có đạo tràng tốt. Ở Vạn Phật Thánh Thành, muốn đả thiên thất thì có chỗ đả thiên thất, muốn niệm Phật thì có chỗ niệm Phật, muốn sám hối thì có chỗ sám hối. Quý-vị muốn thế nào cũng đều có cả. Chỉ cần quý-vị tu hành, không lãng phí thời gian, chân thật dụng công là được rồi.

Bất luận vị nào phát tâm nguyện dụng công, thì tôi sẽ tình nguyện làm hộ-pháp cho vị đó, giúp quý-vị dụng công tu hành. Bởi vì khi xưa tôi muốn dụng công mà không tìm được đạo tràng tốt để dụng công. Tôi đến nơi nào cũng gặp đầy dẫy những chuyện nhỏ nhặt, chi tiết phiền hà. Ví như ở thiền đường, quý-vị phải học cách đánh chuông, đánh bồng, rồi đến lúc nào thì phải đi tuần tra, phải học pha trà, uống trà rồi đi thu những chum trà, và đủ thứ chuyện lật vật khác. Nếu quý-vị muốn dụng công thì chuyện uống trà, thu chum trà hoặc là lúc đi tuần, lúc đánh bồng, đánh m? chỉ là sự dụng công một cách hời hợt mà thôi. Học những việc lật vật đó cũng mất hết ba tuần lễ mới xong. Thông thường đả thiên thất chỉ một hay hai tuần, nếu phải học những việc linh tinh đó, cũng đủ hết thời giờ rồi.

Hiện tại ở Vạn Phật Thánh Thành, quý-vị tham thiền, niệm Phật hoặc phiên dịch hay nghiên cứu kinh điển, tu cách gì cũng tốt cả. Nói tóm lại, nếu quý-vị chuyên tâm nghiên cứu thì mọi phương tiện đều có sẵn, không cần phải làm những chuyện phiền phức khác. Ở đây, mọi chuyện rất là đơn giản. Vị nào làm Duy-na thì chỉ cần biết làm sao chỉ tịnh, khai tịnh là được rồi. Ở đây mà quý-vị còn không biết dụng công thì chẳng biết ở chỗ nào quý-vị mới dụng công được. Đây là nơi hết sức thuận tiện, đầy đủ phương tiện để dụng công. Nếu quý-vị một mặt dụng công, một mặt nghĩ vẩn vơ, nào là: "Cơm trưa hôm nay không ngon. Trời lạnh lẽo quá, sao mà ngủ được." Nếu như cứ vọng tưởng vô ích như vậy, thì chỉ phí thời gian mà thôi. Quý-vị cần chuyên tâm, chú ý, đem toàn tánh mạng ra mà dụng công mới được.

Xả bất liễu tử, hoán bất liễu sinh.

Xả bất liễu giả, thành bất liễu chân.

Nghĩa là:

Không được sự chết, sao đổi được sự sống.

Không bỏ được cái giả, sao thành đặng cái chân.

Không phải chỉ ở trong Niệm Phật Đường, hoặc trong Thiền Đường mới dụng công mà ở mọi lúc, mọi nơi, đều phải dụng công. Dụng công có nghĩa rằng con mắt không bị đối tượng quan sát làm cho chuyển; lỗ tai không bị âm thanh làm giao động, lưỡi không bị mùi vị làm cho thèm muốn; mũi không bị hương thơm làm cho hứng thú; thân không bị xúc chạm làm cho rung động; ý không bị tư tưởng pháp trần làm cho xoay chuyển. Không bị tất cả mọi thứ cảnh giới làm chuyển xoay mà ngược lại, mình có thể xoay chuyển được cảnh giới. Đó chính là dụng công.

"Hành trụ tọa ngọa bất ly liễu cá, ly liễu giá cá tựu thị thác quá." Nghĩa là: Đi đứng nằm ngồi đừng lìa "nó," lìa "nó" tức là sai lầm. Do đó, mỗi giờ mỗi phút mình phải luôn luôn chuyên tâm chú ý, chế ngự ý niệm của mình; giơ cao Kim-cang Trí-huệ-vương Bảo-kiếm chặt sạch mọi phiền não ma quân.

Hỏi: Minh phục vụ đại chúng nhưng lại bị họ mắng chửi thì phải làm sao?

Đáp: Nếu phục vụ đại chúng, mà bị phỉ báng thì mình càng cố gắng hơn nữa. Nếu chỉ vì bị người ta chửi mắng mà bỏ làm, thì mình không có thành tâm.

Hỏi: Vì sao hiện tại Phật-giáo đồ không chịu hiểu chính pháp, chỉ mong cầu thần thông? Vì sao hiện giờ đa số tín đồ tham tiền?

Đáp: Vấn đề này rất là quan trọng bởi vì hiện tại con người đều bị trúng độc của đồng tiền. Ở trên mặt đồng tiền có chất độc vô cùng. Có thể nói là ma quỷ bởi thứ độc ấy lên đồng tiền khiến con người khi tiếp xúc với nó đều quên mọi sự. Cho đến cha mẹ cũng quên, chỉ biết tiền mà thôi. Coi tiền thân thiết hơn tất cả mọi thứ. Vì đồng tiền mà tạo ra đủ thứ tội nghiệp. Ngay cả người trong Phật-giáo cũng tìm đủ phương pháp, bắt chấp thủ đoạn, hoặc nói chuyện phong thủy, hoặc nói có mật pháp; họ có lòng tham còn nhiều hơn người không học Phật-pháp nữa; lòng tham của họ còn cao hơn cả trời xanh. Đó là mật pháp. Mật pháp tức là không có người hiểu rõ đạo lý nữa. Nếu muốn đừng sa vào lỗi lầm này, thì chỉ có cách là giữ Sáu Đại Tông-chỉ của Vạn Phật Thánh Thành. Đó là: Không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tư lợi, không nói dối. Sáu điều này có thể cải biến được phong khí của mật pháp. Quý-vị đừng coi Sáu Tông-chỉ của Vạn Phật Thánh Thành này là đơn giản, bình thường. Quý-vị không đủ tư cách để học, cũng chẳng đủ tư cách để nghe.

Tôi nói Sáu Đại Tông-chỉ này là để cho hai vị hành giả Tam-bộ Nhất-bái, (thầy Hằng Thật và thầy Hằng Triều) nghe. Bởi vì tôi thấy hai vị đó hết sức kham khổ tu hành, nếu không nói cho họ pháp chân chính thì thật là đáng tiếc. Cho nên Sáu Đại Tông Chỉ này là để phá những sự hiểu biết sai lầm, nó là cây gậy hàng phục ma quân (hàng ma trượng).

Nói đến thần thông thì phải biết rằng không phải do cầu mà được; nó do tu mà thành. Tuy rằng cũng do tu mà thành nhưng cũng đừng coi nó là quan trọng. Thần thông, trong Phật-giáo, không có gì là đáng kể vì cũng giống như dùng một con dế nhỏ đi dọa con nít mà thôi. Thực sự nó không có gì quan trọng. Người học Phật, nếu có ý niệm cầu thần thông thì tự nhiên sẽ tu sai lạc, không còn chân chính là tín đồ Phật-giáo nữa.

Hỏi: Tại sao người ta không lạy Ngài Tam Tạng Huyền Trang mà lại lạy Tôn Ngộ Không? Tôn Ngộ Không có thật hay không?

Đáp: Bởi vì Tôn Ngộ Không có Kim-cô-bồng lại biết Cân-đầu-vân, có thể lên trời xuống đất, không chỗ nào mà không tới được, nên người nào cũng thích Tôn Ngộ Không. Tôn Ngộ Không, Trư Bát Giới, Sa Tăng đều là những nhân vật có thật. Nhưng họ là những thứ tinh linh không có hình tướng, tới để giúp đỡ vị Tam Tạng đi qua Tây Thiên (Ấn Độ) thỉnh kinh. Những vị đó không phải là những người mà ta có thể dùng phàm phu nhục nhãn mà thấy được. Bởi vì họ không có phàm phu thực thể, mà họ chỉ là những linh tánh. Ngài Huyền Trang là người tu hành chân thật, nhưng Ngài không biết pháp Cân-đầu-vân cũng không đại náo thiên cung. Ngài chỉ biết chân thật tu hành, y chiếu theo ba chữ: Kiên, Thành, Hằng (kiên trì, thành khẩn, thường hằng không đổi), nhất tâm đi thỉnh kinh, làm lợi ích cho chúng sinh, nên cảm động được Tôn Ngộ Không, Sa Tăng, Bát Giới tới hộ trì Ngài.

Giảng vào ngày 26 tháng 11, năm 1985

Si Ái Triền Miên

Sự tai hại nhất trên đời là ái tình sâu đậm.

Việc cao thượng nhất là tu đạo thanh tịnh.

Quý-vị xem gốc cây này gồm có hai nhánh, song đôi hợp thành một, nhánh trên nhánh dưới kết hợp với nhau, quý-vị biết đó là gì không? Đây là do vô lượng kiếp về trước có một đôi nam nữ thương yêu nhau rất sâu đậm. Hai người đó phát nguyện rằng: "Tại thiên, nguyện tác tỷ dục điều. Tại địa, nguyện vị liên lý chi." Nghĩa là nếu sinh lên trời thì làm đôi uyên ương hai cánh liền nhau, nếu sinh dưới đất thì nguyện làm gốc cây liền cành. Đôi nam nữ này rất chung tình, nên kết làm vợ chồng. Cả hai người có một sở thích giống nhau, đó là: ham tiền. Người đàn ông thì thí mạng để kiếm tiền, người đàn bà thì thích phung phí tiền, cho nên có qua có lại hết sức hợp tình hợp ý.

Tuy nhiên, bởi vì yêu nhau quá đậm đà nên tạo ra tội nghiệp cũng hết sức sâu dày. Đòi đòi kiếp kiếp sinh ra trầm luân, đọa lạc vào đường súc sanh, trở thành ngựa quý, cuối cùng đọa địa ngục. Đến nay đôi vợ chồng này biến thành thảo mộc. Gốc cây này đáng lẽ gồm có hai nhánh, nhưng nó lại sinh trưởng cùng một chỗ, nên mãi mãi ràng buộc với nhau không xa lìa. Quý-vị thấy không, nhánh bên trái bao quanh lấy nhánh bên phải, nhánh bên phải cũng nhào sang ôm lấy nhánh bên trái, giống như đàn ông đàn bà hai người ôm nhau vậy. Đó mới thấy rằng đôi nam nữ này tập khí ái tình si mê, hạ liệt bao kiếp rất sâu đậm. Ngày nay chúng thành loại thảo mộc mà cũng không bỏ được lòng si ái đó. Ở giữa hai gốc này có một cục đá, mà hai người này quý như châu báu. Cục đá đó là gì? Nguyên lai nó là trương mục ngân hàng của hai vị đó trong tiền kiếp.

Mấy năm trước có lần chúng tôi vào thành thuyết Pháp. Khi đi ngang qua bờ sông thấy gốc cây này, liền nhặt đem về. Quý-vị nhìn xem: đầu gốc cây này bị chặt đứt, rễ cũng bị chặt mất luôn, lộ ra hai nhánh rất khô cằn, song hai nhánh cây này vẫn triền miên ôm chặt lấy nhau. Quý-vị không thấy đó đáng thương xót sao?

Như vậy đủ thấy rằng tình yêu càng sâu đậm thì càng nguy hiểm. Đây không phải là chuyện nói chơi nói giỡn đâu. Có người trong bụng nghĩ rằng: "Thầy ơi! Thầy nói Pháp này tôi không thể tin được, bởi vì nó không có chứng minh, không hợp lý. Đại khái Thầy muốn dọa con nít, nói lời chiêm bao thôi." Tin hay không là do quý-vị, tôi không có cách nào làm quý-vị tin được bởi vì đây là Pháp rất khó nói, khó thuyết. Người đã mê luyến ái thì dù mình có nói cách nào đi nữa họ vẫn không thức tỉnh, không chấp nhận được. Sự tai hại nhất trên đời là ái tình sâu đậm. Việc cao thượng nhất là tu đạo thanh tịnh. Không phải người ta không biết lý ấy; biết nhưng cố phạm là vì chẳng cách gì dứt bỏ thói quen đã làm trong nhiều kiếp trước.

Tục ngữ Trung Hoa có câu rằng: "Khi tay đã cầm cây củi khô rồi, thì y khó chịu bỏ ra để đổi lấy cành hoa." Đó là muốn ví dụ những người luôn luôn chấp trước vào tình yêu. Nếu mình nói với họ rằng, hãy bỏ đi những thứ luyến ái đó để tu Đạo là điều quý hơn, chắc hẳn họ sẽ cố chấp không muốn quay đầu lại. Rằng:

Thiên vũ tuy khoan, nan nhuận vô căn chi thảo.

Phật môn tuy quảng, nan độ bất tín chi nhân.

Nghĩa là:

Trời mưa rưới nước khắp nơi,

song khó tưới nhuận cây cỏ không gốc.

Cửa Phật tuy rộng thênh thang,

mà vẫn khó độ kẻ chẳng lòng tin.

Tôi đã bảo tồn gốc cây này lâu năm rồi. Có nhiều người tôi không muốn cho họ thấy bởi vì có nói pháp này cho họ, họ cũng chẳng tin. Tôi phải chờ cho thời điểm chín mùi rồi tôi mới nói. Ngày 24 tháng 10, quý-vị từ khắp nơi xa xôi đến đây để triều bái, tôi đem gốc cây này ra Vạn Phật Điện. Tuy nhiên cho đến ba tuần sau tôi mới nói là vì nếu không nói thì e chẳng còn thời gian nữa; nên bất kể là quý-vị có tin hay không, tôi cứ kể nhân duyên của gốc cây này cho quý-vị nghe.

Giảng tối ngày 12 tháng 11, năm 1982

tại Vạn Phật Thánh Thành

Nỗi Bất Hạnh của Cửa Phật

Tới lúc chết rồi mà vẫn cho là bí mật, bí mật, bí mật... Mật đến chỗ rơi vào địa ngục vẫn còn mật.

Tôi vừa nói cho quý-vị nghe công án của gốc cây đó, quý-vị không tin cũng chẳng sao. Bây giờ chúng ta thảo luận đến vấn đề sau đây, tuyệt đối không thể không tin được.

Tại sao con người phải học Phật-pháp? Động cơ tối thượng không ngoài ý muốn "ly khổ đặc lạc, liễu sinh thoát tử." Song chẳng may nhiều người có chí thoát đường mê nhưng lại đi vào đường mê.

Theo Phật-giáo vì muốn thoát luân hồi nhưng bởi chẳng cẩn thận nên rất dễ rớt vào mê hồn trận. Nếu không biết khéo dùng trạch-pháp-nhãn, sáng suốt mà lựa Pháp, thì dễ bị những thứ tà tri tà kiến làm mê hoặc, rồi đi làm những việc không nên làm.

Thí dụ như muốn ly khổ đặc lạc, song lỡ xây chân rơi vào cửa địa ngục. Lại còn những chuyện tệ hại hơn nữa, tức là trong Phật-giáo Mật-tông có kẻ dạy phương pháp gọi là Song Tu Pháp. Họ nói chỉ cần niệm thần chú gì gì đó, trai, gái cùng nhau tu pháp "Hoan Hỷ Thiên." Còn nói đó là pháp cao nhất, không những thỏa mãn được lòng dâm dục, mà còn có thể tức khắc thành Phật. Song, thành Phật đâu phải dễ dàng như vậy! Nếu không cắt đứt lòng dâm dục, mà thành Phật, thì rất là vô lý. Trong thiên hạ không có đạo lý nào như vậy cả.

Đời nay, đa số con người đều tham tu cho mau cho chóng, thích đi đường tắt. Hễ nghe nói có phương pháp huyền diệu thì liền bị mê hoặc, rồi rớt vào lưới ma, tới lúc chết rồi mà vẫn cho là bí mật, bí mật, bí mật... mật đến chỗ rơi vào địa ngục vẫn còn mật.

Kiếp Sau Muốn Làm "Liên-Thê-Anh"

Đồng tính luyện ái là trái ngược lại với đạo lý trời đất; hoàn toàn sai với luân thường.

Ý kiến tôi vừa phát biểu không phải thái quá hay nguyên rủa ai đâu. Trong Phật-giáo thật sự có những hành vi bại hoại tổn đức như vậy. Do đó Phật-giáo mới không hưng thịnh được.

Chuyện này mình sẽ không bàn tới nữa, song còn vấn đề nghiêm trọng hơn, nó liên quan đến toàn nhân loại, không thể không đề cập tới. Đó là chuyện đồng tính luyện ái càng ngày càng nhiều. Cũng như ở Nữ Ước (New York) và Cựu Kim Sơn (San Francisco) có tới hơn

mười vạn kẻ đồng tính luyến ái. Thậm chí có nhiều nhà chức trách công khai nhận rằng mình là đồng tính luyến ái và tán thành chuyện này; lại còn hô hào xã hội chấp nhận sự kết hôn giữa những kẻ đồng tính luyến ái ấy. Chúng ta phải biết rằng đồng tính luyến ái là trái ngược lại lý tự nhiên, ngược lại với luân thường đạo lý. Trào lưu này là do yêu ma quỷ quái khơi động; như châm dầu vào lửa, khiến con người sớm đọa địa ngục.

Vừa rồi tôi nói tới sự yêu đương ngu si của nam nữ, họ thề rằng: "Tại thiên, nguyện tác tử dục điều. Tại địa, nguyện vi liên lý chi." Nghĩa là trên trời thì nguyện làm đôi uyên ương. Dưới đất thì nguyện làm cây liền cành. Trai gái kết hôn là chuyện thông thường, nên cổ nhân có câu: "Nam nữ chi sự nhân chi đại luân" nghĩa rằng chuyện nam nữ là chuyện luân thường của loài người. Nếu mình muốn đi thuận với con đường sinh tử thì mình kết hôn, sinh con, điều đó chẳng đi ngược lại với trời đất. Song nếu mình đồng tính luyến ái là trái ngược lại với đạo lý trời đất; hoàn toàn sai với luân thường. Quả báo là mình sẽ sinh ra làm liên-thê-anh, hai đứa trẻ sinh ra tay chân dính liền nhau. Hiện tại trên thế giới xuất hiện rất nhiều đứa trẻ như vậy. Trong tương lai không xa sẽ còn xuất hiện nhiều thú vật thân thể dính liền như thế. Bởi vì những người này đã làm chuyện yêu quái, những chuyện thấp hèn, hạ tiện, cho nên sẽ đọa làm súc vật.

Do đó nếu quý-vị chưa học Phật, nên ở ngoài đời không giữ qui củ, làm bừa bãi, thì không có gì lạ. Còn nếu quý-vị học Phật rồi, thì cần phải hiểu sâu xa đạo lý nhân quả, đừng phạm tội lỗi. Phải hết sức cẩn thận, thật cẩn thận.

Tham Thiên:

Tham Thiên Trước Nhất Cần Xây Nền Tảng

Nền không vững, nhà sẽ lung lay,

Gió thổi thì ngã, mưa to liền sập.

Người học Phật có kẻ thích tham thiên, có người thích học Kinh, thuyết Pháp, nghiên cứu Luật Tông, Mật-tông hay Tịnh-độ Tông. Bất luận là thích tông phái nào, quý-vị cần kiên tâm trì chí, dụng công tu hành thì mới thành tựu.

Nếu không chuyên tâm nhất chí thì học gì cũng như không. Mình tham thiền hai ngày rưỡi lại nghĩ muốn niệm Phật, niệm Phật nửa ngày lại muốn học Luật, học Luật chưa bao lâu lại muốn học Mật; mục tiêu rối loạn không chuyên nhất được. Tại sao mình không thể chuyên nhất? Tại vì mình còn hướng ngoại truy cầu. Chân đạp hai chiếc thuyền cùng một lúc, không biết đi lên Giang Bắc tốt hay đi xuống Giang Nam hay? Vì vậy, cả một đời vẫn cứ lầm lẫn.

Vì thế tham thiền lúc nào cũng phải tinh tấn, một giây cũng không được làm biếng, tham cho tới lúc:

Sơn cùng thủy tận nghi vô lộ,

Liễu ám hoa minh hựu nhất thôn.

Nghĩa là:

Núi cùng, sông cạn, tưởng hết đường,

Tàng liễu, hoa giảng, hiện thôn trang.

Tức là mình sẽ thấy một bầu trời khác, sẽ thấy được sự diệu thú thiên nhiên vô cùng. Nhưng mình cần phải tham thiền đến cực điểm, đến chỗ "đăng phong tạo cực" nghĩa là lên tới đỉnh cao nhất, đạt tới chỗ tột bực thì mới có một chút hy vọng; nhưng hy vọng đó cũng không nhiều lắm. Tuy có một chút hy vọng nhưng mình cũng đừng chấp đắm vào hy vọng đó. Nếu không mình sẽ tạo thêm sự phiền toái, tức là chấp vào cái không có ý nghĩa gì cả. Tham thiền là phải chân thật mà dụng công.

Trước hết cả mình phải biết luyện cho chân biết nghe lời, không làm loạn cũng không làm đau. Làm thế nào để chân không còn đau nữa? Có thần chú nào niệm cho chân hết đau? Hoặc giả là mình phải uống thứ thuốc gì đó thì chân sẽ bớt đau. Không phải thế đâu! Mình cần phải trải qua cơn đau nhưc đó một thời gian, dần dần chân mình mới chịu nghe lời mà hết đau. Nếu mình không nhẫn nại được cái đau, vừa mới đau lại đổi chân, thì cái chân vĩnh viễn sẽ không bao giờ chịu nghe lời mình; bởi vì mình đã chịu đựng nó quá mức. Khi chân đau mình phải dọa nó như dọa con nít. Nếu cha mẹ thương không cho con chịu khổ, thì tương lai những đứa đó không cách gì chịu đựng được khổ. Cái chân cũng như con nít vậy, mình sợ nó đau nhưc thì lúc nào nó cũng đau nhưc. Lúc chân đau tất nhiên mình

thấy đau, lúc chân không đau, mình cũng thấy nhức nhối là bởi vì mình đã tập cho nó có một thói quen xấu.

Mình phải luyện cho cái chân, cái lưng biết nghe mình; để chúng không còn đau không còn nhức; rồi thì mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều nghe lời mình cả, sáu căn này không còn chạy ra ngoài mà truy cầu nữa. Không bị sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp làm cho xoay chuyển. Không bị lục căn, lục trần chuyển động thì đó chính là biết dụng công. Cho nên nói:

Nhãn quán hình sắc nội vô hữu.

Nhĩ thính trần sự tâm bất tri.

Nghĩa là:

Mắt thấy hình sắc nhưng lòng chẳng màng.

Tai nghe âm thanh song tâm chẳng biết.

Mình phải thường hồi quang phản chiếu. Đừng truy cầu những điều bên ngoài, luôn luôn trụ vào pháp môn căn bản, tức là tham thoại đầu "Ai là người niệm Phật?" Tức là làm sao nắm được gốc, đừng chạy theo ngọn. Đối với những vấn đề chi tiết nhỏ nhặt, đừng nên để tâm âu lo, như vậy thì từ từ sẽ hiểu thấu mọi sự.

Lúc tu thiền, khi chưa biết tập luyện làm sao để ngồi kiết già hay bán già cho thật vững vàng thì đừng nên ham học làm sao tham thiền. Bởi vì nền tảng chưa vững chắc cơ mà! Do đó, trước tiên phải xây nền tảng thiết tốt rồi mới tham thiền.

Như tuần đầu tiên, mình phải san bằng mặt đất. Xây nhà, trước hết phải dọn sạch đất đai, đập bằng nó ra.

Vào tuần thứ hai thì phải đặt móng. Xây móng cần tốn nhiều công phu; tức là mình phải tu hạnh nhẫn nại: chịu đau, chịu đói, chịu khát, chịu rét; bất kỳ hoàn cảnh gì mình cũng phải chịu đựng. Tuy đây là việc tốn công tốn sức, song nó là việc tất yếu phải làm. Đất cần được đập bằng, móng cần xây cho chắc thì nhà dựng lên mới kiên cố. Nếu gió thổi, nhà sập hay mưa tạt, nhà rã thì tức là móng đặt không chắc chắn, nền xây chẳng vững vàng vậy.

Đến tuần thứ ba thì có thể dựng cột, trụ, bắt kèo, khung cột, mái chèo.

Qua tuần thứ tư, thì xây tường, bắt cửa, đóng cửa sổ, lợp ngói. Đó là thứ tự xây nhà: Ta không thể "Cuộc một phát mà đào thành giếng" được. Không việc gì làm mà thành công tức khắc.

Tham thiền hay niệm Phật cũng vậy; học Giáo, tu Mật, tập Luật đều như vậy cả. Tức là phải hết sức chuyên tâm chú ý. Tâm phải thành khẩn, đừng tham muốn thứ cao siêu xa vời, đừng nghe người ta nói Mật-tông tốt, thì chạy theo Mật-tông. Đừng dại mà mê muội, tới lúc chết vẫn không tỉnh ngộ. Không chấp nhận những bằng chứng trước mắt, thì thật là mình mê quá độ. Mật, mật rồi chẳng biết do đâu, bỗng chết mất. Thật là bí mật. Do đó mật thì đúng là mê. (Hai chữ này, tiếng Tàu phát âm giống nhau) Ủ Hết sức mê muội.

Quý-vị học Phật cần phải nghiên cứu chân lý đừng nên nghe theo một cách mù quáng. Mình cần phải: "Thân cận hữu đức, viễn ly hương nhân." Nghĩa rằng cần phải gần gũi những bậc đức độ và xa lánh những kẻ tà ác. Kẻ xấu ác là thứ chuyên lừa người. Người có đức độ thì không gạt ai cả. Kẻ vô đức thì luôn dùng những thủ đoạn xảo trá; thì làm sao có đức được. Chỉ có những ai không lừa bịp thì càng ngày công đức càng nhiều; lúc đó đức hạnh mới tồn tại được. Quý-vị phải quan sát và phán xét người khác ở khía cạnh này. Đừng nhìn vẻ bên ngoài mà nói rằng: "Ôi! Tôi thấy anh chàng đó rất đức độ, thật là một vị thiện-tri-thức." Thực ra chẳng xác thực, bởi vì quý-vị phải rõ thân thể anh chàng đó ra sao? Hiểu rõ thì mới đáng kể.

Trong thời mạt pháp con người đều phạm chứng bệnh thông thường là hay nói những chuyện xa vời, lấy lỗ tai thay cho con mắt, nghe người khác nói tốt là chạy theo liền. Chạy theo như vậy tốt xấu thế nào không cần biết, thậm chí bị người ta lừa mà vẫn chưa tỉnh ngộ. Học theo những điều mê tín tài sắc, phong thủy, bói toán, đều là những thứ hết sức đáng thương xót.

Hôm nay tôi đọc báo thấy ở tỉnh Phước Kiến, Trung Hoa Đại Lục, có sáu đứa trẻ, trốn ra biển tự sát để thành tiên. Đó là lý do gì? Là bởi vì do những thứ tà thuyết làm mê hoặc lòng người. Họ nói rằng nếu ai làm ác thì thành quỷ, làm tốt thì thành thần, thành tiên. Thế nào là chuyện tốt? Là đừng có sợ chết. Bởi vì ở nơi thôn xóm xa xăm, nhiều đứa trẻ rất là chân thật, chất phát, nên nghe thế chúng tin ngay. Tin là người tốt thì không sợ chết, mà khi chết có thể thành tiên, nên sáu đứa trẻ này tự sát tập thể để mong thành tiên. Chúng nghĩ rằng "Hồi xưa có tám ông tiên, đại khái là do tự sát tập thể. Nay mình cần phải tự sát tập thể để thành sáu ông tiên, khỏi bị trôi trong lục đạo luân hồi." Cho nên chúng tự sát tập thể để thành tiên.

Chúng nó có thể thành tiên hay không? Tôi có thể chứng minh rằng chúng chẳng thành tiên. Tại sao chúng chẳng thành tiên? Bởi vì chúng hết sức si mê. Người thành tiên rất thông minh chẳng ngu si. Chẳng vị tiên nào không hiểu chân lý, không biết phải trái đúng sai. Làm thế nào chúng đồng thời tự sát như thế để thành tiên? Nếu như thành tiên quá dễ dàng như vậy thì sao đại chúng không mau tự sát để thành tiên cho rồi. Đây là chuyện không thể có được. Những người nhà quê đó hết sức là đáng thương. Đui mù tin theo tà thuyết khiến bọn trẻ chết oan uổng. Đây là chuyện thật đáng thương xót.

Bây giờ lại hỏi rằng vì sao mấy đứa nhỏ không sợ chết, lại muốn thành tiên? Là vì hoàn cảnh bức bách mà thành. Thấy rằng đời sống con người cũng không hơn gì cái chết. Làm người giống như khúc thịt biết đi thì có ý nghĩa gì đâu? Nên mới tìm đường giải thoát: cùng tự sát tập thể. Sáu đứa trẻ đó viết trên giấy chữ "Tử" ngàn lần như vậy. Ngày nào cũng viết chữ chết, chết, chết... Từ sáng đến chiều cứ nghĩ đến chữ chết. Bởi vậy những đứa trẻ này đại dốt, bị chuyện mê tín dụ hoặc khiến quên mất hẳn mục tiêu lẫn phương hướng chính đáng.

Là Phật-tử, chúng ta không nên mê tín mà phải trừ mê tín. Thế nào là mê tín? Tức là hồ đồ, nghe theo những điều người ta nói mà không suy xét. Người ta nói gì mình cũng tin cả, tin một cách mơ hồ, nên gọi là mê tín. Mê tín chưa phải đáng sợ, đáng sợ nhất là tin cái điều mê, tin thứ ngoại đạo điên đảo. Có những người tự cho mình là thông minh, song điều chánh thì không tin mà gặp điều giả là tin ngay, đó là mê trong mê. Họ không nhận thức được chân lý, đem điều chân thật cho là giả dối, đem điều giả dối cho là chân thật. Cũng như sáu đứa trẻ đó, vốn muốn chết để thành tiên. Đó là một phương pháp để lừa gạt người nhưng sáu đứa trẻ đó lại tin theo. Nếu dạy chúng rằng tu hành mới thành tiên, e rằng chúng nó chẳng tin. Bởi vậy trên thế giới rất nhiều kẻ đáng thương xót và vô số những chuyện đáng tiếc. Một lời khó diễn bày hết được.

Giảng tối ngày 28 tháng 11, năm 1982

Quang Âm Thiên và Khoa Học

Khoa học vốn không hiện hữu. Bởi vì mình gọi nó là khoa học nên nó là khoa học.

Hỏi: Phật-giáo nói: "Thủy tổ của loài người từ Quang Âm Thiên tới." Điều này phải chăng là mâu thuẫn với lý luận của khoa học? Ví như, khoa học có thuyết tiến hóa, nói rằng con

người biến hóa từ trạng thái vi sinh vật tối sơ, trải qua không biết bao nhiêu ức triệu kiếp, từ từ tiến hóa, cuối cùng mới biến thành khỉ rồi sau đó biến thành người. Điều này hợp với Phật lý chăng?

Đáp: Con người từ Quang Âm Thiên lại; song không phải từ bảy ức triệu năm trước đâu, có lẽ cả bảy ức ức triệu năm trước họ đã hiện hữu ở đây rồi. Các vị trời ở Quang Âm Thiên tới nhân gian, không phải kẻ hoàn thiện gì mà họ đã mất trí huệ rồi. Vì sao? Thì cũng giống như khi mình đầu thai thác sanh vậy. Lúc ban sơ khi thế giới chưa có nhân loại, chưa được khai hóa, toàn là hỗn độn (như cái trứng gà vậy). Các vị trời bay tới thế giới này, đông như ruồi, nghĩ rằng ở đây có đồ ăn ngon lành lắm. Các vị ấy từ Quang Âm Thiên xuống, có lẽ đã du hành một thời gian rất lâu mới tới được địa cầu, hết như hỏa tiễn phóng lên không gian, bay vào quỹ đạo trải qua thời gian nhiều năm mới tới đây. Các vị trời tới địa cầu chẳng có mục đích gì đặc biệt. Các vị ấy du hành, rồi lạc mất phương hướng, nên tới địa cầu hốt hoảng cả lên. Sau khi tới địa cầu thì họ không còn thông minh như khi ở trên trời nữa. Họ chỉ còn lại một thứ tánh giác tri mà thôi, không như lúc còn ở trên cõi trời. Cũng giống như con người vốn thông minh nhưng khi chết rồi đầu thai ra thành con nít thì quên hết chuyện quá khứ. Cũng giống như người bị đụng xe, hôn mê bất tỉnh, chẳng còn tri giác việc gì cả.

Tuy nói rằng họ từ Quang Âm Thiên xuống, song họ đã dần dà mất hết đức tánh và trí huệ sẵn có, chỉ còn lại một chút xíu tánh giác tri mà thôi. Tuy là từ trời xuống, song chỉ một số ít thôi, không ai biết là bao nhiêu. Không có lịch sử để tra khảo, thời gian cũng quá lâu xa, nên không cách gì kiểm chứng được.

Điều mình gọi là "khoa học," thì cũng không có gì là khoa học. Đây chỉ là một danh từ, mình đặt tên nó là "khoa học." Kỳ thật, nó chỉ là một thứ lý luận, lý tánh. Lý luận ấy viên mãn hay chẳng? Phải dựa vào kiến giải và năng lực hiểu biết của các bạn. Nhiều vị hiểu rộng lắm. Song có kẻ khác thì chưa học qua khoa học, không hiểu khoa học là gì. Phải chăng kẻ chưa học qua khoa học thì chẳng có khả năng lý luận? Không phải! Bất luận là học hay không, tự tánh mỗi người đều có khả năng lý luận. Chớ nói rằng học qua khoa học thì mới có khoa học (hiểu khoa học), chưa học qua khoa học thì không có khoa học (không hiểu khoa học). Cũng giống như Phật tánh, ai ai cũng sẵn có.

Khoa học chỉ là một bộ phận nhỏ nơi Phật tánh. Nó không phải là một thứ lý luận hoàn hảo nhất. Bạn nói rằng người ta nghiên cứu khoa học như thế như thế đó, và viết ra luận án như thế như thế đó; kỳ thật đó chỉ là một sự điên đảo chấp trước của con người. Giống như "gắn

một cái đầu lên trên đầu mình" (làm việc chấp trước, vô ích, ngược đời). Không có việc gì cần, mà cố tìm việc lãng xăng. Lãng xăng bận rộn tìm kiếm mãi, thì chẳng tìm ra ắt giáp gì cả. Dù là nghiên cứu khoa học, nghiên cứu mãi, họ chẳng thể tới dạng chân chính kết luận.

Con người ta quá chấp trước vào khoa học, cho rằng nó là hay nhất. Kỳ thật mọi thứ đều có sẵn trong tự tánh của ta, không cần mình hướng ngoài tìm kiếm. Khi bạn tìm bên ngoài, bạn sẽ mãi mãi chẳng tìm ra. Bạn nói tìm ra nó rồi Ồ đúng là thứ thiệt; song nó chỉ là đồ giả mà thôi. Bởi vì cái chân thật thì không thể tìm ra hay nói đến. Khoa học vốn không hiện hữu (không có thực thể) bởi vì mình đặt tên nó là khoa học, nên gọi là khoa học.

Giảng ngày 28, tháng 11 năm 1982

Tánh, Thức, Ý, Tâm

Không bị ngoại cảnh chi phối, đó chính là tu hành. Bị ngoại cảnh chuyển, tức là đọa lạc.

Hỏi: Tánh, thức, ý và tâm khác nhau như thế nào?

Đáp: Như đứa con nít mới sinh ra đời rất là vô tư, không có quan niệm gì về mình, về chúng sinh, về thọ mạng, thì đó cũng ví như là "Tánh." Khi đứa con nít biết được làm sao để bú sữa mẹ thì đó ví như là "Thức". Sau khi uống sữa mẹ, lại biết mặc áo, không mặc áo thì cảm thấy lạnh, biết hở thẹn; rồi cảm thấy đói, khát, lạnh, nóng, thì giai đoạn đó ví như là "Ý." Cho tới khi lớn lên, lúc đó lại muốn cái này cái nọ, đó là có "Tâm" vậy. Đây là bốn thứ tâm, nhưng cũng có thể nói là một, chúng nó hỗ tương quan hệ không thể phân ly được, vì cùng một nhà. Tuy là bốn danh từ khác nhau nhưng bản tánh lại là một. "Nghịệp" là hậu quả căn bản mà chúng tạo nên.

Bây giờ nói rộng ra một chút, thế nào gọi là "Phật." "Tánh" tức là Phật. Thế nào là Thần? "Thức" của mình tức là thần. "Ý" là tâm phân biệt và "Tâm" là sự suy nghĩ vọng tưởng. Bản "Tánh" thì lúc nào cũng quang minh sáng suốt, không có mình, không có người, không có rơi vào số lượng. Nhưng khi có "Thức" rồi thì rơi vào danh số, rớt vào phân biệt. "Ý" cũng là sự phân biệt, cũng gọi là thức thứ sáu. Thức này so ra thì rất vắn đục. Ngược lại thức thứ bảy và thức thứ tám thì thanh tịnh một chút. Thức có tám loại: mắt, mũi, tai, lưỡi, thân, ý là sáu thức đầu, cộng thêm thức thứ bảy và thức thứ tám. Bản thân của thức thì

không phải là tám cái mà vì trên mặt danh từ nên phải phân làm tám. Nhưng nói một cách tổng quát thì chỉ là một, một nhưng lại có tám cương vị khác nhau. Tuy có tám cương vị khác nhau nhưng vẫn do một thức chi phối không chế. Tám mà một, một mà tám. Tám không ngại một, một không ngại tám. Từ nơi một sinh ra tám, từ nơi tám thu hồi thành một, đó gọi là thức.

"Ý" tức là tâm phân biệt của mình, tức là thức thứ sáu. "Tâm" không những phân biệt mà đầy đầy vọng tưởng. Trong sáu thức đầu có thể nói là loại có tánh tri giác, là do nơi lục căn phát sáu thứ tri giác đó. Sáu căn tức là: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý; phát xuất ra thấy (thị giác), nghe (thính giác), ngửi (khứu giác), nếm (vị giác), sờ (xúc giác), hiểu (tri giác). Con người tạo tội nghiệp là ở nơi sáu căn đó, tu hành cũng từ nơi sáu căn này. Nếu không bị ngoại cảnh chi phối thì đó chính là tu hành. Nếu bị cảnh giới bên ngoài làm cho xoay chuyển thì tức là đọa lạc.

Thật Đau Lòng Cho

Nền Giáo Dục Hiện Tại

Luôn luôn y theo tinh thần đại công vô tư,

Quang minh lỗi lạc, với tinh thần vô úy.

Ngày nay nền giáo dục trong rất nhiều nước đang bị suy sụp. Tuy nhiên vẫn có một số người phẫn tẩn ná»— lá»±c mong cứu vãn cơn nguy trầm luân đọa đức. Việc làm của kẻ phẫn tẩn ná»— lá»±c so với kẻ đọa lạc giống như tát một ly nước để dập tắt căn nhà đang cháy lớn. Nguyên nhân vì sao nền giáo dục sụp đổ như vậy? Đó là do con người, những vị nhân sĩ trong nền giáo dục không chịu cải thiện, không biết cầu tiến. Tuy thấy học sinh càng ngày càng đọa lạc, giết người, phóng hỏa, cướp giựt, hút ma túy, nhưng họ coi những chuyện này như không. Thậm chí còn công khai cổ võ học sinh hút ma túy, phá thai, tự do phóng túng, mặt tình dùng thuốc ngừa thai v. v... Những hành vi tồi tệ ấy chỉ làm ý chí học sinh lụn bại, lương tri tiêu tán.

Tuy nhiên một số nhà giáo dục vẫn còn có tâm tận tụy; hết sức hô hào để cứu vãn sự trầm luân đó; vì thanh niên mà vun đắp lại cơ sở tốt đẹp. Nhưng phần đông kẻ làm giáo dục thì

tâm lý tối tăm, cổ xúy những chuyện dâm dục, bại hoại luân lý, tổn thương thuần phong, khiến chí nguyện của thanh niên, những bậc anh hùng, hiền tài, bị sụp đổ, thiện căn giảm sút, đứt đoạn. Trước khi khai phát trí huệ chân chính, họ đã học toàn những thứ điên đảo xằng bậy.

Có những nhà giáo dục, thậm chí hô hào cải tạo nhân tâm. Nhưng những kẻ đó là giặc ở trong làng đạo đức. Bởi vì họ dùng thứ văn chương bại hoại để che đậy những thứ xấu xa; cực lực phản đối nền giáo dục chân chính là nền giáo dục có tính cách xây dựng. Họ giống như những kẻ đui mê hoặc những kẻ vô tri. Những điều này làm cho người ta đau khổ và lo lắng.

Những nhân sĩ phục vụ trong nền giáo dục, phải luôn luôn y theo tinh thần đại công vô tư, quang minh lỗi lạc, có tinh thần vô úy để gây dựng lên tầng lớp thanh niên biết làm chủ tương lai. Được vậy thì mình sẽ không xấu hổ với lương tâm, không hổ thẹn làm thầy kẻ khác. Nếu quý-vị không sửa đổi những lỗi lầm đó, đầy dẫy những tà tri, tà kiến, những hiểu biết sai lầm, những sự đố kỵ chướng ngại, chỉ muốn cầu danh mong lợi, đê người khác xuống để mình đứng lên trên, luôn luôn có hành vi hư ngụy lừa dối, thì nền giáo dục vĩnh viễn không chấn hưng được. Những bậc anh tài sẽ bị mai một, tiền đồ của quốc gia cũng sẽ rất nguy hiểm. Hy vọng các nhà giáo dục hô hào để thanh niên chú ý. Luôn luôn tìm phương kế để cứu vãn tầng lớp thanh niên, để họ khỏi phải rơi vào con đường bế tắc, rồi đọa lạc. Được vậy thì thực là điểm phúc cho xã hội quốc gia lắm.

Giảng tháng 12 năm 1982

Tham Thiên Cần Có Con Mắt Biết Chọn Pháp

Nếu không nhận thức được pháp môn chân chính, thì có thể đi vào con đường tà đạo.

Người học Phật-pháp cần phải có Trạch-pháp-nhãn, tức là con mắt biết chọn Pháp; biết cái nào là Pháp, cái nào không phải Pháp; cái nào đen, cái nào trắng, cái nào thiện, cái nào ác. Phải nhớ đừng nhận lầm cái giả là thật, đen cho là trắng, trắng cho là đen, hoặc lấy thiện làm ác, lấy ác làm thiện. Đó đều là điên đảo. Khi mình muốn nhận thức những Pháp như vậy, cần phải có con mắt gọi là Trạch-pháp-nhãn.

Trước tiên hãy rũ bỏ ngã tướng. Nếu có ngã tướng thì sẽ sinh ra đủ thứ chướng ngại, cũng không có trí huệ nữa. Có ngã tướng thì tự sinh ra tâm ích kỷ, rồi tiếp theo đó sinh ra tâm tư lợi, tâm truy cầu, tâm tham lam. Khi cầu không được, tham không xong, thì lại sinh ra tâm đấu tranh, cùng người tranh cường luận thắng.

Nếu như không có "ngã tướng," thì có cái gì gọi là "ngã"? Ai là cái ngã? Cái ngã này là ai? Quý-vị suy nghĩ, tham nó. Như tham câu "Niệm Phật là Ai?" Câu "Niệm Phật là Ai?" này là tham chớ không phải để niệm. Nếu mình niệm tới niệm lui thì vô ích, mình phải tham nó. Tham thì tựa như lấy cái dùi đục mà dùi; dùi mãi tới lúc nào đâm thủng nó được thì tức là mình triệt ngộ.

Nhất thời bất minh bạch, nhất thời đô yếu tham;

Thời thời bất minh bạch, thời thời đô yếu tham.

Nghĩa là:

Lúc nào chưa hiểu rõ, lúc đó cần phải tham.

Mọi lúc chưa hiểu rõ, mọi lúc cần phải tham.

Tham thiền cũng không phải đoán mò, nếu như mình cứ đoán rằng "Tôi niệm Phật à? Anh niệm Phật? Người đó niệm Phật? Ai niệm Phật?" Đoán tới đoán lui đều đoán không đúng. Mình cần phải tìm ra "Ai." Chữ "Ai" này chính là Kim-cang-vương Bảo-kiếm, tức là lưỡi kiếm trí huệ. Nếu dùng lưỡi kiếm trí huệ này mà chặt đứt hết các vọng tưởng khác, thì trí huệ tự nhiên hiện tiền.

Nếu không nhận thức, không hiểu rõ pháp-môn tham-thiền, mà cho rằng pháp-môn này cũng giống như pháp-môn niệm Phật, nghĩ rằng niệm càng nhiều càng tốt (thay vì tham) thì đó là điều hết sức là sai lầm. Không cần niệm cho nhiều, chỉ cần kéo hơi cho dài, tham cho nhiều, mấy giờ đồng hồ cũng được. Thậm chí tham đến tám vạn đại kiếp cũng không gián đoạn, thì đó mới là chân chính tham thiền.

Tại sao phải tham câu "Niệm Phật là Ai?" Chữ "Ai" này cũng là đã nhiều lời. Nhưng vì chúng ta giống như con khỉ, lúc nào cũng muốn tìm cái này cái nọ để làm. Do đó chữ "Ai" để mình đi tìm, thì vọng tưởng mới hết. Nghĩa là dùng chữ "Ai" này giống như lấy độc trị độc. Tham thiền tức là quét sạch bụi (vọng tưởng). Khi mình không còn vọng tưởng thì mới đúng là "thời thời thường phát thức." Nghĩa là lúc nào cũng quét sạch. Tại sao cần phải

quét bụi? Bởi vì không muốn cho tâm bám đầy bụi, mình muốn "quét sạch tất cả mọi Pháp, xa rời tất cả mọi tướng." Đó là pháp-môn tham thiền.

Nếu mình không có con mắt chọn Pháp, không hiểu biết được chân pháp, thì mình không biết thế nào là tham thiền. Không biết tham thiền thì chỉ phí công lao tu tập. Nếu không nhận thức được pháp môn chân chính thì có thể đi vào con đường tà đạo, nên Trạch-pháp-nhãn, con mắt biết chọn pháp, rất quan trọng.

Giảng tối ngày 4 tháng 12 năm 1982

tại Vạn Phật Thánh Thành

Đắc Nhất Vạn Sự Tất

Ai hiểu được số không này, thì người đó có thể tu hành chứng quả.

Chư Pháp tùng duyên sinh,

Chư Pháp tùng duyên diệt.

Ngã Phật Đại Sa-Môn,

Thường tác như thị thuyết.

Nghĩa là:

Các Pháp do duyên sinh,

Các Pháp do duyên diệt.

Đức Phật Đại Sa-Môn,

Thường nói lý như vậy.

Tất cả mọi Pháp đều do nhân duyên sinh ra, rồi cũng do nhân duyên tiêu diệt. Đó là đạo lý luân hồi, cũng là đạo lý: "Vật cực tắc phản, bỉ cực thái lai." Nghĩa rằng vạn vật hễ biến thiên đến cực điểm phía này rồi thì sẽ quay đầu để tới cực điểm phía kia. Khi bế tắc cùng cực thì rồi sẽ hanh thông. Đó là Pháp tương đối trên thế gian này vậy.

Pháp tương đối ví như sự tốt đẹp đến cực điểm rồi sẽ biến thành xấu, xấu đến cực điểm lại biến thành tốt. Cũng như con người sinh ra là điều tốt, nhưng khi chết đi lại là điều xấu, điều hủy hoại. Sinh, trụ, di, diệt; sinh xong rồi sẽ trụ, trụ rồi sẽ biến di, biến di rồi sẽ hủy diệt. Sinh, lão, bệnh, tử cũng đồng đạo lý như vậy; sinh ra rồi từ từ sẽ già, già rồi có bệnh, bệnh rồi sẽ chết. Đó là thứ pháp nhân duyên. Con người ai cũng sống, thích sống, và ai cũng phải chết, nhưng lại sợ chết. Nếu mình không thích sống mà cũng không sợ chết, thì đó là một loại định lực. Như người ta thường hay sợ quỷ, nhưng tại sao lại sợ? Bởi vì quỷ thì xấu xa hung ác, có thể hại người và làm chết người. Cho nên, người ta đều sợ quỷ, đó là hiện tượng sợ chết mà thôi. Nếu như mình không sợ chết, thì mình không sợ bất cứ cái gì. Bất luận là quỷ thần, yêu ma, quái vật, mình cũng không sợ; không gì làm cho mình sợ cả. Còn sự sợ hãi là còn chưa có định lực. Hết mọi sự sợ hãi thì đó mới là chánh định, chánh thọ, mới có định lực. Có định lực thì con người mới:

Túng ngộ phong dao thường đản đản,

Giả nhiều độc dược dã nhân nhân.

Nghĩa là:

Đứng trước mũi kiếm vẫn ngang nhiên,

Dù ép độc dược cũng bình thường.

Ý rằng nếu có người đem dao tới chặt đầu mình, hoặc là dùng độc dược để giết hại, mình cũng không lo sợ, trong tâm không hề giao động. Đó là vì sao? Vì mình đã thoát khỏi sinh tử "Sở tác dĩ biện, bất thọ hậu hữu." Nghĩa là "xong xuôi những việc cần làm, từ đây chẳng phải đầu thai làm gì." Cho nên nói nếu được "một" thì mọi sự đều xong.

Nhưng được "một" đây cũng vẫn chưa hẳn là đủ, phải làm cho "một" này trở về bản nguyên của nó: trở về số không. Số không là đạo lý rất linh diệu, khó có thể diễn bày được. Ai hiểu được số không này, thì người đó có thể tu hành chứng quả. Làm sao để hiểu số không này? Trước hết phải hiểu số một. Bởi vì "Đắc nhất vạn sự tất," nghĩa là được một thì vạn sự đều

xong. Cái một này xa rời ngôn ngữ, văn tự, ra khỏi tâm sở duyên, quét sạch tất cả Pháp, xa rời tất cả tướng. Lại nói rằng: "Nhất pháp bất lập, vạn sự giai không." Nghĩa là chẳng lập một pháp gì, mọi sự thấy đều không. Quý vị muốn tới cảnh giới và đạo lý này, thì trước hết phải tới "một," quý vị đừng coi thường số "một" này.

Thiên đắc nhất dĩ thanh,

Địa đắc nhất dĩ ninh,

Nhân đắc nhất dĩ thánh.

Nghĩa là:

Trời được "Một" nên trong,

Đất được "Một" nên yên,

Người được "Một" thành Thánh.

Tại sao trời che phủ được vạn vật? Là vì trời được số "một" này. Tại sao mặt đất làm chỗ dựa cho vạn vật? Là vì đất được số "một" này. Nếu như đất mất số một thì đất sập, núi băng, động đất, nước biển nổi trào, đủ thứ tai họa phát sinh. Nếu nơi nào mất số "một" này, thì nơi đó sẽ sinh ra đủ thứ tai họa. Nếu số "một" này không mất thì mọi nơi trên mặt đất đều bình an.

"Nhân đắc nhất dĩ thánh." Nếu con người thật sự tới được số "một" này thì có thể ra khỏi luân hồi, chứng thánh quả, khai trí huệ. Bởi vì con người mất số "một" nên kẹt trong luân hồi, xoay chuyển trong lục đạo, chịu đủ thứ phiền não vô minh. Tám vạn bốn ngàn phiền não đều do mất số "một" này mà sinh ra. Muốn về lại "một" thì trước tiên phải biến phiền não thành Bồ-đề, biến sinh tử thành Niết-bàn; dễ như trở bàn tay vậy, không khó khăn lắm đâu! Song vì lẽ gì ta chẳng biến phiền não sinh tử thành Bồ-đề Niết-bàn được? Bởi vì do mình đã mất đi số "một" này, và chạy tới số hai, ba, rồi đến số mười, từ số mười tới số một trăm, rồi vô tận; nên trăm ngàn vạn ức thứ phiền não mới sinh ra. Bởi thế số "một" này rất quan trọng. Tuy nhiên, bởi vì mình đã mất số "một" này, muốn trở về nó không phải là dễ. Từ số "một" mà muốn phản bản hoàn nguyên, trở lại số không thì lại càng khó khăn hơn nữa.

Tôi nói cho quý-vị một ví dụ đơn giản khác. Lúc nào gọi là "một"? Còn lúc nào gọi là "không?" Đối với con gái, từ một tới mười bốn tuổi, đối với con trai từ một tới mười hai tuổi, trong giai đoạn đó, chưa mất đi số "một." Thời gian nào là số "không?" Từ lúc nhập thai cho đến lúc sinh ra, đó là giai đoạn mình ở trong số "không." Lúc đó thì tất cả những thứ phiền não vọng tưởng, tham, sân, si đều không có. Cho tới lúc biết ăn, đói rồi sinh lòng tham ăn, giận dữ, ngu si bắt đầu phát sinh; nhưng lúc này cũng chưa mất đi số "một," đây chính là khởi đầu cuộc sống làm người. Từ số "không" biến thành "một," thì số "một" này vẫn còn là số rất hoàn chỉnh, vì nó là sự bắt đầu của mọi sự. Cho tới khi trải qua những diễn biến trong đời, những thứ khác sẽ cộng thêm vào số "một" này, để biến thành hai, hai thành ba, ba thành bốn, và cứ thế tăng lên, càng tăng thì gánh nặng càng lớn, và con người càng trở nên ngu si hơn.

Tánh tức là số "không," số "không" cũng tức là tánh. "Không" tánh có nghĩa là chẳng có gì cả, chính là:

Bỏ lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai?

Nghĩa là:

Xưa nay chẳng có vật gì,

Thì sao có chỗ bụi trần bám vô.

Tu hành cần phải tu đến chỗ "hồ tôn xích tử," nghĩa là tâm như đĩa con nít, tâm không có bất cứ điều gì. Giống như đĩa con nít vậy, tức là phản lão hoàn đồng. Song, phản lão hoàn đồng không phải là nói rằng mình đi uống sữa, mà chính là muốn mình không còn tham, sân, si, mạn, nghi. Đây mới gọi là phản bản hoàn nguyên; chẳng khác gì với tri kiến của đĩa con nít, rất là thiên chân, không tà lự, không một chút giải đãi lười biếng, cũng không có tâm tham tiện nghi, hoặc là tâm thị phi. Đó chính là "Bỏ lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai" vậy.

Tu Đạo mình cần hiểu rõ đạo lý này thì mới có thể chân chính giác ngộ. Tại sao mình phải nghe giảng kinh? Bởi vì mình muốn phản bản hoàn nguyên. Tại sao lại muốn tu hành? Cũng vì muốn phản bản hoàn nguyên, quét sạch mọi vẩn đục trong tâm. Chớ dụng công nơi nhân ngã thị phi. Nếu có ai nói câu gì trái ý thì mình thấy khó chịu, không vui. Dụng một sợi tóc, mình cũng hết sức đau đớn khó chịu. Nhỏ một giọt mồ hôi để làm lợi cho thiên hạ thì cũng chẳng chịu làm. Đó đều là tinh thần hết sức ích kỷ, không thể tu Đạo được.

Người tu Đạo cần phải vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả (không thấy có mình, không thấy có người, không thấy có chúng sinh, không thấy có thọ mạng). Vô ngã không có nghĩa là mình không làm mà kêu kẻ khác làm giùm mình. Vô nhân không có nghĩa là tới lúc ăn uống lại nói: "ồ! Vì vô nhân, tôi ăn thêm một chút cũng chẳng can gì, tức là không có ai khác." Cho dù lúc này mình không còn nhân tướng (chẳng thấy có kẻ khác) đi nữa, nhưng kẻ khác vẫn còn nhân tướng kia mà. Lúc tranh chấp, đánh lộn, thì lại "vô chúng sanh tướng." Hoặc lúc ăn thịt thì lại "Vô thọ giả tướng." Tức là miếng thịt không có thọ mạng. Tất cả đều là kiến giải sai lầm. Như vậy thì nên làm thế nào?

Thế nào là kiến giải đúng:

1. Vô Ngã Tướng (không thấy có mình): Tức là không cống cao ngã mạn, không tính toán lợi lộc cho mình.
2. Vô Nhân Tướng (không thấy có người): Nghĩa là mình không chướng ngại, không làm chuyện bất lợi cho kẻ khác.
3. Vô Chúng Sinh Tướng (không thấy có chúng sinh): Nghĩa là coi vạn vật đều đồng một thể với chính mình.
4. Vô Thọ Giả Tướng (không thấy có thọ mạng): Mọi chúng sinh có quyền sống, bởi thế chúng ta không thể đoạt hoặc giết hại bất kỳ sinh mạng nào. Ở kể cả người và động vật.

Do đó, khi tu Đạo, bất kỳ lúc nào, đừng vì mình mà mong cầu, đừng vì mình mà tính toán. Hãy luôn nghĩ đến kẻ khác.

Giảng ngày 5 tháng 12, năm 1982

tại Vạn Phật Thánh Thành

Lục Đại Tông Chỉ

tức là Ngũ Giới

Lúc dụng công, phải biết đề khởi, phải biết buông bỏ, làm chuyện gì phải ra chuyện đó.

Người thích niệm Phật thì tham gia Phật-thất, người thích tham thiền thì tham gia Thiền-thất. Người không thích niệm Phật cũng chẳng thích tham thiền, thì có thể tham gia "thất làm biếng" hoặc là "thất ngủ khò." Thất làm biếng hay thất ngủ khò nghe có vẻ mới lạ nhưng thực sự nó hết sức là có lý.

"Thất làm biếng": Dù bạn biếng nhác không thể làm biếng được. Tuy bạn không làm gì cả, nhưng trong tâm lúc nào cũng có chuyện làm, đó là nghĩ vẩn vơ, vọng tưởng. Lúc thì trên trời, khi thì dưới đất, lúc làm ác quỷ, khi đọa địa ngục, lúc làm người, khi làm trời. Ở nơi cái tâm mà chế tạo ra đủ thứ máy móc vật liệu trong lục đạo luân hồi. Khi cơ quan này đã phát động rồi, thì chuyển tới chuyển lui, muốn làm biếng cũng chỉ lãng phí sức lực và tinh thần mà thôi. Từ đó mình càng thêm mệt mỏi, càng lười biếng hơn rồi cảm thấy mọi việc chẳng có ý nghĩa, không có mùi vị gì cả.

Còn "thất ngủ khò" thì sao? Ngủ song đầu óc lại mộng mị. Có lúc mộng phát tài giàu có, có lúc mộng nghèo cùng khổ, có lúc mộng làm quan, có lúc mộng đi xin ăn, có lúc mộng thấy cọp hoặc rắn độc. Vì mộng nên ngủ cũng không an lạc, muốn đá thất ngủ khò cũng không xong.

Vì mình không biết dụng công, nên bất luận làm gì cũng không tốt. Người biết dụng công thì làm gì cũng tốt, tham thiền hay niệm Phật đều tốt, ngay cả làm biếng hay ngủ nghỉ, người đó cũng dụng công được.

Ở Vạn Phật Thánh Thành có năm tông phái: Thiền, Giáo, Mật, Tịnh, và Luật. Quý-vị muốn tu pháp môn nào cũng được, cứ tự do lựa chọn đừng ngại. Nếu muốn làm biếng, muốn ngủ cũng được. Vì do làm biếng mà mình không đi ăn cấp, đó là trì giới. Tuy ngủ mà mình không đi giết người, không sát sinh, thì đó cũng là trì giới. Niệm Phật, Tham-thiền, hoặc là học Giáo, tập Luật hay tu Mật-tông đều là trì giới cả. Do thế khi mình học năm giáo phái, chính là mình đang trì Ngũ-giới: Không sát sinh, không ăn cấp, không tà dâm, không nói dối, và không uống rượu. Dụng công tức là không phạm giới. Tuy bên ngoài mình không biểu hiện là có hành trì giới luật (kể khác tuy không thấy mình trì giới), thật ra trì mà không có hình tướng trì. Mình chẳng cần dùng danh từ trì giới để hình dung khi đang giữ giới; lỗi dụng công như vậy rất tốt.

Bởi vì lý do đó, nên ở Vạn Phật Thánh Thành quý-vị được tự do lựa chọn pháp môn tu hành, không ai quản thúc mình cả. Bởi vì quốc gia này là quốc gia dân chủ, nên đạo tràng

này càng phải thực hành chủ nghĩa dân chủ, và tự do cá nhân. Vì vậy đã nhiều ngày qua quý-vị muốn dụng công tu pháp gì đều được cả, chỉ cần chuyên tâm tu hành, làm chuyện gì phải ra chuyện đó, làm gì phải làm cho tốt, chuyên tâm chú ý là đủ.

Lại nữa, Vạn Phật Thánh Thành có Sáu Đại Tông-chỉ:

1. Không Tranh: Nếu không tranh sẽ không dẫn đến sát sanh. Sát sanh là do tâm tranh hiện lên tác quái. Khi tranh thì chỉ muốn mình thắng, đối phương thua, dù có chết hại vô số.

2. Không Tham: Không tham thì sẽ không trộm cắp. Tại sao lại đi ăn cắp đồ của người khác? Là bởi mình có tâm tham lam. Nếu bạn không có tâm tham lam, thì có kẻ tặng, bạn cũng không lấy. Lòng tham mà trừ thì nhất định không phạm tội ăn cắp.

3. Không Truy Cầu: Không truy cầu thì sẽ không khởi ý niệm dâm dục. Dâm dục là do mình có mong cầu. Con gái mong con trai, con trai mong cầu bạn gái, đó là thứ truy cầu kẻ đối phương. Không những chỉ cầu thôi mà còn truy, theo đuổi nữa, giống như cái khoan, cứ nhắm về phía trước mà khoan. Nếu không có sở cầu, thì làm sao còn ý niệm tà dâm? Một chàng trai tuấn tú, một cô gái xinh xắn bắt quả chỉ là hai bị thịt hôi hám mà thôi. Tại sao tham luyến chứ? Nếu không có sở cầu thì mình không sao phạm giới dâm này.

4. Không Ích Kỷ: Không ích kỷ sẽ giúp mình chẳng nói láo. Người ta nói dối vì sợ mất đi lợi ích riêng mình, nên tâm ích kỷ mới tác quái. Rồi mình mới đi lừa người khác, nói lời dối trá, muốn người khác không biết được bộ mặt thật của mình.

5. Không Tư Lợi: Không tư lợi sẽ giúp mình không phạm tửu giới. Con người vì sao uống rượu? Là vì muốn hưởng thụ, muốn thân thể mình sung sướng. Nhưng sung sướng làm tâm mình mê loạn khủng hoảng; cứ tưởng rằng đã trở thành thần tiên, tiêu dao trên trời vậy. Khi đã say rượu thì lại chửi rủa người khác, muốn làm gì thì làm, tăng trưởng thêm lòng dâm dục. Có người muốn đem rượu lại trợ cho huyết khí được lưu thông sáng khoái. Nhưng uống rồi thì mọi sự đều quên hết. Cũng đồng một loại với hút thuốc phiện, xì ke, ma túy. Đó đều do tâm tư lợi hoành hành; cho nên mới đi uống rượu.

6. Không Vọng Ngữ:

Như vậy, Lục Đại Tông-chỉ chính là Ngũ-giới. Tại sao không nói Ngũ-giới? Là vì danh từ Ngũ-giới nghe quen rồi, nên khi nghe không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu thì người ta thường nói: "Tôi biết rồi, bạn nói mãi lời

này làm chi?" Bởi vậy nên đổi thành: không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, và không nói dối. Những danh từ này ai ai cũng nghe qua, cũng đã biết rồi. Nhưng rất ít người thật sự thực hành chúng, vậy tôi lại nhắc lại rằng:

Không tranh, tức là không sát sinh;

Không tham, tức là không trộm cắp;

Không cầu, tức là không dâm dục;

Không ích kỷ, tức là không vọng ngữ;

Không tự lợi, tức là không uống rượu.

Giảng ngày 5 tháng 12, năm 1982

tại Vạn Phật Thánh Thành.

Biểu Hiện của Đức Hạnh

Tu đạo nghĩa là tu đạo đức chơn chính, không chướng ngại ai, cũng không sợ ai chướng ngại mình.

Lúc bắt đầu tu, người học Phật-pháp phải gieo hạt giống xuống đất. Sau khi hạt giống được gieo, nó có thể nảy mầm lớn lên chăng? Xem nhân duyên có đủ hay không. Hạt giống thuận lợi nảy nở khi tất cả trợ duyên đều đầy đủ. Nếu chẳng đầy đủ thì hạt giống có thể bị tiêu hủy. Nếu xét khi mình phát Bồ-đề tâm, trồng chủng tử Bồ-đề xuống rồi, hãy xem chủng tử đó trông được xuống sâu hay không, có kiên cố lắm không?

Nếu mình trồng đủ sâu, đủ kiên cố chắc thật, thì tương lai chủng tử sẽ sinh căn phát nhạ. Muốn được kết quả Bồ-đề thì cần phải một thời gian tương đương, coi thử mình sẽ dụng công như thế nào? Nếu mình dụng công tới tấp, khai ngộ chứng quả, thành tựu giác đạo, thì có thể coi như là gặt hái được thành công.

Từ lúc chủng tử sinh căn phát nhạ đến lúc ra hoa kết trái; quá trình đó trải qua một thời gian dài cần ta luôn bồi dưỡng, tưới nước, bón phân. Phân bón là gì? Tức là đạo đức. Người tu hành ở bất cứ mọi nơi phải nương nơi đạo đức, lấy đạo đức làm căn bản của giới điều.

Đạo Nho nói rằng:

"Đức giả bản dã, tài giả mạt dã." Nghĩa là đức là gốc mà tiền tài vật chất là ngọn. Đức hạnh là gốc của con người, còn tiền tài vật chất là những thứ ngọn ngành. Người tu Đạo lúc nào cũng phải biết tiếc phước, đừng nên phí phạm tiền bạc vật chất. Như vậy trải qua ngày tháng lâu dài thì có thể bồi dưỡng đức hạnh của mình. Hoa quả sinh ra rất là mau thành. Nếu như mình không ra sức bồi dưỡng tưới nước, bón phân thì hoa quả đó rất dễ bị khô héo rồi chết đi. Cho nên đối với người tu, điều quan trọng nhất là phải chú trọng đến đức hạnh.

Đức hạnh là ở nơi rất nhỏ nhặt mà tập thành: "Vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi" nghĩa là đừng coi những chuyện thiện nhỏ mà không làm, rồi chỉ chờ làm những chuyện thiện lớn. Chuyện thiện lớn chẳng có nhiều đâu. Núi to là do từng hạt bụi nhỏ kết tập thành, bụi tuy nhỏ nhưng kết tập nhiều thì thành một khối núi lớn. Đức hạnh tuy là nhỏ, nhưng nếu mình tích tập nhiều thì cũng có thể thành một khối đức hạnh lớn vậy.

Không đi ngược lại đạo đức tức là đức hạnh. Không chướng ngại kẻ khác tức là đạo đức. Bất luận làm chuyện gì, nên xem bản phận mình là giúp đỡ người khác. Trên phương diện lợi ích, thời gian, văn hóa hay trí huệ, hoặc tất cả mọi sự, nếu mình trở ngại người khác, không làm lợi ích cho ai cả, tức là mình đã đi ngược lại với đạo đức. Cho nên nhất cử nhất động, nhất ngôn nhất hạnh mình chớ đi ngược lại đạo đức căn bản. Nếu muốn tu đạo, trước tiên cần bồi dưỡng đạo đức, không có đức hạnh thì không thể tu đạo được. Có người muốn tu đạo thì ma chướng tới tìm, bởi vì người này chẳng có đức hạnh. Cho nên nói rằng:

Đức giả bản dã, tài giả mạt dã.

Nghĩa là:

Đạo đức là gốc, tiền tài là ngọn.

Đạo đức giống như mặt trời mặt trăng, giống như trời đất, và cũng giống như tánh mạng con người vậy. Không có đạo đức thì mình không có tánh mạng, không có mặt trời mặt trăng, và cũng chẳng có thiên địa. Thế nào là đạo đức? Tức là lấy việc làm lợi ích cho người

khác làm chủ, không chướng ngại người khác làm tông chỉ, trong tâm lại sung mãn Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

1. Nhân: Là tâm nhân ái không muốn sát hại sinh mạng kẻ khác.

2. Nghĩa: Lòng nhận thức biết làm chuyện gì phải, và làm hết sức đứng đắn, đứng với trung-đạo, không có thái quá cũng không có thiếu sót, không nghiêng về bên phải cũng chẳng lệch qua phía trái, luôn luôn trung-đạo. Hiểu biết nghĩa lý thì không ăn cắp. Người có nghĩa khí thì không bao giờ ăn cắp đồ vật kẻ khác.

3. Lễ: Là lễ thứ lễ mạo, lễ tiết. Nếu mình có lễ tiết thì không làm những chuyện gian dâm. Ăn cắp và tà dâm đều là thứ không hợp với lễ nghĩa, đi ngược lại với luân thường.

4. Trí: Người có trí huệ thì không bao giờ uống rượu, hay hút thuốc xì ke, ma túy, những thứ độc dược. Người ngu si thì mới làm những thứ điên đảo này.

5. Tín: Người có thành tín thì không bao giờ nói dối cả.

Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, đó gọi là Ngũ-thường. Hễ mình có đầy đủ Ngũ-thường này tức là có đạo, có đức. Cho nên đạo đức là do từ nơi tâm sinh ra. Nhưng khi phát ra thì nó có nhiều hình thái: có xanh, vàng, đỏ, trắng, và đen. Đó là biểu hiện của đức hạnh, là ánh sáng của đức hạnh. Cho nên ông Hàn Dũ trong bài Nguyên Đạo có một đoạn văn nói rằng: "Bác ái chi vị Nhân. Nhân nhi nghi chi chi vị Nghĩa. Do thị nhi chi yên chi vị Đạo. Túc hồ kỳ vô ý ư ngoại chi vị Đức." Nghĩa là lòng bác ái tức là lòng Nhân. Lòng nhân đúng cách (hợp lẽ) thì gọi là Nghĩa. Nhờ đó mà tiến tới gọi là Đạo. Đầy đủ nơi mình không dựa vào bên ngoài nên gọi là Đức." Ông Mạnh Tử cũng nói rằng: "Nhân nghĩa lễ trí căn ư tâm, kỳ sinh sắc dã, túy nhiên kiến ư diện, áng ư bối, thí ư tứ thể, tứ thể bất ngôn nhi dụ." Nghĩa là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí sinh gốc rễ trong tâm mình. Màu sắc của nó chiếu soi nơi vẻ mặt, sáng soi nơi lưng, vận dụng nơi tay chân. Tứ thể không cần nói nhưng biểu hiện đã rõ. Người có đức thì không những biểu hiện nơi khuôn mặt của mình, mà ngay trên lưng của mình cũng lưu lộ ánh sáng đức độ, thậm chí cho đến tay chân cũng có thể biểu hiện ra đạo đức đó. Đức tướng này không cần nói mà tự nó phát hiện ra, khiến ai ai cũng thấy một cách rõ ràng. Sự biểu hiện của đức hạnh chân chính đó là do công phu dụng công. Đức hạnh này mình không thể giả trang được, nếu như hư dối thì chỉ tạm thời thôi, chớ không thể vĩnh viễn lừa dối người khác được.

Tu đạo nghĩa là tu chơn chính đạo đức, không chướng ngại kẻ khác, cũng không sợ người khác chướng ngại mình. Ai chướng ngại mình thì mình đều tiếp nhận cả. "Nghịch lai thuận thọ" (chuyện đến nghịch ý mình, song cứ tùy thuận thọ nhận), ai đối với mình không có từ bi, vô lý, đều là thiện-tri-thức của mình. Nếu mình có thể "nghịch lai thuận thọ" thì mới thấy được công phu nhẫn nhục của mình. Đừng để lời nói của kẻ khác động tâm mình. Có những người làm như "bất động" vì không biết hổ thẹn, đó là không đúng. Mình phải tu "bất động," tức là phải nhẫn nhục những điều mà người ta không nhẫn nhục nổi. Vậy mới gọi là chân chính công phu, còn ngược lại mình phải từ đầu mà luyện tập.

Trong Lão-giáo nói: "Tam hoa tụ đỉnh, ngũ khí triều nguyên," nghĩa là biểu hiện của đạo đức viên mãn rồi. Những tín đồ trong Phật-giáo nghe qua danh từ này thì cho là ngoại đạo. Kỳ thật thế nào gọi là ngoại đạo? Thế nào là nội đạo? Tên này chẳng có gì là ngoại hay nội đạo cả. Đó chỉ dùng để hình dung kết quả thành tựu của sự tu hành. "Tam hoa" có nghĩa là tinh, khí, thần, ba thứ này đã biến hóa trở thành một thứ quang hoa. "Ngũ khí" tức là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, năm khí này đã hoàn toàn viên mãn, nên gọi là ngũ khí triều nguyên.

Trong Phật-giáo, khi đạo đức đã viên mãn rồi thì sẽ đạt được Đại-viên kính-trí, Bình-đẳng Tánh-trí, Diệu-quán Sát-trí, Thành-sở tác trí. Tức là Tam Thân, Tứ Trí, Ngũ Nhân, Lục Thông, không thiếu một thứ nào. (Tam Thân: pháp thân, báo thân, hóa thân; Tứ Trí: Đại viên cảnh trí, Bình đẳng tánh trí, Diệu quán sát trí, Thành sở tác trí; Ngũ nhân: Phật nhãn, pháp nhãn, huệ nhãn, thiên nhãn, nhục nhãn; Lục thông: thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, thần túc thông, túc mạng thông, lậu tận thông). Thiếu một thứ tức là không đạt tới được cảnh giới viên mãn. Cho nên Phật-giáo vạn đức trang nghiêm, có thể bao quát tất cả mọi tôn giáo, mà mọi tôn giáo chỉ là một bộ phận của Phật-giáo. Vì vậy tôi thường nói: "Phật-giáo cũng như đại học, Lão-giáo và những tôn giáo cao siêu khác thì coi như trung học, các tôn giáo thế gian như Nho-giáo chỉ ở trình độ tiểu học mà thôi."

Tại tiểu học, trung học hay đại học mọi người đều là học sinh; trong thế giới các tôn giáo, tín đồ là những nhân sĩ của tôn giáo. Vì thế mình không thể phân môn biệt loại, phân chia ngăn cách, cho tôn giáo mình là tốt, tôn giáo khác là xấu: "Nhập giả nô chi, xuất giả ô chi" nghĩa là theo thì thuộc phe mình, không theo mình thì bị chê bai, thái độ quan niệm đó là sai lầm. Tất cả mọi tôn giáo đều là một bộ phận của Phật-giáo. Quan điểm này mới đúng. Bởi vì đức Phật nói: "Tất cả chúng sinh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai, đều có thể thành Phật." Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Vậy thì ngoại đạo cũng là chúng sinh, cũng có cơ hội thành Phật, thì làm sao mình lại bỏ ngoại đạo ra ngoài Phật-giáo được? Phạm vi của Phật-giáo thì bao trùm tận hư không, biến pháp giới, không có biên tế, không

có rào cản ngăn cách chia rẽ, không có mình và người. Cho nên người học Phật phải có tâm lượng quảng đại, đừng quá nhỏ hẹp.

Ở trong đạo Lão, người có đức hạnh thì có một sự biểu hiện mà người khác nhìn vào có thể biết, như là tóc trắng như hạc, mặt mày nhan sắc hết sức hồng hào tươi tốt, trẻ trung. Đó là vì sao? Là bởi vì đạo đức của họ cảm chiêu biến hóa mà thành. Tuy là đầu bạc nhưng tóc không bị khô cứng, lại có khí rất là quang nhuận, một sợi tóc của họ có thể phóng quang. Người có công phu, có khai ngộ-nhãn rồi khi nhìn sẽ biết ngay.

Phật-giáo thì còn cao hơn một tầng nữa bởi vì không những tóc phóng quang, mà toàn thân, mỗi chân lông đều phóng quang. Mỗi một lỗ chân lông của họ đều khác với những người phàm phu. Người có công phu tu hành trong Phật-giáo thì có thể làm tóc trắng biến thành đen, răng rụng rồi mọc trở lại. Người trong đạo Lão cũng có những kẻ làm răng rụng mọc lại, song họ không thể làm toàn thân, mỗi lỗ chân lông phóng quang được, đó là chỗ khác biệt với Phật-giáo vậy. Quý-vị muốn coi người này có phải là thiện-tri-thức hay không? Không cần phải có ngũ-nhãn, chỉ cần mình có tu luyện thì sẽ nhìn và biết được người đó phải là thiện-tri-thức không? Người đó có đức hạnh không. Người không có đức hạnh thì mặt mũi ghê tởm, xấu xí làm ai cũng sợ hãi, lánh xa.

Giảng tối ngày 17 tháng 12, năm 1982

Tại Vạn Phật Thánh Thành

Thiền Thất Hồi Ngữ

Người tu hành lão luyện vì muốn liễu sinh thoát tử, nên họ giữ lấy câu thoại đầu một cách khẩn thiết, không một giây, một phút nào mà họ không dụng công.

Lần này Vạn Phật Thánh Thành đã thiền thất, và lại đã Phật thất, song trình độ chưa phải là chân chính đã thiền thất hay Phật-thất; bất quá quý-vị chỉ tập luyện mà thôi. Tại sao vậy? Bởi vì tập khí lỗi lầm từ vô lượng kiếp đến nay khiến mình lười biếng quen rồi, tất nhiên bây giờ chơn chính tu đạo, thì rất khó có thể làm được liền. Chùa Cao Môn ở Trung Hoa mỗi lần đã thiền thất thì quy luật của họ là không người nào được nói chuyện cả; một phút, một giây cũng không được làm biếng nghỉ ngơi. Trong thiền đường không thể tùy tiện đi

lui đi tới, đi vô đi ra; cho dù mình có chết đi, thì thi thể cũng không được đem ra ngoài chôn, mà sẽ bị vát dưới ghế mà thôi.

Bây giờ ở đây đột nhiên kêu người ta dụng công như vậy, thì không thể được. Từ xưa ở Chùa Cao Môn những người tu hành lão luyện, đều đem tánh mạng đạo). Từ nơi chỗ rồ ráo này mà phát sinh ra nào Phật, nào Bồ-tát, nào Thánh, nào Trời, nào Đất, nào Tiên.

Người dụng công phải chuyên tâm trì chí, không nên bị cảnh giới làm cho chuyển động. Tham thiền cần phải nhớ đạo lý trong Kinh Kim Cang: "Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm" tức là hãy để tâm vận hành ở chỗ nó chẳng có trụ trước. Đó là đạo lý căn bản mà Ngài Lục Tổ Huệ Năng khai ngộ. Nhưng có bao nhiêu người nghe qua rồi, tụng qua rồi được khai ngộ? Nên khi tôi giảng Kinh Kim Cang, tôi nói: "Kinh văn thì như vậy, nhưng khai ngộ có mấy ai?"

Lục Tổ Đại Sư là người không biết chữ nghĩa gì hết, hằng ngày lên núi đốn củi đem về bán, nhưng khi nghe một câu kinh Ngài liền khai ngộ. Đó là vì trong nhiều kiếp trước Lục Tổ Đại Sư đã hết sức chân thật tu hành, nên khi nghe qua câu Kinh Kim Cang thì liền khai ngộ. Tại sao chúng ta bây giờ nghe qua nhiều lần mà vẫn chưa khai ngộ? Là vì từ xưa mình chưa có tu hành, chỉ thích coi truyền hình, xem xi-nê, đi nhảy đầm, ăn uống vui chơi, chưa từng nghiên cứu qua kinh điển.

Kinh Kim Cang lại còn dạy rằng: "Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng." Trong lúc tọa thiền thì mình có ngã tướng, có nhân tướng hay không? Có chúng sinh tướng hay không? Có thọ giả tướng hay không? Nếu muốn chẳng có thì mình phải tìm cách quét sạch đi bốn tướng đó; khiến ba cái tâm biến mất đi, tức là tâm hiện tại, tâm quá khứ, tâm vị lai. Ba tâm này không thể nắm bắt được thì tứ tướng đó làm sao mà có.

Kinh Kim Cang lại nói rằng:

Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh.

Như lộ diệt như điện, ứng tác như thị quán.

Nghĩa là:

Tất cả pháp hữu vi, như mộng mị huyền ảo,

Như bọt bèo bóng tối, như sương đọng,

như điện chớp, phải thấy suốt như vậy.

Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã

Thị nhân hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai.

Nghĩa là:

Nếu thấy ta có sắc tướng, tìm Ta nơi âm thanh

Kẻ đó đi đường tà, chẳng thấy được Như Lai.

Khi chúng ta tọa thiền, đừng để âm thanh làm cho ta động tâm, đừng tùy theo sắc tướng mà làm ta xoay chuyển. Có người tu hành đã lâu rồi, nhưng khi có được cảnh giới thì chấp trước vào cảnh giới, đó là sai lầm. Mình phải "Thính nhi bất văn, thị nhi bất kiến." Nghĩa là nghe nhưng không lọt vào tai, nhìn mà không có thấy. Không nghe, không thấy thì sẽ không bị cảnh giới chuyển lay.

Giảng ngày 18 tháng 12 năm 1982

Viên Mãn Mười Tuần Thiền

Không kể khi xưa ra sao, chỉ cần từ nay về sau mình thay đổi triệt để, thành con người mới.

Kim nhật viên mãn thập thiền thất,

Cải đầu hoán diện phát Bồ-đề.

Thường triễn Kim-cang Trí-hệ-kiếm,

Tung hoành Nam Bắc dữ Đông Tây."

Nghĩa là:

Hôm nay viên mãn mười tuần Thiền,

Bồ-đề tâm phát, đổi mặt mày.

Thường tuốt gươm báu Kim-cang trí,

Tung hoành ngang dọc khắp bốn phương.

Hôm nay là ngày cuối của mười tuần thiền thất, chúng ta khi xưa thế nào không cần biết, chỉ cần từ nay về sau làm một người mới, thay đổi triệt để, từ đầu tu luyện lại, dứt hẳn lòng tham lam quý quái hồi xưa là được rồi. Không nên như lúc xưa, chỉ toàn dụng công phu nơi nhân ngã thị phi, mà cần phải phát đại Bồ-đề tâm.

Mình phải luôn luôn tuốt bảo kiếm Kim-cang-vương Trí-huệ. Đừng có ngu si; không ngu si tức là không làm những chuyện điên đảo sai lầm. Thế nào là điên đảo? Là có vô minh ngu tối, hôn muội, u ám. Mình lúc nào cũng phải cầm cây kiếm Kim-cang trí huệ này tung hoành nam bắc, tiêu dao thiên hạ, muốn tới chỗ nào thì tới, đạt được cảnh giới không có mình, không có người, không ràng buộc, ra ngoài thị phi, hết sức tự tại.

Giảng ngày 16 tháng 11 năm 1983

Mười Pháp Giới

Không Ngoài Một Niệm Của Tâm

Mười Pháp-giới từ đâu lại?

Chính từ tâm ta hiện tiền một ý niệm ra.

Nhược nhân dục liễu tri

Tam thế nhất thiết Phật.

Ứng quán Pháp-giới tánh,

Nhất thiết duy tâm tạo.

Nếu ai muốn thấu rõ

Ba đời tất cả Phật,

Hãy quán tánh Pháp-giới,

Tất cả chỉ tâm tạo.

Nếu ai muốn thấu rõ: Nếu có ai muốn hiểu biết rõ ràng Ba đời tất cả Phật, thì phải hiểu chư Phật trong mười phương trong đời quá khứ, hiện tại, và vị lai đều do người mà thành.

Hãy quán tánh Pháp-giới: Hãy quan sát tánh chất của Pháp-giới. Chúng sinh trong Pháp-giới, ai ai cũng có bản tính. Bạn có tánh của bạn, tôi có tánh của tôi. Như tánh nóng nảy của bạn thì dữ dằn hơn tôi một chút, song tánh giận dữ của tôi thì sâu đậm hơn bạn một chút. Như vậy bạn thấy có giống nhau chăng? Heo có tánh heo, ngựa có tánh ngựa, đàn ông có nam tánh, đàn bà có nữ tánh... Ai cũng có tánh riêng. Kẻ thích ăn ngọt thì có tính hảo ngọt; thích ăn chua, thì có tính chua chát; thích ăn cay thì có tính nóng nảy; thích ăn đắng thì có tính chịu đắng. Tu hành là việc có tính đắng. Cây thì có tính cây, hoa có tính hoa, cỏ có tính cỏ... Cái gì cũng có tánh riêng. Do đó mới có Tánh của Pháp-giới. Quý-vị đã hiểu chưa? Khi xưa quý-vị hiểu lầm, cho rằng tánh của Pháp-giới, bây giờ nên hiểu rằng "tánh của chúng sinh" ở trong Pháp-giới.

Tất cả chỉ tâm tạo: Kinh Hoa Nghiêm dạy rằng: Vạn Pháp đều do tâm tạo ra. Ngay cả Phật cũng do tâm quý-vị tạo ra đó. Nếu tâm quý-vị tu Pháp Phật thì thành Phật đạo. Nếu quý-vị thích Bồ-tát hạnh thì tu Bồ-tát đạo, thành một vị Bồ-tát. Nếu quý-vị lòng muốn đọa địa ngục thì cứ nhắm hướng địa ngục mà tu thì tương lai sẽ đọa địa ngục. Cho nên nói: Mười Pháp-giới không rời một niệm tâm này.

(I) Pháp-giới của Phật

Bất đại bất tiểu, phi khứ phi lai

Vi trần thế giới, giao ánh liên đài.

Nghĩa là:

Không lớn không bé, chẳng đến chẳng đi.

Thế giới như bụi, đài sen chiếu nhau.

Bất đại bất tiểu: Khi lần đầu tôi nghe đến chữ Phạn Buddha, nó nghe tựa tựa như chữ Bất đại (bủ tá) trong tiếng Trung Hoa. Cái gì không to lớn? Thì là Phật. Nghĩa là Phật không có lòng công cao, ngã mạn, không có cái Ngã. Bất tiểu là nói Phật cũng không nhỏ bé đâu. Nếu không to lớn, mà nhỏ bé thì không phải là Phật. Phật thì không lớn không nhỏ.

Phi khứ phi lai: Pháp thân của Phật thì bao trùm tận hư không biên khắp Pháp-giới; không ở mà cũng chẳng đi. Nếu nói rằng pháp thân đi, thì đi tới nơi đâu? Nói rằng pháp thân đến, thì đến chỗ nào? Pháp thân thì vốn châu biến, chẳng phải chỉ ở tại thế giới của ta mà là ở khắp mọi thế giới nhiều như hạt bụi. Vô lượng vô biên thế giới đều có pháp thân Phật, nên nói rằng thân Ngài ở vi trần thế giới.

Giao ánh liên đài: Giao ánh diễn tả hào quang của Phật ở Pháp-giới này chiếu sáng chư Phật ở Pháp-giới kia. Hào quang của Phật ở Pháp-giới kia lại chiếu sáng Pháp-giới này. Chư Phật ngự trên đài sen, hỗ tương phóng quang động địa, chẳng những các Ngài dùng sáu căn phóng quang động địa mà mỗi lỗ chân lông đều phóng quang động địa.

Cũng trong một chân lông xuất hiện vô lượng vô biên chư Phật, rồi mỗi một vị Phật ấy lại phóng ra vô lượng vô biên hào quang. Quang và quang không chút xung đột, mà ngược lại, hòa hợp. Vì vậy Phật-tử chúng ta phải hòa hợp như ánh quang minh vậy. Giữa người với người, chớ sinh ra sự xung đột. Sự giao ánh có nghĩa là ánh sáng của bạn chiếu tới tôi, ánh sáng của tôi soi tới bạn; quang quang tương chiếu, hết như sự tương thông của mỗi lỗ trên võng la tràng (lưới) ở trời Đại Phạm Thiên Vương vậy. Ánh sáng từ cái võng ấy, lớp này chiếu lên lớp nọ, trùng trùng vô tận. Đó là Pháp-giới thứ nhất, Pháp-giới của Phật.

(II) Pháp-giới của Bồ-tát

Hữu tình giác ngộ,

Khiêu xuất trần ai.

Lục độ vạn hạnh,

Thời khắc bồi tài.

Nghĩa là:

Khi hữu tình giác ngộ,

Hãy thoát khỏi bụi trần.

Lục độ vạn hạnh,

Lúc nào cũng dưỡng đủ.

Hữu tình giác ngộ: Bồ-tát là tiếng Phạn, dịch là "giác hữu tình," giác ngộ tất cả hữu tình. Lại còn được hiểu rằng Bồ-tát là một vị hữu tình đã giác ngộ. Với hai cách giải thích này chúng ta đều có phần. Bởi vì mình là một hữu tình chúng sinh, do đó mình có thể làm kẻ giác ngộ trong chúng sinh. Mình lại có thể dùng đạo lý giác ngộ để thức tỉnh tất cả chúng sinh. Cũng vậy, Phật ví như người lớn, còn chúng ta ví như con nít. Mỗi ngày mình phải uống sữa, phải nghe Pháp, bởi nghe Pháp khiến mình tăng trưởng thiện căn, đặc biệt làm mình khai trí huệ. Do đó khi có cơ hội nghe giảng Phật-pháp, cơ hội ấy giá trị hơn bất kỳ đồng tiền nào mình làm ra. Có được thời giờ để nghiên cứu Phật-pháp, chẳng phải là tuyệt hảo sao?

Tôi hy vọng những người ở đây bớt đi du lịch. Vì sao? Bởi vì du lịch lúc này rất nguy hiểm. Quý-vị xem: cứ mỗi kỳ hè người tử nạn nào phải chỉ có một, chắc hẳn nhiều lắm. Do đó, nếu đi du lịch thì biết đâu quý-vị có phần trong số cố nạn nhân? Ở Mỹ, ai cũng ham vui, thích đi du lịch. Tín đồ Phật-giáo mình phải cải thiện thói quen ấy. Ngày nghỉ hè, hãy dành thời gian nghiên cứu Phật-pháp, tụng Kinh, niệm Chú, lạy Phật là tốt hơn hết.

Bồ-tát là một vị hữu tình đã giác ngộ. Trong tất cả bậc giác ngộ, Ngài là vị hiểu thấu suốt. Trong tất cả vị hiểu thấu suốt, Ngài là vị tu hành. Trong tất cả vị tu hành, Ngài là người tu tập rất chân thật.

Khiêu xuất trần ai: Nếu quý-vị không thông hiểu thì không sao nhảy thoát ra khỏi bụi trần, bởi vì bụi trần quá dày đặc nên nhảy không ra nổi. Nếu quý-vị giác ngộ rồi, thì bụi trần sẽ mỏng lắm, nhảy là thoát ngay. Nhưng nhảy ra rồi thì làm gì? Phải chăng chỉ có ăn với nghỉ? Đúng đó, quý-vị vẫn phải ăn uống, ngủ nghỉ, mặc áo; song không phải chỉ có thế. Quý-vị chẳng sống vì làm ba chuyện ấy. Quý-vị sống là để tu Lục-độ-vạn-hạnh. Lục-độ tức là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ. Có người nói: "Tôi biết rồi, bố thí

tức là dạy người ta bỏ thí cho mình." Không phải đâu! Mình phải bỏ thí cho người. Đừng nên ham tiền. Tiền là thứ dơ bẩn lắm. Nếu gần gũi nó lâu ngày, quý-vị sẽ dính phải bụi dơ của nó. Do đó, hãy không tham tiền, bạn sẽ thanh tịnh, nhảy vọt ra khỏi chốn bụi bặm.

Thời khắc tài bồi: Chẳng phải ngày nay tu, ngày mai nghỉ tu; năm nay tu, sang năm ngừng; tháng này tu, tháng sau nghỉ; đời này tu, đời sau bỏ; phút này tu, phút sau ngủ. Không phải như vậy đâu! Trong mọi lúc, mọi thời, mọi đời, mọi kiếp, mình phải tu lục độ vạn hạnh. Nếu được như vậy thì quý-vị là Bồ-tát rồi đó.

Quý-vị tưởng rằng làm Bồ-tát dễ lắm sao? Chẳng dễ đâu! Chẳng những không dễ làm Bồ-tát, ngay cả làm Duyên Giác, Thanh Văn cũng chẳng dễ. Làm gì dễ dàng nhất? Làm quý, đọa địa ngục, thành thú vật là việc dễ dàng nhất. "Khó" tức là không dễ. Do vậy, Bồ-tát cần làm những việc khổ hạnh ai cũng cho là khó làm, nhẫn nhịn những việc khó nhẫn nhịn. Chẳng phải thấy khó rồi bỏ không làm. Quý-vị hãy dần thân tiến bước, bởi vì kẻ tinh tấn tức là Bồ-tát. Chỉ có vậy. Chẳng có gì xảo diệu hơn đâu. Nếu có thể làm việc không ai làm được, quý-vị mới là Bồ-tát.

(III) Pháp-giới của Duyên Giác

Duyên Giác Thánh Hiền,

Cô phong độc miên.

Xuân hoa thu tạ,

Thập nhị liên hoàn.

Nghĩa là:

Thánh Hiền đáng Duyên Giác,

Chót đỉnh một mình ngủ.

Hoa xuân, thu héo tàn,

Vòng tròn, mười hai khoen.

Duyên Giác Thánh Hiền: Duyên Giác là bậc Thánh Hiền, lúc các Ngài ở thời Phật tại thế thì gọi là Duyên Giác; sau khi Phật nhập diệt, thì các Ngài được gọi là Độc Giác, bởi vì các Ngài tự mình giác ngộ. Các Ngài thích "cô phong độc miên," ngủ một mình trên đỉnh chót vót. Xuân hoa thu tạ: Khi các Ngài ngắm nhìn cảnh "xuân đến, trăm hoa nở; thu về, lá vàng rơi." Ngài giác ngộ rằng mọi sự, mọi việc trên đời đều tự nhiên có sinh có diệt. Thập nhị liên hoàn: Do đó các Ngài quan sát mười hai nhân duyên (hỗ tương tiếp nối sinh diệt giống như mười hai móc khoen của dây xích.) Mười hai nhân duyên đó như sau:

1. Vô Minh: Các Ngài quán sát xem vô minh từ đâu ra? Vì sao có vô minh?

2. Hành: Khi có vô minh thì có hành động, tức là có sự biểu hiện, hiện bày. Khi có chỗ hiển bày thì có thức.

3. Thức: Thức nghĩa là sự phân biệt. Hành tức là pháp hữu vi. Khi có pháp hữu vi, tâm phân biệt liền sinh khởi. Có tâm phân biệt thì có chuyện rắc rối rồi đấy!

4. Danh sắc: Cái rắc rối ấy chính là danh sắc. Danh (hay tên) thì có rắc rối của danh. Sắc (hình hài) thì có rắc rối của sắc. Có danh sắc là có rắc rối; có rắc rối chính vì có danh sắc. Không nói thì chẳng sao, càng nói về nó thì càng rắc rối. Giảng về nó là kéo ra rắc rối. Khi tôi chưa giảng, quý-vị vốn không biết, nên không có gì rắc rối. Một khi tôi giảng ra, quý-vị không hiểu, thì có sự rắc rối của việc không hiểu. Vì có sự rắc rối do không hiểu biết, nên quý-vị muốn hiểu. Có ý muốn hiểu biết nên sinh ra lục nhập (sáu căn).

5. Lục Nhập: Sáu căn sinh ra là vì muốn hiểu biết. Do đó nên gọi là tai, mắt, mũi, lưỡi, thân và ý tưởng. Vì sao sinh khởi lục nhập? Vì muốn hiểu biết. Có ai ngờ rằng càng hiểu biết thì ta càng mê muội, càng mê muội thì càng không hiểu biết. Đó là sáu căn.

6. Xúc: Xúc nghĩa là xúc chạm, tiếp xúc. Khi không hiểu biết thì ta cứ chạy xúc chạm đủ phía: nào đông, tây, nam, bắc, trên, dưới. Giống như con ruồi cứ bay đâm chạm vào tường hoài. Vì sao ta cần xúc chạm? Vì ta muốn hiểu biết.

7. Thọ: Sau khi tiếp xúc, thì ta có cảm giác, đó là thọ. Khi không đụng phải việc khó khăn, cảm giác rất thoải mái. Một khi đụng việc khó, mới thấy khó chịu. Khi không ai chê mình xấu, mình thấy sung sướng lắm. Tới lúc bị chê, mới thấy không vui. Đó tức là thọ, hay cảm giác.

8. Ái: Khi có cảm giác thì yêu thích, chấp trước sinh ra. Tại sao người ta có cảm giác bất an? Bởi vì có ái. Có ái, có yêu thích thì có ghét bỏ, không thích. Đối với thuận cảnh thì sinh lòng yêu thích; với nghịch cảnh thì ghét bỏ. Vì sao mình vui? Vì sao mình không vui? Tất cả đều vì có ái và ô. ô nghĩa là không yêu thích, ghét bỏ. Vì vậy càng ngày sự việc càng rắc rối.

9. Thủ: Đối với cái gì mình yêu thích, thì sinh tâm muốn nắm giữ nó, tức là thủ. Thủ là gì? Là chấp trước, muốn chiếm hữu, nắm giữ. Bởi vì có ái nên mới có lòng muốn chiếm đoạt.

10. Hữu: Khi đã chiếm hữu rồi, dục vọng liền thỏa mãn. Vì sao mình muốn thỏa mãn dục vọng? Vì muốn có nó. Do đó mới có "hữu" tức là "có."

11. Sinh: Vì có cái "hữu" nghĩa là "có, hiện hữu," nên cứ muốn nó thuộc về mình. Khi đã thuộc về mình, thì liền có "sinh."

12. Lão tử: Hễ có sinh ra thì có già, chết.

Đó là mười hai nhân duyên, là Pháp bậc Duyên Giác tu hành.

(IV) Pháp-giới của Thanh Văn

Thanh Văn chúng Tăng

Bất luận nam nữ

Tứ đế quán hành

ân thật, thị quyền.

Thanh Văn chúng tăng: Pháp-giới của Thanh Văn gồm có các bậc sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả Thanh Văn. Trong đó lại chia thành: sơ quả hướng (chưa chính thức chứng đắc sơ quả), sơ quả, nhị quả hướng, nhị quả, tam quả hướng, tam quả, tứ quả hướng, tứ quả. Hướng có nghĩa là hồi tiểu hướng đại (bỏ cái nhỏ hướng về cái lớn).

Hàng Thanh Văn còn được gọi là A-la-hán hay La Hán. Các Ngài có thần thông có thể phi hành biến hóa. Các vị chứng quả, không bao giờ tùy tiện thố lộ rằng: "Ta đã chứng quả, ta là bậc A-la-hán." Đó là việc không được làm. Khi bậc Thánh chứng quả, chân họ đi dèp chẳng chạm đất. Bạn thấy họ dường như đi bộ trên mặt đất, nhưng thật ra họ bước trong

hư không, dép không hề chạm đất. Thậm chí khi đạp trên bùn nhơ, dép họ sạch sẽ vô cùng. Ví như Hòa-thượng Pháp Thuận, khi Ngài dẫm chân lên bùn lầy lội, giày dép Ngài chẳng lấm tí bùn nào. Đó là dấu hiệu của kẻ chứng thánh quả.

Bậc sơ quả A-la-hán thì phải cắt đứt những mê muội của cái thấy (kiến hoặc). Bậc nhị quả thì cần đoạn những mê hoặc của tâm tư (tư hoặc). Bậc tam quả thì phải đoạn những mê muội vi tế như cát bụi (trần sa hoặc). Bậc tứ quả cũng phải đoạn trần sa hoặc và vô minh. Hoặc đoạn trừ một chút vô minh quét sạch hoàn toàn thì quý-vị sẽ thành Phật. Do đó các vị Bồ-tát và Duyên Giác vẫn còn một phần vô minh rất vi tế gọi là sinh tướng vô minh (vô minh ở trạng thái nảy sinh) chưa đoạn trừ, do đó các Ngài chưa thành Phật được. Bậc tứ quả Thanh Văn tu hành pháp môn gì? Các Ngài tu Tứ Diệu Đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Lúc ban sơ, Đức Phật Thích Ca tới vườn Lộc Uyển để độ năm vị Tỳ-kheo. Năm vị này đều là bà con của Ngài. Họ theo Ngài tu đạo, song không chịu đựng nổi khổ nhọc. Lúc Đức Phật Thích Ca ở núi Tuyết Sơn, mỗi ngày Ngài ăn một hột mè, một hạt mạch, ốm gầy như cây sậy. Ba vị đồng tu với Ngài, vì chịu không nổi khổ nên bỏ đi, chỉ còn lại hai vị. Về sau, vào ngày tám tháng chạp, có vị thiên nữ đem sữa lại dâng Đức Phật Thích Ca; Ngài liền tiếp nhận, uống sữa ấy khiến hai vị kia cũng bỏ Ngài đi. Họ nói rằng: "Tu hành cần phải tu khổ hạnh. Bây giờ Ngài uống sữa, chẳng còn khả năng tu hành nữa. Ngài chẳng chịu đựng khổ sở được nữa rồi." Do đó họ bỏ đi. Thế là cả năm vị đều bỏ đi, tới vườn Lộc Uyển.

Đức Phật Thích Ca sau khi giác ngộ thành Phật, Ngài thuyết Kinh Hoa Nghiêm trước hết, song chẳng người nào nghe đặng. Vì thế Ngài phải ẩn thật thị quyền (dấu cái chân thật, thị hiện cái quyền biến), mới thuyết Kinh A Hàm. Song nói Kinh này với ai đây? Phật quan sát rằng: "A! Thì là năm vị đồng tu với ta khi trước chớ ai! Ta phải độ họ trước tiên."

Đó là vì trong quá khứ xa xưa Phật có phát nguyện: "Nếu ta thành Phật, trước hết ta sẽ độ cho tất cả kẻ hủy báng ta, sát hại ta, đối với ta không tốt." Ai là kẻ cư xử không tốt với Ngài xưa kia? Thì chính là vua Ca-Lợi mà Kinh Kim Cang đề cập tới.

Khi Đức Phật Thích Ca ở nơi nhân địa tu hành, làm một vị tiên nhân nhẫn nhục thì có Ca Lợi Vương lại cắt xén thân thể Ngài. Vì sao y cắt xén thân Ngài?

Bởi vì Ngài ở núi tu đạo, thân Ngài bụi bặm đóng dày. Ngài lại không xuống núi, cứ ở mãi trên ấy dụng công tu trì khổ hạnh. Bữa nọ, Ca Lợi Vương đem theo các cô cung tần mỹ nữ săn bắn ở chôn núi sâu ấy. Các cô vốn ham vui nên không theo vua đi săn mà lại leo núi chơi. Vua Ca Lợi đi săn về, tìm các cô thì chợt thấy các cô đang tụm lại một chỗ nói chuyện

với một nhân vật kỳ quái. Có cô thì rờ tay, có cô sờ chân vị ấy, coi bộ chẳng giữ phép tắc gì cả. A ha! Vua sinh lòng ghen tuông, mới bước tới nghe xem vị kia nói gì? Thì chỉ nghe vị ấy nói toàn là việc tu hành, tu đạo! Vua nổi giận, mắng: "Nhà ngươi không được lừa bịp các cung nữ của ta! Ngươi tu hành cái đạo gì hả?" Vị tiên nhân đáp: "Tôi tu nhẫn nhục." "Thế nào là nhẫn nhục?" "Thì tức là ai chửi rửa tôi, ai đánh đập tôi, tôi không sinh lòng sân hận." "Ngươi có thể nhẫn nhục sao? Thật hả? Hay là giả?" "Đương nhiên là thật rồi!" "Được, ta sẽ thử nhà ngươi xem!" Nói rồi vua Ca Lợi liền tuốt kiếm xông tới, chém cụt cánh tay của vị tiên nhân. Vua nói: "Ta đã chém đứt cánh tay của ngươi, ngươi có nóng giận chẳng?" Vị tiên nhân đáp: "Tôi chẳng sân hận đâu."

"A! Tốt lắm! Ngươi chẳng sân hận, đúng là có chút bản lĩnh. Song ngươi chỉ nói dối, lòng ngươi hẳn giận dữ lắm, mà miệng thì cứ chối không nổi nóng để lừa ta! Ta là kẻ sáng suốt lắm, đời nào để ngươi lừa. Được. Ngươi nói ngươi có thể nhẫn nhục, không nổi giận, vậy thì cánh tay kia, ta cắt cụt luôn! Nói xong, vua chém nốt cánh tay kia, và hỏi rằng: "Ngươi có sân hận hay không hả?" Vị tiên nhân đáp rằng: "Tôi vẫn không sân hận đâu." Lúc ấy vua Ca Lợi lại cầm kiếm chém nốt hai chân Ngài, xong lại hỏi: "Ngươi có giận hay chẳng?" Vị tiên nhân vẫn trả lời: "Tôi vẫn không giận dữ đâu. Làm sao chứng minh cho lời tôi đây? Nếu quả thật tôi giận dữ Ngài, chân tay tôi không phục hồi đặng. Nếu tôi chẳng hề có chút lòng sân giận, chân tay tôi sẽ mọc ra như cũ. Đó là bằng chứng tôi không có lòng giận dữ." Khi vị tiên nhân, tức tiền thân Đức Phật Thích Ca, thốt ra lời ấy rồi, chân tay Ngài quả nhiên mọc ra như cũ.

Bấy giờ thiên long bát bộ, hộ Pháp thiện thần, khi thấy vua Ca Lợi tàn ác dám cắt tứ chi của kẻ tu hành như vậy thì họ liền hiển oai thần, giáng mưa đá xuống người vua Ca Lợi. Lúc ấy vua biết sự lợi hại, thấy được thần thông biến hóa của vị tiên, nên vua liền chạy đến quỳ trước mặt vị tiên nhân, xin sám hối. Vị tiên ấy mới phát nguyện rằng: "Nếu ta không thành Phật thì chẳng có gì đáng nói. Nếu ngày nào đó ta thành Phật, ta sẽ độ cho ông thành Phật trước hết. Nếu ông không khai ngộ, không thành Phật, ta cũng chẳng thành Phật." Vì vậy sau khi Phật thành Phật rồi, Ngài liền đến vườn Lộc Uyển độ ông Kiều Trần Như trước tiên. Vị tiên nhân chính là Đức Phật Thích Ca, mà Kiều Trần Như chính là vua Ca Lợi.

Khi nghe đến công án trên, mình phải biết rằng: ai đối với mình không tốt, mình phải phát nguyện khi thành Phật mình độ họ ngay. Chẳng nên nói: "Mày cứ xử tệ hại với tao quá. Chờ tới lúc thành Phật, tao sẽ làm mày rớt xuống địa ngục cho coi!" Chẳng nên có nguyện vọng như thế.

Khi đến vườn Lộc Uyển, Ngài ba lần giảng Pháp Tứ Đế (gọi là tam chuyển Tứ Đế Pháp Luân) cho năm vị tỳ kheo:

Lần đầu chuyển Pháp Tứ Đế là:

Đây là Khổ. Tánh của khổ là bức bách.

Đây là Tập (nguyên nhân của khổ). Tánh của tập là chiêu cảm.

Đây là Diệt (chấm dứt đau khổ). Sự dứt khổ có thể chứng đắc.

Đây là Đạo (con đường dứt khổ). Con đường dứt khổ có thể tu tập đặng.

Lần thứ hai chuyển Pháp Tứ Đế là:

Đây là khổ, con phải biết.

Đây là nguyên nhân của khổ, con phải đoạn trừ.

Đây là sự hết khổ, con phải chứng đắc.

Đây là con đường hết khổ, con phải tu tập.

Lần thứ ba chuyển Pháp Tứ Đế là:

Đây là khổ, ta đã biết, không cần biết thêm nữa.

Đây là nguyên nhân của khổ, ta đã đoạn hết, không cần đoạn thêm nữa.

Đây là sự hết khổ, ta đã dứt sạch, không cần dứt thêm gì nữa.

Đây là con đường hết khổ, ta đã tu thành, không cần tu thêm nữa.

Khi Phật ba lần quay bánh xe Pháp Tứ Đế rồi, Ngài dạy rằng: "Này Kiều Trần Như, hiện giờ ông đang bị khách-trần quấy nhiễu, khiến ông chẳng đặng giải thoát." Khi Kiều Trần Như nghe tới hai chữ khách-trần thì Ngài liền khai ngộ. Sao gọi là khách? Tức không phải ông chủ. Sao gọi là trần? Trần hay bụi bặm là thứ không sạch sẽ. Tự tánh của ta vốn là ông chủ, tự tánh của ta vốn thanh tịnh. Do đó Ngài khai ngộ nó, được Phật đặt tên là "Giải Bôn Tế," nghĩa là thông đạt lý giải chân lý sẵn có xưa nay.

Thanh Văn tặng chúng "Bất luận nam nữ;" Người nữ cũng có thể chứng quả, người nam cũng chứng được quả. Hễ chứng quả tức thành Thanh Văn, A-la-hán. Ví như mẹ của Ngài Cưu Ma La Thập đã chứng đặng tam quả A-la-hán.

Tứ Đế Quán Hành: Quán Hành nghĩa là quán sát tu hành. Quán sát tu hành gì? Tức là Tứ Đế: Khổ tập diệt đạo. Phải biết khổ, đoạn trừ tập nhân, hướng về diệt, tu hành đạo Pháp. Đó là tu Pháp môn Tứ Đế.

Ẩn thật thị quyền: Các bậc Thanh Văn này, có Ngài vốn là bậc đại Bồ-tát quyền biến hiện ra thành Thanh Văn. Do đó mới gọi là "ẩn thật," nghĩa là dấu đi công đức thật có của các Ngài. "Thị quyền;" thị nghĩa là chỉ thị, cho thấy; quyền nghĩa là quyền xảo, phương tiện. Quý-vị chớ cho họ là Thanh Văn, là tiểu thừa rồi xem thường họ. Đừng nên làm thế. Không phải ai trong các Ngài Thanh Văn đều là Bồ-tát, song nhất định rằng trong các vị ấy có vị là đại thừa Bồ-tát. Ngài hiện thành kẻ tiểu thừa để tiếp dẫn kẻ căn cơ tiểu thừa, khiến họ bỏ tâm nhỏ hẹp, phát tâm rộng lớn. Do đó gọi là ẩn thật thị quyền.

(V) Pháp-giới của Chư Thiên

Lục dục Phạm thiên

Ngũ giới thập thiện

Chủng hữu lậu nhân

Luân hồi nan đoạn.

Nghĩa là:

Trời lục dục và Phạm thiên

Do tu Ngũ giới, thập thiện.

Đều là trong nhân hữu lậu

Nên khó cắt đoạn luân hồi.

Lục Dục Phạm Thiên: Lục Dục Thiên còn gọi là Dục Giới Thiên. Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên và Vô Sắc Giới Thiên hợp lại gọi là Tam Giới. Chúng ta hiện tại đang ở trong

phạm vi của Tứ Thiên Vương Thiên, là một trong sáu cõi trời ở Dục-giới. Bầu trời mà mình nhìn thấy đây chính là trời Tứ-vương, do bốn vị thiên vương cai quản. Trời này nằm ở lưng chừng núi Tu Di.

Người Trung Hoa thuở xưa, không biết Phật là ai, chỉ biết có thượng đế. Do đó khi vua Thang đòi nhà Thương, dùng bò đen để tế trời, Ngài nói rằng: "Tôi, tiểu tử tên Lữ, dám xin dùng bò đen này, dám xin bạch với đấng Hoàng Hoàng Hậu Đế.... Nếu tôi có tội, tội ấy chẳng phải của vạn dân. Nếu vạn dân làm tội, tội ấy thuộc về tôi." Ngài nói rằng: "Tôi tiểu tử tên Lữ." Vua Thang có tên là Lữ, ngài tự xưng là tiểu tử, là Ngài lễ phép khiêm nhường cho mình là một đứa trẻ vô dụng, "Dám xin dùng bò đen này." Tức là dám dâng đến thứ bò sặc đen huyền. "Dám xin bạch với Hoàng Hoàng Hậu Đế." Tức là tôi xin chí thành khẩn thiết, bảm trình với thượng đế. Rằng: "Nếu tôi có tội, tội ấy chẳng phải của vạn dân." Tội của tôi xin đừng đổ lên đầu người dân. Vạn dân tức là bách tánh, dân chúng. "Vạn dân làm tội, tội ấy thuộc về tôi." Tức rằng nếu người dân có tội, xin đừng trách họ, bởi vì do tôi không dạy dỗ họ đàng hoàng, do đó tội của họ, tôi cần phải gánh chịu.

Các vị thánh nhân xưa kia chỉ tự trách mình, phạt mình; không như người đời nay: rõ ràng biết mình có tội lỗi; thế mà cứ nói: "ồ, chuyện ấy đâu dính gì tôi; anh ta làm đấy mà!" "Đó là lỗi lầm của hắn! Tại sao lại trách tôi?" "Ông trời thật bất công. Tại sao y giàu đến thế, mà tôi thì nghèo xơ? Tại sao hắn sang thế mà tôi thì quá thấp hèn?" Cứ oán trời trách người. Chuyện gì cũng chẳng bao giờ nhận rằng mình sai lầm, cứ chuyên đi kiếm lỗi kẻ khác. Thánh nhân xưa kia ai cũng luôn thừa nhận lỗi lầm của mình cả.

Tầng trời thứ hai là Đế Thích Thiên. Trời này ở giữa, phía đông có tám trời, phía tây có tám trời, bắc có tám trời, nam có tám trời. Tổng cộng là ba mươi hai trời. Đó là tầng trời thứ hai ở cõi Dục-giới.

Tầng trời thứ ba là Dạ Ma Thiên. Trong tầng trời này, chư thiên vô cùng sung sướng. Cả ngày họ cứ ca hát. Họ hát gì? Thì là "Tôi sung sướng lắm lắm!" Ngày đêm sáu thời họ đều vui sướng, do đó Dạ-Ma dịch là thời phần, vì rằng mỗi thời khắc họ đều vô cùng sung sướng.

Tầng trời thứ tư là Đâu Suất Thiên. Đâu Suất dịch là Hỷ Túc, vì lúc nào họ cũng hoan hỉ, lúc nào cũng đầy đủ mãn túc. Bởi vì họ biết tri túc nên lúc nào cũng an lạc. Từ sáng đến tối họ không bao giờ ưu lự, sầu muộn, hay có phiền não bực dọc gì cả. Trời ấy còn gọi là "Tai Túc Thiên" bởi vì họ biết tri túc và thường vui vẻ, không phiền não ưu tư.

Tầng trời thứ năm là Hóa Lạc Thiên. Các vị trời này đắc khoái lạc nhờ có năng lực biến hóa. Nghĩ tới áo quần thì áo quần hiện ra; nghĩ tới ăn uống thì thực phẩm tới liền. Vì họ biến hóa rất tự tại nên vô cùng sung sướng an lạc.

Tầng thứ sáu là Tha Hóa Tự Tại Thiên. Tha Hóa có nghĩa là các vị trời trên ấy vốn không có sự sung sướng an lạc, song các Ngài có năng lực tước lấy sự an lạc của các trời khác đem làm an lạc của chính mình. Vì sao họ lại chiếm sự an lạc của kẻ khác để làm của mình? Bởi vì họ không theo đạo lý; hết như bọn giặc cướp, đoạt tiền của và tài sản của kẻ khác để tự mình dùng, bất kể sự sống chết của kẻ khác.

Ở tầng trời này có rất nhiều thiên ma và quyền thuộc của chúng.

"Lục Dục Phạm Thiên" phía trên đã nói về Lục Dục Thiên. Phạm Thiên tức là trời Đại Phạm Thiên, Phạm Chúng Thiên và Phạm Phụ Thiên. Các vị trời ấy do tu "Ngũ Giới Thập Thiện" nên đắc phước báu ở tầng trời này. Song đây là những thiện căn hữu lậu (hữu lậu nghĩa là có phiền não) nên nói rằng: "Chúng hữu lậu nhân, luân hồi nan đoạn." Hễ trông nhân hữu lậu thì khó đoạn luân hồi. Phải tu hành cái nhân xuất thế thì mới thoát khỏi luân hồi.

(VI) Pháp-giới của A Tu La

Tu-la tánh bạo,

Hữu phước vô quyền,

Háo dũng đấu lang,

Phù trầm nghiệp khiên.

Nghĩa là:

Tu-la tánh hung bạo.

Có phước, song không quyền.

Rất thích đánh đấu nhau.

Chìm nổi theo nghiệp dặt.

A-tu-la là tiếng Phạn dịch là vô đoan chính. Vô đoan chính nghĩa là xấu xí. Nam A-tu-la tướng mạo vô cùng xấu xí, ưa thích đấu tranh với kẻ khác. Nữ A-tu-la tướng mạo hết sức xinh đẹp, yêu thích đấu tranh bằng tình cảm, tức là dùng tánh đồ kỳ ghen tuông, chướng ngại, vô minh, phiền não.

Tuy chúng sinh này làm thành một Pháp-giới, song bất luận ở đâu trong lục đạo, hễ có chúng sinh nào thích đấu tranh, nóng nảy dữ tợn vô cùng, chỉ thích chỉ huy kẻ khác chứ không chịu bị kẻ khác chỉ huy; chỉ thích cai quản kẻ khác mà không thích bị ai cai quản, thì đó đều là biểu hiện của A-tu-la. A-tu-la ở trong loài người thì phân ra loại ác loại thiện. Thiện A-tu-la chính là quân đội, binh tướng trong quốc gia. A-tu-la tức là thứ giặc cướp, trộm cắp, kẻ thích đánh, thích giết người khác.

A-tu-la ở trên cõi trời thì ưa thích đánh nhau với thiên binh, thiên tướng. Suốt ngày chúng chỉ nghĩ cách đánh trời Đế Thích để cướp bảo tòa, đoạt ngôi để lên làm Đế Thích. Song le, tuy đánh nhau hoài nhưng bọn chúng luôn thua trận. Vì sao? Bởi vì tuy bọn họ ở trên trời hưởng phước song không có quyền hành gì. Do đó tuy đánh với thiên binh, thiên tướng mà rốt cuộc vẫn cứ thất bại.

Trong hàng súc sinh cũng có A-tu-la. Chúng thích chèn ép kẻ đồng loại hay những súc sinh khác, thí dụ như sài lang, cọp, sư tử... là những thứ thích ăn thịt súc sinh khác vì chúng có tánh tình A-tu-la. Rắn hay chim ưng cũng là thứ A-tu-la.

A-tu-la trong loài quỷ thì thích ăn hiệp loại quỷ khác. Quỷ cũng có loại thiện loại ác. Bọn ác quỷ thì không đếm xỉa tới phải trái gì cả. Xưa nay quỷ không bao giờ biết phải trái, nhưng bọn ác quỷ càng không biết đến phải trái hơn cả.

Tu-la tánh bạo: Tánh tình của A-tu-la rất tàn bạo. Hữu phước vô quyền: Chúng có phước của chư thiên, song không có quyền hành như chư thiên. Do đó chúng muốn tranh đoạt quyền lợi, song không thể tranh thắng được.

Các bạn hãy nhìn thế giới hiện nay: Một thế giới của A-tu-la. Đâu đâu cũng toàn nói chuyện đấu tranh, đấu tranh. Đấu tranh vì thứ này, tranh đấu vì thứ kia. Bạn đánh tôi ngã, tôi đẩy bạn rớt.

Phù trầm nghiệp khiên: Tùy theo nghiệp lực dẫn dắt đi theo nẻo nào thì chúng đi theo nẻo đó. Do đó, người tu hành phải tránh đấu tranh, tranh chấp với kẻ khác. Chớ nên háo thắng,

thích tranh chấp. Chớ nên có tánh tình hung bạo dữ tợn. Vậy thì mình thoát ra bọn A-tu-la đấy.

Nói tóm lại, A-tu-la không hề nói tới chuyện phải trái. Bất luận với ai, chúng cũng thường nổi nóng. Nói cho rõ, thì trong chín Pháp-giới của chúng sinh, thì A-tu-la có mặt trong năm Pháp-giới rồi. Trong loại súc sinh, thì loài chim hay thú cũng có A-tu-la. Cá sấu là một loại A-tu-la ở trong nước. Loài ngựa cũng có A-tu-la: thứ này mà ở trong bầy ngựa thì chúng quấy nhiễu lắm, do đó gọi là "Hại quần chi mã," con ngựa phá bầy. Loài bò cũng có A-tu-la đó; bò này tức là tánh A-tu-la. Còn chó thì đúng là bọn A-tu-la. Do đó người nuôi chó, thường gằn gỏi với chó thì có thể tiêm nhiễm tính A-tu-la đó. Do đó hãy cẩn thận. Chớ nên chạy theo bọn A-tu-la!

(VII) Pháp-giới của Loài Người

Nhân đạo hòa hợp,

Công tội tương gian.

Đức thẳng nghịet giáng,

Khải hữu tha yên!

Nghĩa là:

Hòa hợp là đạo người,

Công và tội xen lẫn

Đức thì thẳng, nghịet đọa

Nào do ai khác làm!

Cõi người có kẻ thiện kẻ ác. Bản tánh của con người thì vốn ôn hòa, có thể hòa hợp với kẻ khác, do đó tôi nói là nhân đạo hòa hợp. Công tội tương gian: nghĩa là con người không phải hoàn toàn thiện hay hoàn toàn ác. Nếu hoàn toàn tốt thì hẳn y đã lên cõi trời rồi, còn nếu hoàn toàn ác thì chắc chắn y đã làm súc sinh, ngựa quý hay đọa địa ngục rồi. Do đó, con người cứ làm một chút công, lại phạm một chút tội. Đôi khi công nhiều, tội ít; hoặc là tội nhiều, công ít. Khi công nhiều tội ít thì mình sinh ra tại gia đình phú quý giàu sang. Nếu

công ít, tội nhiều thì mình sinh vào gia đình bần cùng khốn khổ. Giữa hai thái cực này (công và tội) có ngàn vạn sự sai thù, tùy thuộc vào mức độ nhiều ít của ác nghiệp do mình tạo ra. Con người không âm cũng không dương. Vì thuần âm thì con người sẽ biến thành quỷ, mà thuần dương thì con người sẽ thăng thiên hết, không còn gì là loài người nữa!

Đức thẳng ngiệt giáng: Nếu làm chuyện thiện, hay công đức thì bạn sẽ thăng lên. Nếu tạo tội ngiệt thì bạn đọa lạc. Khải hữu tha yên: không ai có thể bắt bạn đọa địa ngục, hay làm ngã quỷ, hay biến thành súc sinh đực. Tất cả đều do bạn tự mình tạo. Rằng: "Mình làm, mình chịu." Tự mình làm ra thì tự mình phải lãnh hậu quả. Đó là cõi người.

(VIII) Pháp-giới Loài Súc Sinh

Súc sinh háo tham,

Đa nhi vô yểm,

Tương hắc tác bạch

Thị phi mặc biện.

Nghĩa là:

Súc sinh tham lam,

Nhiều mà chẳng ngán.

Lấy đen làm trắng

Không rõ đúng sai.

Bảy Pháp-giới nói trên đều là Pháp-giới tốt, bạn có thể thử nó, tới đó mà đóng kịch. Chỉ có ba Pháp-giới còn lại thì bạn không thể thử cho biết đặng. Bởi vì hễ bạn đọa vào ba đường này thì e khó thoát ra được. Cho nên: "Nhất thất nhân thân, vạn kiếp nan phục." (Thân người mất đi, vạn kiếp khó khôi phục). Do đó rất nguy hiểm.

Trong cõi súc sinh hiện giờ, không phải chỉ có một loại mà thôi. Súc sinh có trăm ngàn vạn ức thứ khác nhau. Chỉ nói tới loài biết bay, cũng đã có tới trăm ngàn vạn chủng loại. Loài biết chạy cũng không ít, nào là thứ nhỏ như chuột, lớn như voi, hay các động vật lớn như

hươu, gấu, ngựa, dê... những thứ ở trên mặt đất có đến trăm ngàn loài. Những loài dưới nước, nào là hải cẩu, hải mã, v.v... cũng cả trăm ngàn thứ. Dù là vật lý gia, hóa học gia, sinh vật học gia, động vật học gia, nào tiến sĩ hay là chuyên gia cũng không thể nào biết hết được những thứ chủng loại ấy.

Những thứ súc sinh ấy từ đâu tới? Chỉ từ "tham" mà ra. "Súc sinh háo tham": bất luận là cái gì, chúng ham nhiều, ít là không được. Bởi vì chúng "đa nhi vô yểm," có nhiều mà không biết nhàm chán. Cho nên cái đen, chúng không nhận biết rằng nó đen. Chúng cho là: "A! Cái này màu trắng!" Do đó: "Tương hắc tác bạch." Nhận cái đen là cái trắng; cái xấu thì cho rằng tốt. Đó chính là biểu thị chúng chẳng có lý trí gì cả. Nên bất kỳ thứ gì chúng cũng tham nhiều, thậm chí tham cả thứ dơ bẩn như phân chó nữa. Chúng càng ăn thứ ấy thì càng thấy ngon, thấy thơm. "Thị phi mạc biện" nghĩa là chúng không biết cái gì phải, cái gì trái; không biện biệt đúng sai, không rõ ràng mọi sự vì không có lý trí nữa. Khi có lòng tham thì chúng trở nên mê muội. Thế là bị vô minh trùm phủ, không biết gì cả.

Vì thế con người như chúng ta nếu có lòng tham lam thì rất nguy hiểm; tham nhiều thì dễ dẫn tới chỗ biến thành súc sinh. Bạn ơi! Người xuất gia nào không y chiếu theo giới luật của Phật để tu hành thì sẽ đọa lạc mau một chút. Do đó người xưa có câu: "Địa ngục môn tiền tăng đạo đa" (nghĩa là nơi cửa địa ngục, thầy tu và đạo sĩ nhiều lắm). Họ đứng chờ ở cửa địa ngục. Những vị đạo sĩ hay các vị thầy tu nghĩ rằng địa ngục là chỗ vui lắm, nhưng khi tới đó mới biết rằng nơi ấy chẳng vui tí gì!

(IX) Pháp-giới của ngạ quỷ

Quỷ loại hỷ sân

Muội quả mê nhân

Vô minh điên đảo,

Nhật tích nguyệt thâm.

Nghĩa là:

Loài quỷ thích giận,

Mê muội nhân quả

Vô minh điên đảo

Ngày tháng chồng chất.

Đa số ai cũng biết quý. Có người tin có quý, song có kẻ nói quý chẳng có. Thậm chí nhiều Phật tử không tin có quý. Quý là gì? Quý là một thứ âm khí, có bóng mà không có hình hài, hoặc có hình thể mà không có bóng. Nhiều khi bạn thấy một bóng đen, nhưng khi nhìn kỹ thì bóng biến mất. Hoặc nhiều khi thấy cái bóng giống như người, nhưng chỉ trong chớp mắt nó biến mất. Thật khó mà xác định rõ ràng sự thật về chuyện này.

Có bao nhiêu thứ quý? Nhiều như số cát sông Hằng Hà vậy. Nếu bạn muốn biết rõ có bao loại quý, bạn hãy tu Đạo. Khi tu được Ngũ-nhãn, Lục-thông, bạn sẽ rõ biết hết thấy có bao nhiêu loài quý.

Có người nói: "Chẳng có quý đâu!" Tôi nói với y rằng, nếu không có quý thì cũng chẳng có Phật, chẳng có người, chẳng có súc sinh. Bởi vì súc sinh, người, A-tu-la đều từ quý biến ra cả. Thậm chí trời, A-la-hán, Duyên-giác, Bồ-tát, Phật cũng đều từ quý đạo mà tiến lên. Vì sao? Vì mùi Pháp-giới không rời một niệm trong tâm. Chính một niệm này tạo ra mùi Pháp-giới. Bạn làm việc quý thì đọa lạc vào đường quý. Làm việc người thì tới cõi người, làm việc a-tu-la thì tới chỗ A-tu-la. Làm việc của bậc A-la-hán thì thành A-la-hán. Làm chuyện đấng Duyên-giác thì sẽ tới đấng bậc Duyên-giác. Làm việc của Bồ-tát thì sẽ thành quyền thuộc của chư Bồ-tát. Làm việc Phật thì thành Phật. Làm chuyện của địa ngục thì đọa địa ngục. Do đó một tâm niệm trong hiện tại tạo thành tất cả mọi chuyện.

"Quý loại hỷ sân" Phạm là quý, chúng rất thích nổi nóng, nảy lòng sân hận. Đối xử tốt với chúng, chúng cũng sân hận; đối đãi không tốt với chúng, chúng càng sinh giận dữ. Việc gì làm chúng thích thú nhất?

Tức là tạo rắc rối cho kẻ khác. Bạn đối xử đàng hoàng với chúng, chúng cũng gây rắc rối cho bạn. Bạn không đối xử đẹp, chúng cũng gây phiền hà. Do đó có câu: "Thấp hương là mời quý tới." Mặc dù bạn thấp nhang là vì kính trọng chúng, song chúng tới để gây rắc rối cho bạn, làm bạn sinh bệnh. Vì vậy Khổng Tử nói: "Kính quý thần nhi viễn chi." Nghĩa là ta phải cung kính quý thần, song le không nên gần gũi với chúng, nên xa cách một chút.

Muội quả mê nhân: Quả báo thì bọn chúng không hiểu biết gì; mà cái nhân, chúng cũng không rõ. Do đó chúng không biết tốt xấu. Xưa nay hề trồng nhân tốt thì gặt quả tốt; trồng nhân lành thì gặt quả lành, trồng nhân ác thì gặt quả ác. Trồng dưa, gặt dưa; trồng đậu,

được đậu. Song bọn quỷ không hiểu được đạo lý nhân quả này. Do đó chúng trồng cà mà mong được ớt, trồng ớt mà mong gặt được dưa leo; hoàn toàn mê muội lắm lẫn, nên nói là muội quả mê nhân.

Bọn chúng "Vô minh điên đảo, nhật tích nguyệt thâm": mỗi ngày tích tập càng nhiều sự vô minh. Càng tạo nghiệp thì tội càng nặng; tội càng nặng thì lại càng tạo nghiệp. Do đó đọa lạc vào đường quỷ.

(X) Pháp-giới của địa ngục

Địa ngục ưu khổ

Vô môn tự xuyên

Khởi hoặc tạo nghiệp

Thọ báo tuần hoàn.

Nghĩa là:

Địa ngục đầy ưu khổ

Không cửa nhưng cứ vào

Khởi hoặc rồi tạo nghiệp

Chịu quả báo tuần hoàn.

Địa ngục là chốn đau khổ cùng cực. Các bạn nào muốn du lịch ở địa ngục, tôi bảo đảm bạn sẽ tức khắc đến đó ngay. Làm sao? Có câu rằng:

"Hễ sâu muện, là dạo chơi cõi địa ngục.

Cười vui vẻ, thì già cả thành trẻ trung.

Khóc lóc hoài, tạo phòng tôi chốn âm ti"

Âu sâu phiền muện là nhân của địa ngục. Nếu bạn cười vui vẻ, đó là nhân cõi trời. Rằng:

Tự cô thần tiên vô biệt pháp,

Chỉ sinh hoan hỷ bất sinh ưu.

Nghĩa là:

Xưa nay thần tiên chẳng phép lạ,

Chỉ sinh vui vẻ, không ưu lo.

Nếu bạn thường thường cười vui, thì dù lớn tuổi, bạn cũng trẻ trung. Khóc lóc là một việc rắc rối lắm. Địa ngục ưu khổ: Nghĩa là địa ngục chẳng có gì vui vẻ an lạc, chỉ ưu sầu khổ sở. "Vô môn tự xuyên"; nghĩa là địa ngục xưa nay không có cửa. Cửa vào địa ngục chính là do mình đặt và mở ra. Mình cứ đâm đầu dần thân vào, (như cái dùi cứ khoan vào) vào không được cũng cứ cố chui vào. "Khởi hoặc tạo nghiệp." Vì sao đọa địa ngục? Là vì ta vô minh mê hoặc, không hiểu biết, do đó tạo ra ác nghiệp. Bạn tu nghiệp gì, thì thọ quả báo ấy, không sai một mảy may. Đây là sự tuần hoàn không ngừng nghỉ. Nên nói rằng: "Thọ báo tuần hoàn."

Thập giới nhất tâm

Bất ly đương niệm

năng giác thử niệm

Lập đăng bi ngạn.

Nghĩa là:

Mười Pháp-giới, một tâm,

Không ngoài niệm hiện tại,

Giác ngộ tâm niệm này,

Tức khắc lên bờ kia.

Bốn Pháp-giới bậc Thánh là Phật, Bồ-tát, Thanh Văn, Duyên Giác và sáu Pháp-giới phàm là thiên, nhân, A-tu-la, ngạ quỷ, súc sinh, địa ngục, tổng cộng là mười Pháp-giới. Mười

Pháp-giới từ đâu ra? Từ một ý niệm trong tâm hiện tại của mình. Do đó: "Thập giới nhất tâm, bất ly đương niệm."

Năng giác thử niệm: Nếu bạn hiểu rõ về ý niệm hiện tại thì bạn sẽ lập tức đặng bỉ ngạn: tức khắc tới bờ kia, tức là Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật. Bờ kia là gì? Là sự giác ngộ, không còn mê hoặc; phá sạch vô minh. Khi vô minh phá trừ thì pháp thân sẽ xuất hiện.

Tham Hưởng Thọ

Thì Cần Gì Xuất Gia

Đừng cố tình nói dối, đừng làm những chuyện như "bịt tai mà ăn cắp chuông."

Người xuất gia nhất định phải có một nền tảng tu hành cho vững vàng. Nền tảng vững vàng là gì? Tức là nghiêm thủ giới luật. Người xuất gia phải cần học thuộc lòng "Tứ Phân Luận" tức là Luật Sa-di, Luật Tỳ-kheo, Luật Tỳ-kheo-ni, Kinh Phạm Võng, v.v... rồi nghiên cứu tường tận, thì mới đủ tư cách làm người xuất gia.

Nếu nền tảng không vững vàng, suốt ngày hết nghĩ đến tiền bạc lại nghĩ đến sắc dục thì "thân tuy xuất gia, nhưng tâm không nhập đạo." Như thế thì xa cách đạo trăm ngàn dặm. Những người xuất gia này ở trong Phật-giáo làm chuyện bại hoại, không thể thừa nhận họ là người xuất gia đặng.

Người xuất gia không được đi phan duyên cái này, đi phan duyên cái khác, cũng không được đơn độc đi ở một ngôi chùa nhỏ, kêu cư sĩ lại hộ pháp. Đơn độc tiếp thọ đồ cúng dường, hành vi như vậy không hợp với qui luật của đức Phật chế định. Nếu như mình có những hành vi này, thì phải mau mau sửa đổi, bởi vì:

Thí chủ nhất lập mẽ, trọng nhược Tu Di Sơn.

Thực liễu bát tu Đạo, bì mao đãi giác hoàn.

Nghĩa là:

Hạt gạo thí chủ cho, nặng bằng núi Tu Di.

Ăn xong chẳng tu Đạo, đeo sừng, đội lông trả.

Thuở xưa người chân chính tu đạo, ở nhà tranh, tự mình cày ruộng, tự mình ăn; tuyệt đối không nhờ vào ngoại duyên. Vì mục đích diệt lòng tham, nên họ ở nhà lá mà tu hành. Hoặc giả họ bé quan, vì muốn làm cho học vấn và đạo đức mình được chắc thật. Nếu như chân chính tu Đạo, thì có thể ở một mình đơn độc, nhưng không thể đơn độc tiếp thọ sự cúng dường của cư sĩ. Làm vậy là đem Chính-pháp biến thành Mạt-pháp, cũng là phá hoại Phật-giáo.

Hiện tại người tu hành thích đơn độc tu ở nơi tịnh xá. Tại sao vậy? Bởi vì nếu họ không giữ giới luật thì chẳng có người nào thấy, phạm qui củ cũng không có ai biết được, có thể tùy tâm sở dục, muốn làm gì, chẳng có ai quản thúc, được tự do tự tại, có thể nói rằng không có ràng buộc gì cả. Hoặc giả có kẻ khác thì ở trong tịnh xá của mình chiêu tập một số cư sĩ, lại nói là làm pháp này hội nọ, nhưng thực tế chỉ là mượn áo nhà Phật, nhờ vào danh Phật để kiếm miếng ăn mà thôi.

Có những người xuất gia, không dùng tiền cúng dường của cư sĩ vào những việc Phật sự, ngược lại lợi dụng tiền đó đi mua những vật xa xỉ, xe hơi, làm những điều ích lợi riêng tư. Hoặc giả là mua T.V., rồi ngày ngày coi T.V., quên lãng cả việc tụng kinh sớm tối. Hoặc giả là mua tủ lạnh để chứa những thức ngon vật lạ. Nói tóm lại, họ đắm trước sự hưởng thụ, tham đồ vật, tham sung sướng. Phong khí hiện tại chính thật là như vậy. Họ đem tính chất khổ hạnh của Phật-giáo hoàn toàn biến cải, thật là cô phụ sự khổ tâm của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật xưa kia vậy!

Có người nói: "Sinh ra trong thời đại này, mình cần phải coi T.V., cần phải biết tin tức quốc tế, nếu không thì là đui mù, câm điếc không biết gì cả." Bạn biết những chuyện ngoài đời rồi thì sao? Biết được chuyện ngoài đời, đến lúc chết có tránh được chăng?

Có người lại nói: "Người tu hành có thể tránh được cái chết hay sao?" Bạn tu hành, tới khi chết cũng phải chết, song trước khi chết tâm mình sáng suốt, tuyệt đối không phiền não, không rối ren, an nhiên mà chết. Nếu mình không tu hành, tới lúc chết thì cũng chết vậy; nhưng chết một cách hồ đồ, mơ màng, mê muội. Không nhớ nam, cũng nhớ bắc, lòng không thanh tịnh, ôm hận mà chết. Đó là chỗ khác biệt, quý-vị có biết chăng?

Đối với người tu hành chân chính, lúc chết tâm họ rất sáng suốt, biết mình từ đâu tới và sẽ đi về đâu; rõ ràng không có mơ hồ gì cả, không quên đi bản lai diện mục của mình. Người không tu hành lúc tới thì mơ màng, khi đi thì lại càng hồ đồ, cả một đời mê muội. Họ không biết gì lý do gì mình tới, rồi vì sao đi. Cũng không biết từ đâu lại, rồi đi về đâu. Hoàn toàn mù mịt.

Mục đích xuất gia là liễu sinh thoát tử, không phải vì hưởng thụ. Nên khi đã đi tu rồi cần gì tham lam vật chất hưởng thụ? Có lòng tham hưởng thụ thì cần gì xuất gia? Tôi chủ trương rằng bất luận ai muốn đơn độc trụ một ngôi chùa nhỏ để tìm cách hưởng thụ, thì chỉ bằng hoàn tục cho rồi. Bởi vì sao? Bởi vì hoàn tục so với đơn độc trụ một chùa nhỏ tốt hơn nhiều, không tạo nên những tội nghiệp vừa kể. Điềm đó hy vọng quý-vị đại chúng chú ý.

Nói rằng người tu hành đơn độc trụ nơi một chùa nhỏ mục đích không phải là để tu hành mà tại tham đồ hưởng thụ cúng dường, câu nói đó nhất định có nhiều người không muốn nghe. Tôi không cần biết quý-vị có muốn nghe hay không, tôi vẫn nói vì nghĩ đến tiền đồ của Phật-giáo. Nên chi nói ra, khiến người khác khó chịu. Thêm một lần nữa: "Phàm là người xuất gia thích hưởng thụ, không có sự tu trì, thì bất quá chỉ đội lốt thầy tu thôi." Hy vọng các đạo hữu khuyến khích lẫn nhau, nhắc nhở lẫn nhau, đừng cố tình nói dối, đừng làm chuyện như "Bịt tai mà ăn cắp chuông." Lấy vải thưa che mắt thánh.

Giảng ngày 11 tháng 11 năm 1983

Người Xuất Gia

Phải Tụng Ba Bộ Kinh

Nếu bạn lý hội cảnh giới ba bộ kinh này thì mới không uổng làm tín đồ Phật-giáo.

Ba bộ kinh đó là gì? Đó là Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Lăng Nghiêm, và Kinh Pháp Hoa. Ba bộ kinh này là do Đức Thích Ca Mâu Ni Phật kim khẩu nói ra, Ngài A-Nan Tôn Giả thuật lại, sau đó viết lên lá bói hầu lưu truyền trong thế gian, trở thành bộ kinh điển mà người Phật-giáo đều phải học và tụng.

Người xuất gia và tại gia ở Vạn Phật Thánh Thành đều phải học tụng thuộc ba bộ kinh này. Tối thiểu là thuộc Kinh Lăng Nghiêm, hoặc là hai bộ hoặc là ba bộ, đó là điều lý tưởng. Nếu như liễu giải kinh nghĩa, không thể chỉ ở trên mặt chữ thôi, nếu như không cầu sự thâm giải thì không ích lợi gì. Nếu như bạn có thể lý hội được cảnh giới của ba bộ kinh này thì mới không uổng làm một tín đồ Phật-giáo.

Lúc Phật ba mươi tuổi thì Ngài ngồi dưới cội bồ-đề đắc thành chánh giác. Suốt hai mươi một ngày nhập định, Ngài vì Pháp Thân Đại-sĩ mà thuyết bộ Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm; bộ kinh này bao quát tam tạng mười hai bộ, thuyết rõ cảnh giới viên dung vô ngại của vạn sự vạn vật trên vũ trụ này, cũng có thể gọi là "Cảnh giới của nhất chân Pháp-giới."

Lúc Phật sáu mươi hai tuổi, Tôn-giả A-Nan do quá chú trọng đến học vấn, đa văn, xao lãng chuyện tu trí nên Tôn-giả không may bị cô con gái của bà Ma Đãng Già dùng chú của trời Phạm Thiên làm khốn, thiếu chút nữa là phá giới thể. Phật phải dùng thần Chú Lăng Nghiêm cứu Ngài A-Nan thoát khỏi nữ nạn, rồi thuyết Kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm cho Ngài A-Nan. Kinh này là kinh khai trí huệ, hiển minh đạo lý. Nếu khai triển chân lý trong kinh, nhất định trí huệ của ta sẽ bao la, rộng lớn như biển cả.

Lúc Phật bảy mươi hai tuổi thì Ngài ở trên núi Linh Sơn trong Hội Pháp Hoa, vì các bậc đại A-La-Hán, đại Bồ-tát, diễn thuyết đạo lý "Một Phật Thừa", cũng là đạo lý làm thế nào thành Phật. Lúc bấy giờ do những người theo pháp Tiểu-thừa bỏ tâm hướng nhỏ hẹp đổi ra chí hướng rộng rãi, được chư Phật thọ ký tương lai thành Phật, nên Kinh Diệu Pháp Liên Hoa được xem là Kinh dạy thành Phật.

Nếu kẻ tu bắt chước học sinh, hết lòng chăm chỉ đọc sách, thì Tam-tạng mười hai bộ kinh rất dễ học thuộc. Song sau khi xuất gia có kẻ tưởng rằng mình đã đầy đủ rồi, rằng niệm Phật, tham thiền, học Giáo, trì giới, trì chú là đủ rồi, do đó không học hỏi kinh điển, bởi vì họ xem nhẹ tính chất trọng yếu của chuyện học kinh. Nên kẻ đời sau thì không bằng người đời trước; tạo thành tập quán biếng nhác. Đó chính là điều bất hạnh của Phật-giáo. Nếu như mình không cấp thời chỉnh đốn lại quan niệm sai lầm đó, thì tiền đồ Phật-giáo không biết sẽ đi về đâu.

Giảng ngày 12 tháng 11 năm 1983

Bốn Đạo Tràng ở Tây-Phương: Mỹ và Gia-Nã-Đại

Bốn Đại Bồ-Tát đến Phương-tây để hoằng dương Phật-pháp, giúp đạo Phật phát triển rực rỡ.

Ở Trung Hoa có bốn đạo tràng:

1. Núi Ngũ Đài tại tỉnh Sơn Tây là đạo tràng của Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát.
2. Núi Nga My tại tỉnh Tứ Xuyên là đạo tràng của Ngài Phổ Hiền Bồ-tát.
3. Núi Cửu Hoa tại tỉnh An Hội là đạo tràng của Ngài Địa Tạng Bồ-tát.
4. Núi Phổ Đà tại tỉnh Triết Giang là đạo tràng của Ngài Quán Âm Bồ-tát.

Bây giờ ở Mỹ và Gia-Nã-Đại (Canada) là hai nước lớn cũng có bốn đạo tràng thuộc về Tổng-hội Phật-giáo Pháp-giới, đây là căn cứ địa để hoằng Pháp.

1. Vạn Phật Thánh Thành là đạo tràng của Ngài Quán Thế Âm Bồ-tát, tôn Quán Thế Âm Bồ-tát làm chủ, Địa Tạng Bồ-tát làm phụ.
2. Ở Los Angeles là đạo tràng của đức Địa Tạng Bồ-tát, tôn Ngài Địa Tạng Vương Bồ-tát làm chủ, Quán Thế Âm Bồ-tát làm phụ.
3. Tại Seattle là đạo tràng của Phổ Hiền Bồ-tát, tôn Phổ Hiền Bồ-tát làm chủ, Văn Thù Bồ-tát làm phụ.
4. Tại Vancouver là đạo tràng của Văn Thù Bồ-tát, tôn Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát làm chủ, Phổ Hiền Bồ-tát làm phụ.

Bốn đại Bồ-tát đến phương tây để hoằng dương Phật-pháp, giúp Phật-giáo phát triển rực rỡ. Mỗi người, ai tin Phật-giáo thì có thể tiêu trừ tham, sân, si (tam độc). Không tham, không sân, không si thì tâm địa sẽ sáng suốt, thế giới sẽ hòa bình, mãi mãi không còn chiến tranh nữa.

Những ai muốn triều bái Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát thì mời tới Vancouver. Nếu muốn triều bái Phổ Hiền Bồ-tát thì mời tới Seattle. Nếu muốn triều bái Quán Thế Âm Bồ-tát thì mời

tới Vạn Phật Thánh Thành. Nếu muốn triều bái Địa Tạng Vương Bồ-tát thì mới tới Los Angeles. Hy vọng các Phật-tử có tâm kiên thành cung kính triều bái tứ đại Bồ-tát, và dụng công tu học Phật-pháp.

Xuất Gia là Chuyện

của Bậc Đại Trượng Phu

Đại trượng phu là kẻ có tinh thần kiên nhẫn không thối lui, khắc phục hết mọi gian khổ.

Ở đời, xuất gia là chuyện hết sức hy hữu, cũng là chuyện con người khó thấu đáo. Vì sao xuất gia thì nhất định phải chịu khổ? Bởi vì xuất gia thì không còn làm chuyện nam nữ luyện ái, không được khiêu vũ, và cũng không được ăn uống chơi bời nhậu nhẹt. Phàm nếu muốn trở thành bậc xuất chúng anh tài thì phải nhẫn chịu những điều người khác không thể nhẫn chịu được, phải chấp nhận nỗi khổ mà người khác không thể nhận nổi. Chỉ có tu luyện như vậy mới thành thân kim cang bất hoại. Cho nên nói:

Bất kinh nhất phiên hàn triệt cốt,

Châm đắc mai hoa phổ tử hương?

Nghĩa là:

Không qua một lần lạnh thấu xương,

Sao đặng hoa mai nở ngát hương?

Người xuất gia tâm cần chuẩn bị: Xuất gia là vì muốn liễu sinh thoát tử; muốn vĩnh viễn không còn thọ nỗi khổ của sinh tử luân hồi. Dù đối diện với đủ thứ khổ ải vẫn không lo sợ, càng khổ càng tốt. Khi đụng đến đau khổ chớ đầu hàng, cải biến ý hướng ban đầu, tìm cách trở đầu thối chuyển. Mình cần phải có tinh thần kiên nhẫn, bất thối, phải khắc phục mọi khổ sở gian nan, đó mới là bậc đại trượng phu. Cho nên xuất gia không phải là chuyện mà mọi người ai cũng làm được, dù là tướng tá chưa chắc đã làm đặng. Do đó nói rằng: "Xuất

gia là chuyện của thần thánh," không phải là chuyện của những thứ ruồi muỗi tép riêu. Có câu rằng:

Thọ khổ tức liễu khổ, hưởng phước thì tiêu phước.

Nghĩa là:

Chịu khổ mới hết khổ, hưởng phước là tiêu phước.

Quý-vị coi các vị cao tăng đại đức thời xưa đều do tu khổ hạnh mà giác ngộ. Không vị Tổ-sư nào do sự hưởng thọ sung sướng mà khai ngộ cả. Quý-vị lòng khấp bộ Đại Tạng Kinh cũng không tìm được vị nào cả.

Chúng ta cần phải có tâm nhẫn nại thì mới được lợi ích nơi pháp hỷ sung mãn. Phải có tâm khắc khổ thì mới đắc trí huệ giác ngộ. Không thể đi ngược lại với Phật-đạo. Mình phải luôn luôn nhiếp tâm chuyên ý dụng công, đem tâm niệm thu hồi trở lại, không có vọng tưởng vẩn vơ, đó chính là quán thúc "tâm như ngựa, ý như khí." Đừng để tâm mình chạy theo ngoại cảnh.

Khi xuất gia tu Đạo thì trước hết phải trừ khử lòng tham, phá bỏ sân hận, diệt đi si mê. Tận trừ sạch sẽ ba thứ độc đó thì trí huệ tự nhiên hiện tiền. Làm sao có thể quét sạch những thứ đó một cách triệt để? Tức là dùng Giới, Định, Huệ (tam vô lậu học) để làm công cụ. Giới thì trị được tham, Định thì trị sân, Huệ thì trị si. Cho nên người xuất gia gọi là "Sa-Môn." Sa-Môn dịch ra nghĩa là "Cần Tức," tức là "Cần tu Giới, Định, Huệ, tức diệt tham, sân, si." Tức là siêng năng giữ Giới, Định, Huệ, trừ diệt tham, sân, si. Nếu mọi người ai cũng hết tham sân si, thì thế giới sẽ hòa bình.

Giảng ngày 18 tháng 11 năm 1983

Phật Tánh Là Bồn Nguyên

Của Tất Cả Chúng Sinh

Lúc ban sơ, vũ trụ mênh mông, bắt đầu khai thiên lập địa, thời chẳng có người, chẳng có chúng sinh, chẳng có thể giới, căn bản chẳng có gì cả. Nhưng từ từ đến cái kiếp thành thì bắt đầu có chúng sinh. Thử hỏi chúng sinh từ đâu lại? Có người nói từ nơi loài khí tiến hóa mà thành. Nhưng khí từ đâu tiến hóa ra? Nếu như loài khí tiến hóa thành người, thì sao bây giờ không thấy các loài khí tiếp tục biến thành người? Đây chẳng qua là học thuyết của những kẻ không có trí thức. Nếu như thế tại sao họ không nói rằng người có thể do chuột biến thành, hoặc là những con vật đầy lông lá tiến hóa ra! Làm sao họ có thể biết rằng con chuột không phải là loài người biến thành? Tất cả những loại bay, nhảy, lội dưới nước, động vật, thực vật; cho đến những loài có cánh trên trời; dưới biển những loài cá, cua, tôm, ếch cùng loài người là những có khí huyết; hoặc là loại thảo mộc. Tổ tiên các thứ phi, tiễn, động, thực ở đâu mà ra? Tất cả đều lưu xuất từ nơi Phật tánh.

Ở trong trời đất thì thiên địa có cái đặc tính là sinh sinh bất tức, hóa hóa vô cùng; không ngừng sinh hóa. Bởi vì có Phật tánh, nếu không có Phật tánh mọi thứ đều bị hủy diệt, chỉ có Phật tánh là trải qua trăm ngàn vạn năm mà không diệt, luôn luôn trường tồn. Bởi vì do Phật tánh nên mới có biến hóa thành mười Pháp giới. Mười Pháp giới này cũng không ngoài cái niệm tâm, cái niệm tâm này tức là Pháp tánh, cũng là một cái tên khác của Phật tánh; cho nên con người do Phật tánh mà biến hóa thành, súc sinh do con người đọa lạc mà thành, trong mười pháp giới này mình có thể thấy một cách rõ ràng vậy. Kẻ ngu si thì cho rằng tổ tiên người là loài khí, Ấn Độ cho bò là thần; đó tức là biên kiến; chỉ biết chỉ biết một chút mà không biết toàn thể một cách triệt để, làm thế giới trở thành mê hoặc. Những người đó còn viết sách lập thuyết, có kẻ nói rằng khoa học, có kẻ nói rằng triết học, phân chia môn loại. Kỳ thật đó chính là nhân cư vi bất thiện, ăn xong thiếu chuyện làm, nên mới nói những chuyện mê hoặc kẻ khác. Cứu cánh, như vậy con người ở đâu mà có? Quý vị coi thử con gà ở đâu mà ra? Con gà có trước hay trứng có trước? Nếu không có gà thì làm sao có trứng, mà nếu như không có trứng thì cũng không thể có gà được! Đó là chuyện của con gà không ra cái lý tự nhiên của nó. Như con người thì đàn ông có trước hay đàn bà có trước? Như đàn ông có trước thì đàn ông từ nơi bụng mẹ mà ra, nếu như đàn bà có trước thì phải có đàn ông mới có thai được. Bởi vì thời gian trải qua lâu dài, loài người chúng ta quen đi chuyện này như thế nào, không ai tìm hiểu nữa.

Vạn sự vạn vật, căn bản đều là do nơi Phật Tánh, tự 'có' mà hóa thành 'vô', từ nơi vô mà biến thành 'có', sinh sinh bất tức, hóa hóa vô cùng; cho nên càng hóa thì càng nhiều, giống như những thứ sâu bọ nảy nở trong gạo vậy, càng ngày càng nhiều. Ở nơi cái chỗ vô tình mà sinh ra hữu tình. Phật Tánh thì có thể từ nơi không biến thành có, biến ra tất cả các loài chúng sinh, nhân loại cũng là cái đạo lý như vậy. Nếu như khí biến thành người, cái lý

thuyết này hoàn toàn không lập luận được. Nếu mình coi trên thế giới mỗi quốc gia, mỗi loại người, có người da đen, vàng, trắng, đỏ đủ thứ màu da. Những người đó thì do đâu mà biến ra? Nói đi nói lại thì cũng không tìm ra được nguyên thủy của nó. Nếu mình quy vào Phật Tánh, từ nơi không biến thành có, rồi nơi có biến thành không, hóa hóa vô cùng sinh sinh bất tức, thì lý luận này có thể nói một cách thông suốt được mặc dù ít người có trình độ để hiểu nó. Con người từ nơi chỗ không mà biến thành có, và chúng sinh cũng vậy. Bây giờ những kẻ tu Đạo thì phải ra sao? Tức là từ có mà biến thành không, gọi là phản bản hoàn nguyên, quay về cái chỗ bản hữu Phật Tánh. Có người hỏi như vậy thì công dụng gì? Thử hỏi, ngược lại làm người thì có công dụng gì? Mình quay về với Phật Tánh, đó tức là thành Phật Đạo. Phật Tánh thì trường tồn, nếu khi chúng sinh đều chết hết cả rồi, thì Phật Tánh mãi mãi vẫn còn mà không bị mai một. Quý vị hỏi tại sao tôi nói như vậy? Bởi vì hôm nay là ngày vía đức Địa Tạng. Ngài là người có sức nguyện lực, khiến cho tôi nói điều đạo lý chân thật, căn bản làm người cho quý vị nghe, đó tức là 'Tự vô hóa hữu, tự hữu hóa vô', nếu các vị không thì thử hỏi tại sao trong gạo mà sinh ra các loại sâu bọ được? Con người ở trên đời cũng giống như loài sâu bọ vậy, bất quá con người có tri giác, có linh tánh đặc biệt hơn sâu bọ mà thôi; tuy nhiên, nếu đem so sánh với Phật thì chúng ta khác với Ngài xa lắc. Nếu đem so sánh chúng sinh với Phật thì cũng như so sánh sâu bọ với loài người vậy.

Nếu chúng ta hiểu được như thế, thì phải tu hành. Tu thì phải giữ tâm quân bình, giống như cái cân vậy, lúc nào cũng bình bình, tĩnh tĩnh; ở trong tự tánh, không một gợn sóng. Nếu như các vị thật sự hiểu Phật Pháp, thì tôi có thể cùng với các vị đàm luận Phật Pháp, nghiên cứu làm thế nào để tu Đạo, nếu các vị không thật sự hiểu, chạy theo chuyện ham danh háo lợi, không chịu buông bỏ tiền tài, sắc đẹp, danh lợi, ăn uống và ngủ nghỉ, không chịu buông bỏ những thứ đó thì làm sao tôi có thể cùng với các vị đàm luận Phật Pháp được. Các vị phải cảnh tỉnh, cảnh tỉnh!

Giảng ngày 13 tháng 9 năm 1982

Số Không Là Bí Quyết Để

Phản Tỉnh Hoàn Nguyên

Ở thiền đường, những kẻ đủ tư cách tham thiền, biết được chút ít mùi vị thiền thì không cần nói gì với họ nữa.

'Phàm hữu ngôn thuyết đồ vô thật nghĩa'

nghĩa rằng:

'Nếu còn ngôn ngữ đều là không thật nghĩa'

Tuy nhiên, đối với những kẻ sơ cơ không thể hoàn toàn không nói, nếu không nói mình sẽ đi vào chỗ cực đoan. Cho nên nói để làm chỗ cho quý vị dựa vào rồi tham thiền, đừng mở khai tâm địa. Tham thiền bí quyết là phải khiến tâm chuyên nhất. Vì vậy nói rằng:

'Thiên đắc nhất dĩ thanh,

Địa đắc nhất dĩ ninh.

Nhân đắc nhất dĩ thánh.

Vạn vật đắc nhất các chính tính mạng'

nghĩa là:

'Trời được Một nên thanh.

Đất được Một nên yên.

Người được Một thành Thánh.

Mọi sự được Một mới chính là nó'

Nhất, số một, là nguyên thủy của vạn vật, tuy nhiên nó chưa phải là pháp cứu cánh. Tuy nói rằng:

'Đắc nhất vạn sự tất.'

Nghĩa là:

'Khi được con số một, vạn sự đều xong.'

Nhưng nếu chấp trước vào cái này thì mình sẽ tự nhiên sinh ra hai, ba, bốn,... đó không phải là cảnh giới chân không. Thế nào là chân không? Có nghĩa là số không. Cái số không này giống như vòng tròn vậy, không lớn không nhỏ, không có trong, không có ngoài, không có trước cũng chẳng có sau; không rơi vào mà cũng chẳng rớt ra. Tuy nhiên, tất cả số mục không ly khai số không này.

Người tu hành chính là tự nơi số một mà quay về số không, ở nơi số không mình có thể phát sinh vô lượng vô biên tác dụng. Tuy nói rằng 'Đắc nhất vạn sự nhất', nhưng khi tới được số không này rồi thì số một cũng không còn nữa. Đó chính là:

'Nhất Pháp bất lập, vạn lự giai không.'

nghĩa là:

'Chẳng lập Pháp gì, mọi tư tưởng đều không'

Đó là cứu cánh giải thoát vậy.

Nếu muốn tới số không, thì trước hết phải chuyên nhất cái tâm của mình, đừng khởi vọng niệm, tâm thể chuyên nhất thì mới có cảm ứng. Cho nên chúng ta thường nghe nói: 'Cảm ứng đạo giao nan tư nghị' là vậy.

Chuyên nhất thì mới đến được chỗ không. Muốn chuyên nhất là chuyện không phải dễ. Muốn trở về số không lại càng khó khăn hơn nữa. Tuy gặp khó khăn chẳng lẽ mình không tham thiền sao? Nếu không tham thiền thì vĩnh viễn mình không thành đạo. Cái số không là mẹ của vạn Phật, nó là bốn nguyên của chư Phật vậy. Cho nên các vị học tọa thiền, đầu tiên phải học thế ngồi kiết già. Nếu như chân đau tê cứng, không chịu được, thì mình có thể phương tiện ngồi bỏ hai chân xuống, sau đó một thời gian thì phải tập ngồi bán già, ngồi bán già nếu chân không còn đau như trước thì phải tập ngồi kiết già. Khi ngồi kiết già vững rồi, chân không đau thì lúc đó mình mới bắt đầu tham thiền để phá bỏ vô minh. Người tu đạo, ăn mặc ấm đã đầy đủ, hết chuyện làm, nên tham thiền, đó gọi là du hí nhân gian. Tham thiền thì phải tham thoại đầu. Tham thiền tức là tham cứu niệm trước khi nó sinh ra, không phải là thoại vĩ. Thoại vĩ tức là niệm đã sinh ra rồi. Cho nên cái niệm chưa sinh thì gọi là thoại đầu. Thoại đầu phổ biến nhất là câu 'Niệm Phật là ai?' Chữ 'ai' này chính là cái mà mình phải tham. Tưởng tượng như mình có cái khoan, bây giờ mình lấy nó ra mà khoan, mà đục, dùi mài nó cho tới lúc đâm thủng được núi đá. Tìm coi 'ai' là người niệm Phật cũng vậy. Tham lui tham tới mãi cho đến khi đâm thủng được núi vô minh. Thì lúc đó mình sẽ

khai ngộ. Nhưng không phải dụng tâm ý thức mà tham thiền, không phải dụng tư tưởng mà suy nghĩ, phải dụng cái tâm chưa hề dùng tới, chưa hề biết qua bao giờ. Khi phá thủng được cái bồn tham của mình, thì sẽ khai ngộ, hư không sẽ nát vụn, ngũ ấm đều là không. Nhưng trong Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh có nói rằng:

'Quán tự tại Bồ Tát,

hành thâm Bát Nhã,

Ba La Mật Đa thời

Chiếu kiến ngũ uẩn

Giai không độ nhất,

Thiết khổ ách, Xá Lợi Tử!

Sắc bất dị không,

Không bất dị sắc,

Sắc tức thị không,

Không tức thị sắc,

Thọ tướng hành thức diệt

Phục như thị...'

Khi tham thiền đến chỗ như vậy thì ngũ ấm đều thành không, lục trần không còn nhiễm được nơi mình. Đó chính là bước đầu tiên để thành Phật; nhưng mình phải khổ công mới được. Phải biết rằng tham thiền không như niệm Phật. Miệng niệm 'Ai là người niệm Phật? Ai là người niệm Phật? Ai là người niệm Phật?....' thế như là cầu cứu vậy, là sai lầm. Tham thoại đầu thì cần phải từ từ dùi mài nó hết sức tế tâm, miên mật, ở nơi tự tánh mình mà dụng công. Cho nên gọi là Tham Ngộ. Tham ngộ nghĩa là tham tức là ngộ; muốn ngộ cần phải tham. Thực ra 'Niệm Phật là ai?' chỉ là một vọng tưởng. Tuy nhiên mình muốn dụng phương pháp dĩ độc công độc. Dùng một vọng tưởng chế phục tất cả vọng tưởng khác. Dùng một niệm mà dẹp trừ tất cả vọng niệm khác.

Vừa rồi tôi nói đến số không, số không này là con đường để thành Phật. Đối với phàm phu thì đó là không. Sau khi thành Phật rồi thì nó trở thành:

'Đại quang minh tạng, đại viên kính trí.'

Số không này có thể sinh ra các Pháp, nhưng cũng có thể quét trừ các Pháp. Nó là gốc để mình phản bản hoàn nguyên. Cho nên cần ở số không này mà dụng công phu. Có nghĩa rằng dụng công ở chỗ cái gì cũng không có. Tất cả các pháp đều do số không mà sinh, tất cả các pháp đều trở về số không. Cho nên:

'Nhất bản tán vạn thù,

vạn thù nãi qui nhất bản.'

nghĩa là:

'Một gốc mà phân ra trăm vạn hình thù,

trăm vạn hình thù rốt cuộc qui về một gốc.'

Ngày hôm nay tôi nói điều này cho quý vị nghe không phải là một nhân duyên nhỏ, mà đây là tiết lộ thiên cơ, tiết lộ cái bí mật của trời đất. Nói đến cái bản nguyên của chư Phật. Đó là điều kinh thiên động địa, khiếp vía quỷ thần. Con người làm sao thành Phật? Là khi hiểu số không này. Con người tại sao đọa địa ngục, bởi vì không hiểu số không này. Do đó tất cả thiên ma ngoại đạo, sơn yêu thủy quái, hồ ly tinh, hoàng thù lang, đủ thứ yêu quái, vì không hiểu số không này mới đi ngược lại với Đạo, rồi đọa lạc.

Số không này tự nó mà sinh ra các thứ khác, tự nó mới sản sinh ra đủ thứ biến hóa dị đoan. Tuy rằng hình tướng bất đồng nhưng gốc lại là một. Phàm phu bởi vì không hiểu nó nên bỏ gốc theo ngọn, xa rời cái số không này. Dầu sao tất cả chúng sanh có Phật tánh, đều có thể thành Phật. Tạm thời mình không hiểu, nếu hiểu thì có thể lập tức thành Phật.

Giảng ngày 11 tháng 11 năm 1982

nhân ngày Đản Thiên Thất

Tiểu Truyện

Hòa Thượng Tuyên Hóa

Hòa Thượng, pháp danh An Từ, tự Độ Luân, là vị Tổ thứ chín của dòng Thiên Quy Ngưỡng, đắc pháp từ Đại Lão Hòa Thượng Hư Vân. Ngoài pháp hiệu Tuyên Hóa, Ngài còn lấy hiệu là "Mộ trung Tăng" (Nhà sư trong phần mộ). Hòa Thượng nguyên quán ở huyện Song Thành, tỉnh Kiết Lâm, Mãn Châu. Ngài sinh vào ngày 16 tháng 3 năm Mậu Ngọ (1918), vào cuối đời nhà Thanh. Gia đình Ngài họ Bạch, cha tên Phú Hải, mẹ họ Hồ. Thân mẫu Ngài suốt đời trường trai, niệm Phật. Khi mang thai, bà thường cầu nguyện chư Phật Bồ Tát, nên đến đêm trước khi lâm sản, bà mộng thấy Đức Phật A Di Đà phóng đại quang minh, rồi liền sanh ra Ngài.

Từ thuở ấu thời, Ngài đã theo mẹ ăn chay niệm Phật. Đến năm 11 tuổi, vì thấy được việc lớn sanh tử, đời người quá chóng vánh, nên Ngài phát đại chí quyết xuất gia tu hành. Năm lên mười năm tuổi, Ngài lạy Hòa Thượng Thường Trí làm thầy. Đến năm mười chín tuổi, mẹ Ngài tạ thế, nhân đó Ngài lên Chùa Tam Duyên xin Hòa Thượng Thường Trí thế độ xuất gia. Rồi sau đó khoác y, dựng lều bên cạnh mộ mẹ để báo hiếu. Suốt thời gian ấy, Ngài lạy Kinh Hoa Nghiêm, lễ sám hối, tu thiền định, tập giáo quán, nghiêm thủ công hạnh ăn ngày một bữa. Khi công phu thuần thực, Ngài đã cảm động không biết bao nhiêu dân làng quanh đấy lại lễ bái, cung kính. Sự tu hành trong sạch với lòng kiên thành khẩn thiết của Ngài cũng cảm động đến chư Phật, Bồ-tát, Hộ-pháp Long Thiên khiến không biết bao nhiêu chuyện linh ứng bất khả tư nghì xảy ra. Vì những chuyện thần dị ấy lưu truyền khắp nơi, nên Ngài được gọi là "dị tăng."

Năm 1946, Ngài đến tham lễ Hòa Thượng Hư Vân, một vị cao tăng mà Ngài vô cùng hâm mộ như vì sao Bắc Đẩu của tông môn đạo Phật. Lão Hòa Thượng Hư Vân biết Ngài là một vị long tượng trong cửa Pháp nên liền truyền thọ pháp mạch, khiến Ngài trở thành người thừa kế, làm vị Tổ đời thứ chín của dòng Quy Ngưỡng. Tính từ Sơ tổ Ma-ha Ca-Điếp thì Ngài là truyền nhân thứ bốn mươi sáu vậy.

Năm 1948, Ngài từ biệt Lão Hòa Thượng Hư Vân, lên đường sang Hương Cảng hoằng pháp, với ý định xiển dương cả năm phái: Thiên, Giáo, Mật, Luật, Tịnh để phá trừ sự phân phái chia rẽ. Trong thời gian này, Ngài đã trùng tu nhiều chùa cổ, in kinh điển, tạo tượng

Phật, xây Chùa An Lạc Viên, Phật Giáo Giảng Đường, và Chùa Từ Hưng. Đồng thời Ngài cũng giảng kinh thuyết pháp khiến Phật-giáo thịnh hành tại Hương Cảng.

Đến năm 1959, Ngài quán sát biết rằng Phật-giáo Phương Tây đã thành thực, có thể đem đạo lý chân thật của đạo pháp truyền bá mọi nơi, nên Ngài khiến đệ tử thành lập ở Mỹ hội "Tổng Hội Phật Giáo Trung Mỹ" (mà sau này đã trở thành Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới). Đến năm 1962, đáp lời thỉnh nguyện của tín đồ ở Mỹ, Ngài đơn thân tới Mỹ, dựng pháp tràng "Phật Giáo Giảng Đường" tại Cự Kim Sơn.

Năm 1968, Ngài mở khóa hè dạy tu và nghiên cứu Kinh Lăng Nghiêm. Có hàng chục sinh viên từ Đại-học Washington ở Seattle xuống tham gia, học hỏi Phật-pháp. Khi mãn khóa có năm vị người Mỹ khẩn cầu Ngài thế độ xuất gia, đánh dấu sự khai mở của Tăng đoàn Phật-giáo Mỹ Quốc. Từ đó về sau những người Mỹ xuất gia với Ngài càng đông, đem lại ảnh hưởng vô cùng sâu đậm đối với việc hoằng dương Phật-giáo tại Tây Phương, cũng như việc phiên dịch kinh điển vậy.

Mỗi lần giảng kinh thuyết pháp, Ngài đều giảng thâm sâu song rất dễ hiểu. Mấy chục năm qua Ngài đều thăng tòa thuyết pháp hơn vạn lần, hàng trăm tập kinh do Ngài giảng đã được dịch ra Anh ngữ; có thể nói Ngài là người đã khiến cho kinh sách dịch ra Anh ngữ nhiều nhất.

Năm 1973, Ngài thành lập Quốc Tế Dịch Kinh Học Viện với ý định đem "Đại Tạng Kinh" dịch ra nhiều ngôn ngữ khác nhau, khiến Phật-pháp được truyền bá khắp nơi.

Năm 1974, Ngài sáng lập Vạn Phật Thánh Thành, lập ra Đại Học Pháp Giới, Tăng Già Cư-sĩ Huấn Luyện Bang để bồi nhân tài về đạo pháp với trình độ và tiêu chuẩn quốc tế. Ngài lại sáng lập ra trường Tiểu-học Dục Lương, trường Trung-học Bồi Đức, với chủ trương dùng giáo dục để văn cứu và sửa đổi nhân tâm. Những năm kế tiếp Ngài liên tiếp lập ra Chùa Kim Sơn, Chùa Kim Luân, Chùa Kim Phong, Chùa Kim Phật, Chùa Hoa Nghiêm, Chùa Pháp Giới, Chùa Di Đà, Chùa Long Beach, Pháp Giới Thánh Thành, Học Viện Nghiên Cứu Tôn Giáo Pháp Giới, Chùa Kim Thánh và nhiều đạo tràng khác. Ngài đã xả mình, không từ lao khổ gian nan, tự mình làm gương, dạy học thuyết pháp với mục đích làm gương để đào tạo thế hệ tương lai. Ngài đã hiến dâng Vạn Phật Thánh Thành để làm "Chỗ Quy-Y Nương-tựa của Tín Đồ Phật Giáo Toàn Cầu." Gia phong Vạn Phật Thánh Thành rất nghiêm túc, tuân giữ sáu tông chỉ mà Ngài đã thực hành tự lúc xuất gia, đó là: không tranh, không tham, không cầu, không tự lợi, không ích kỷ, không dối trá. Do sự tu

hành cũng như đạo hạnh của Ngài chiêu cảm, nên Vạn Phật Thánh Thành đã trở thành một đạo tràng trọng yếu của Phật Giáo Mỹ Quốc.

Chí hướng hay phương châm của Ngài nằm trong bài thơ sau:

Dù lạnh rét, không phan duyên.

Dù đói chết, không xin xỏ.

Dù nghèo kiệt, không cầu cạnh.

Tùy thuận ngoại duyên, song không thay đổi chí-hạnh.

Không đổi chí-hướng, nhưng vẫn tùy thuận ngoại duyên.

Thế mới giữ vững ba đại tông chỉ:

Xả mình vì Phật sự,

Tạo mạng là bốn phận,

Sửa mình làm việc Tăng.

Hễ gặp việc gì, thấu lý việc ấy.

Hiểu đạo lý gì, thực hiện lý ấy.

Vậy mới truyền thừa mạch huyết Tổ-sư.

Sự thiên định và trí tuệ thâm sâu của Hòa Thượng Tuyên Hóa, đã thật sự khai mở cho chúng sanh đời mạt pháp một con đường vĩ đại đưa đến chỗ giác ngộ. Cuộc đời của Hòa Thượng đã khiến cho chúng ta cảm động, tán thán; ví như trong đêm tối gặp được ánh đèn Bát-nhã, hay nơi chỗ mù tịt ngửi được mùi hương Phật-pháp, hoặc trong bùn lầy dơ bẩn khai nở bông sen trong sạch. Chúng ta mới biết được cảnh giới của bậc đại hành giả thật khó nghĩ bàn.

Sơ Lược về Hòa Thượng Tuyên Hóa

Hòa Thượng Tuyên Hóa họ Bạch, tên thật là An Từ, tự là Độ Luân. Ngài quê ở huyện Song Thành, tỉnh Tùng Giang thuộc Đông Bắc, Trung Hoa, tức là Mãn Châu.

Phụ thân Ngài tên Phú Hải, chuyên làm nghề nông. Mẹ họ Hồ, sinh được tất cả tám người con, năm trai ba gái; và Ngài là út.

Hồ thái phu nhân thợ chay trường, niệm Phật, chẳng hề gián đoạn. Một đêm nọ phu nhân nằm mộng thấy Đức Phật A-Di-Đà hiện thân phóng đại quang minh chiếu triệt thế giới, chấn động thiên địa. Giật mình tỉnh giấc, phu nhân ngửi thấy mùi hương kỳ diệu khắp phòng, rồi sau đó hạ sanh ra Ngài.

Ngài vừa ra đời liền liên thanh khóc suốt ba ngày đêm không dứt. Chính là vì đau xót cho nỗi khổ của thế giới Ta-Bà này vậy.

Ngài cư ngụ tại một thôn quê rất nhỏ bé, thừa thớt nhà cửa. Thế nên, đến năm mười một tuổi Ngài vẫn chưa hề thấy qua người chết. Một hôm, Ngài cùng lũ bạn trong thôn dạo chơi chôn điền dã. Bất chợt Ngài thấy một em bé, miệng ngậm, mắt nhắm, nằm bó trong đám rơm bên lều. Ngài gọi mà đứa bé chẳng đáp, rờ thì chẳng có hơi thở. Ngài lấy làm khó hiểu vô cùng nên hỏi lũ bạn. Có kẻ hiểu biết liền nói: "Đứa bé đã chết rồi!" Song Ngài vô cùng ngạc nhiên, không hiểu thế nào là chết. Về nhà, Ngài liền hỏi mẹ, bà dạy: "Phàm là người, ai cũng phải chết. Có kẻ chết già, có kẻ chết vì bệnh, cũng có kẻ chết vì tai nạn. Bất luận là giàu sang hay nghèo khó, bất luận là sĩ, nông, công, thương, hay quan lại, ai ai rồi cuộc cũng phải chết."

Ngài lại hỏi: "Nếu thật như vậy, có cách gì thoát được chết không?" Bấy giờ trong nhà có vị khách xưa kia từng tu Đạo, đỡ lời đáp rằng: "Chỉ có cách tu Đạo, minh ngộ tự tâm, triệt

kiến bốn tánh thì mới liễu đoạn sanh tử, siêu thoát luân hồi, thành Chánh Giác, chứng Vô Sinh."

Tuy lúc đó Ngài còn nhỏ tuổi, song đối với lời vị khách nói, Ngài tỉnh ngộ sâu xa, do đó Ngài lập định chủ trương quyết chí xuất gia tu Đạo.

Khi Ngài mang chuyện xuất gia bàn với mẹ, bà dạy: "Xuất gia là chuyện tốt lắm, nhưng cũng không phải là chuyện dễ làm. Cần có thiện căn, có đại nguyện lực, cần phát đại Bồ Đề tâm thì mới có thể thành tựu Vô Thượng Đạo. Nay con có lòng vậy, ta hết sức đồng ý, cũng thật là phù hợp với giấc mộng xưa kia vậy. Nay ta đã già, ngày tháng chẳng còn bao lâu, các anh chị con đều đã tự lập. Con nên ở lại để phụng dưỡng cha mẹ; khi ta mất rồi, con xuất gia tu hành, lúc đó cũng chẳng muộn."

Ngài vâng lời cha mẹ, rồi sau đó hằng ngày thường theo mẹ lạy Phật. Lạy Phật xong, Ngài lạy cha mẹ.

Ngày qua ngày, đông tàn xuân đến, Ngài cung kính phụng dưỡng song thân như đối với Phật vậy. Chẳng bao lâu tiếng tăm hiếu thảo đồn khắp bốn phương, khi đó mọi người đều gọi Ngài là Bạch Hiếu Tử (người con chí hiếu họ Bạch).

Năm Ngài 19 tuổi thì mẹ Ngài qua đời; bấy giờ Ngài từ giã họ hàng lên chùa lạy Hoà Thượng Thường Trí làm Thầy và quy y, chính thức xuất gia, thọ giới. Sau đó, Ngài về lại nơi mộ phần thân mẫu để thủ hiếu trong ba năm. Suốt thời gian ấy, Ngài sống trong một túp lều tranh nhỏ, ngày ngày tọa Thiền, đọc tụng kinh điển Đại Thừa và niệm danh hiệu Phật A-Di-Đà. Rất nhiều lần Ngài ngồi Thiền rồi nhập Định, liên tiếp trong nhiều tuần lễ chẳng rời thiền sàng.

Một đêm nọ, dân trong thôn gần đó hốt hoảng thấy túp lều tranh của Ngài hừng hực lửa đỏ. Ánh lửa hồng phừng thẳng lên giữa không trung và túp lều tranh thì sáng rực như ban ngày. Nhiều người chạy đến mộ, hô hoán: "Nhà Hiếu Tử bị cháy rồi!" Cả trăm người trong làng hè nhau xách gáo, đem xô tới để chữa cháy. Song, khi tới nơi họ chỉ thấy túp lều tranh bình lặng, lửa chẳng cháy và Ngài thì vẫn an nhiên, tĩnh mặc trong Thiền Định!

Có lần Ngài đang tọa Thiền thì chợt có vị khách đến viếng. Vị khách ấy, ngạc nhiên thay, chính là Lục Tổ Huệ Năng! Đức Tổ Sư dạy Ngài rằng trong tương lai Ngài sẽ tới Mỹ quốc để độ sinh, rằng ở Tây phương Ngài sẽ gặp nhiều kẻ hữu duyên có thể hoằng dương Phật Pháp và Ngài sẽ độ vô lượng vô biên chúng sanh. Mãi đến lúc Đức Tổ Sư từ biệt quay đi rồi, Ngài mới choàng tỉnh, nhớ lại rằng Đức Huệ Năng vốn là người đời Đường, 1.200 năm về trước. Sau Đệ Nhị Thế Chiến, Ngài vân du khắp nơi. Cuối cùng, trải hơn ba ngàn dặm, Ngài tới chùa Nam Hoa, bái kiến vị Đại Thiện Tri Thức của thời bấy giờ là Lão Hòa Thượng Hư Vân. Lão Hòa Thượng lúc ấy đã 109 tuổi; vừa nhìn thấy Ngài, Lão Hòa Thượng liền nhận ra ngay sự chứng ngộ của Ngài. Khi đó, Lão Hòa Thượng nói: "Nhu thị, như thị!"; và Ngài cũng đáp lại: "Nhu thị, như thị!"

Bấy giờ, Lão Hòa Thượng Hư Vân ấn chứng sở đắc của Ngài, và Ngài chính thức trở thành vị Tổ thứ chín của dòng pháp Quy Ngưỡng.

Sau đó, Lão Hòa Thượng dạy Ngài ở lại chùa đảm nhận chức Viện Trưởng Viện Giới Luật của Chùa Nam Hoa.

Năm 1950, Ngài từ giã chùa, lên đường sang Hương Cảng. Ở đây, Ngài sống tại một sơn động biệt lập, chẳng lai vãng gì đến bụi trần, tục lụy. Chẳng bao lâu, có vô số Tăng-lữ từ Trung Hoa Đại Lục qua Hương Cảng tỵ nạn, và họ cần sự giúp đỡ của Ngài. Cuối cùng, ứng với nhân duyên, Ngài rời sơn động, lập ra giảng đường và hai ngôi chùa, cùng trợ giúp xây dựng nhiều đạo tràng khác.

Trong suốt mười hai năm ở Hương Cảng, Ngài là tấm gương sáng, khổ hạnh, tinh tấn tu Đạo, quên mình vì Phật Pháp. Ngài đã ảnh hưởng vô số thiện nam tín nữ, khiến họ phát tâm Bồ Đề, quy y Tam Bảo, ủng hộ Phật Pháp.

Năm 1962, Ngài đến San Francisco, Mỹ Quốc. Tại đây, nơi một nhà kho nhỏ, Ngài kiên trì tu hành trong im lặng, chờ đợi cho cơ duyên hoằng dương Đạo Pháp chín mùi. Lúc ấy, Ngài tự gọi mình là "Mộ Trung Tăng" (nhà Sư trong phân mộ), hay là Hoạt Tử Nhân (người đã chết nhưng còn sống). Những Phật tử hiểu biết sự tu hành chân chính của Ngài đều rất cảm động và cung kính ủng hộ, cúng dường Ngài.

Năm 1968, Ngài biết cơ duyên đã đến; Ngài nói: "Một đóa hoa sẽ nở ra năm cánh." Mùa hè năm đó, Ngài chủ trì Pháp Hội giảng Kinh Lăng Nghiêm trong 96 ngày. Khi Pháp Hội kết thúc, quả nhiên có năm người Mỹ đầu tiên xin xuất gia với Ngài.

Từ đó, Ngài tiếp tục chủ trì nhiều Pháp Hội khác, giảng giải Tâm Kinh, Kinh Địa Tạng, Kinh Pháp Hoa, Kinh Pháp Bảo Đàn v.v... Năm 1971, Ngài giảng bộ kinh tối cao của Đại Thừa, đó là Kinh Hoa Nghiêm.

Song song với việc giảng Kinh, thuyết Pháp, Ngài còn làm vô số công đức độ sinh khác. Năm 1976, Ngài thành lập Vạn Phật Thánh Thành, nền tảng căn cứ địa để hoằng dương Phật Pháp ở Mỹ Quốc. Tại Thánh Thành, Ngài xây dựng chế độ Tùng-lâm, đào tạo Tăng, Ni, học chúng, tạo nhân duyên thù thắng cho sự chân chính tu hành.

Mười Tám Đại Nguyện của Hòa Thượng Tuyên Hóa

Năm Hòa Thượng Tuyên Hóa 19 tuổi thì mẫu thân Ngài qua đời. Sau khi lo liệu chu toàn việc mai táng, Ngài tới Chùa Tam Duyên ở Hợp Nhĩ Tân (Harbin), chính thức xuất gia, lấy Hòa Thượng Thường Trí làm Thầy. Ít lâu sau, Ngài tới mộ phần của mẫu thân thủ hiếu. Năm đó, nhân ngày vía Đức Quán Thế Âm, ngày 19 tháng 6, Ngài đối trước chư Phật, Bồ Tát phát mười tám đại nguyện:

"Kính lạy mười phương Phật,

Cùng với Tam Tạng Pháp,

Quá khứ, hiện tại Hiền Thánh Tăng,

Nguyện rủ lòng tác chứng:

Đệ tử Độ Luân,

Thích An Từ,

Con nay phát tâm rằng:

Chẳng cầu phước báo hàng Trời, Người,

Cùng Thanh Văn, Duyên Giác,

cho đến hàng Bồ Tát quyền thừa.

Duy nương Tối Thượng Thừa

mà phát Bồ Đề tâm.

Nguyện cùng Pháp Giới chúng sinh,

Nhất thời đồng đắc

A nậu đa la tam miệu tam bồ đề."

1. Nguyện rằng nếu có một vị thuộc hàng Bồ Tát ở mười phương ba đời, trong tận cùng hư không, biến khắp Pháp Giới, mà chưa thành Phật thì tôi thề không thủ Chánh Giác.
2. Nguyện rằng nếu có một vị thuộc hàng Duyên Giác ở mười phương ba đời, trong tận cùng hư không, biến khắp Pháp Giới, mà chưa thành Phật thì tôi thề không thủ Chánh Giác.
3. Nguyện rằng nếu có một vị thuộc hàng Thanh Văn ở mười phương ba đời, trong tận cùng hư không, biến khắp Pháp Giới, mà chưa thành Phật thì tôi thề không thủ Chánh Giác.
4. Nguyện rằng nếu có một vị thuộc hàng Trời, Người ở trong Tam Giới, mà chưa thành Phật thì tôi thề không thủ Chánh Giác.
5. Nguyện rằng nếu có một Người ở trong mười phương thế giới mà chưa thành Phật, tôi thề không thủ Chánh Giác.

6. Nguyên rằng nếu có một vị Trời, Người, A-tu-la chưa thành Phật, tôi thề không thủ Chánh Giác.

7. Nguyên rằng trong thế giới loài Súc Sinh, nếu còn một loài nào chưa thành Phật, tôi thề không thủ Chánh Giác.

8. Nguyên rằng trong thế giới loài Ngạ Quỷ, nếu còn một kẻ chưa thành Phật, tôi thề không thủ Chánh Giác.

9. Nguyên rằng trong thế giới loài Địa Ngục, nếu còn một kẻ chưa thành Phật, tôi thề không thủ Chánh Giác.

10. Nguyên rằng trong Tam Giới, nếu những kẻ từng quy y với tôi, hoặc là Trời, Người, A-tu-la, các loài bay, lặn, động vật, thực vật, linh giới, rồng, súc sinh, quỷ, thần, mà chưa thành Phật, tôi thề không thủ Chánh Giác.

11. Nguyên rằng tất cả những phước lạc mà tôi đáng được hưởng đều hồi hướng phổ thí cho tất cả chúng sinh trong Pháp Giới.

12. Nguyên rằng một mình tôi nhận chịu hết tất cả khổ nạn của chúng sinh trong Pháp Giới.

13. Nguyên rằng tôi sẽ phân linh vô số, phổ nhập tâm chúng sinh nào không tin Phật Pháp, làm cho họ bỏ ác, hướng thiện, hối quá sửa mình, quy y Tam Bảo, rồi cuối cùng thành Phật.

14. Nguyên rằng tất cả chúng sinh nào, khi thấy mặt tôi, cho đến chỉ nghe tên tôi, đều phát tâm Bồ Đề, mau đắc thành Phật Đạo.

15. Nguyên rằng luôn tôn kính điều Phật dạy, và thực hành mỗi ngày ăn một bữa.

16. Nguyên giác ngộ loài hữu tình, khắp nhiếp thọ các loài căn cơ.

17. Nguyên trong đời này tôi sẽ đắc Ngũ Nhân, Lục Thông, và phi hành tự tại.

18. Nguyên tất cả mọi cầu nguyện đều hoạch đắc mãn túc.

Cuối cùng:

"Chúng sinh vô biên thế nguyện độ.

Phiền não vô tận thế nguyện đoạn.

Pháp môn vô lượng thế nguyện học.

Phật Đạo vô thượng thế nguyện thành."

Tám Quy Luật

của Viện Phiên Dịch Kinh Điển

1. Người dịch phải tự thoát mình ra khỏi động cơ truy tìm danh lợi.
2. Người dịch phải tu dưỡng thân tâm, dứt bỏ thói cao ngạo.
3. Người dịch phải tự chế, không được tự khen ngợi mình, chê bai người khác.
4. Người dịch không được tự cho mình là tiêu chuẩn, là thước đo, rồi hạ thấp người khác bằng cách tìm lỗi nơi tác phẩm của họ.
5. Người dịch phải lấy tâm Phật làm tâm mình.
6. Người dịch phải dùng Trạch Pháp Nhãn để phán xét đâu là chân lý.
7. Người dịch phải cung kính cầu thỉnh Cao Tăng Đại Đức mười phương chứng minh cho bản dịch.

8. Người dịch phải hoan hỷ truyền bá giáo nghĩa Phật học bằng cách in Kinh, Luật, Luận khi việc phiên dịch của mình được công nhận là chính xác.

Hòa Thượng Tuyên Hóa